TẠP CHÍ
KINH TẾ
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG
THE ECONOMIC REVIEW

ISSN 1859-1493

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
Chủ tịch
PGS.TS NGUYỄN HỒNG SƠN

Các Ủy viên
TS. NGUYỄN ĐỨC HIỂN
THS. LÊ THANH TÙNG
THS. BÙI QUỐC DŨNG
TS. ĐẶNG ĐỨC LONG
TS. NGUYỄN TÚ ANH
THS. NGUYỄN VĂN TIẾN
THS. HÀ HẢI AN
TS. ĐOÀN NGỌC XUÂN
PGS.TS NGÔ TRÍ TUỆ
GS.TS. LÊ QUỐC HỘI
PGS.TS. PHAN CHÍ ANH

Tổng Biên tập:
PGS.TS. Ngô Trí Tuệ

Thư ký Tòa soạn:
Đặng Việt Dũng

Tòa soạn:
Tầng 9, tòa nhà A3,
phố Nguyễn Cảnh Chân,
quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080 44754

Mỹ thuật:
Mai Văn Bình

Thư Tòa soạn,

Quý bạn đọc kính mến!

Trên tay quý bạn đọc là Tạp chí Kinh tế số 69 - ấn phẩm được xuất bản trong bối cảnh đất nước ta đang nỗ lực vượt qua các thách thức, thực hiện thành công các mục tiêu trong năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Trong số này, Tạp chí Kinh tế xin trân trọng giới thiệu bài "Tăng cường xây dựng Đảng - Yếu tố quan trọng trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" trong Cuốn sách của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng "Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh". Bài đăng tải có giá trị khoa học và thực tiễn sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

Chuyên mục Đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống giới thiệu với quý bạn đọc các bài viết của các đồng chí lãnh đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, công tác đối ngoại theo các chủ trương, nghị quyết của Đảng ở địa phương.

Chuyên mục Nghiên cứu trao đổi giới thiệu tinh thần và quán triệt Chỉ thị của Ban Bí thư về công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, bài nghiên cứu của các chuyên gia, nhà quản lý về thể chế hóa các Nghị quyết của Đảng trong sửa đổi Luật đất đai, về đẩy mạnh chuyển đổi số trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo chủ trương của Đảng.

Chuyên mục Thông tin quốc tế giới thiệu các bài viết về dự báo kinh tế thế giới, về một số xu hướng, kinh nghiệm đáng chú ý trên thế giới để tham khảo trong quá trình thể chế hóa và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng trong giai đoạn tới.

Tạp chí Kinh tế rất mong nhận được sự quan tâm đóng góp của quý bạn đọc, các cơ quan, tổ chức để có thể phục vụ ngày càng tốt hơn.

Trân trọng.

TẠP CHÍ KINH TẾ

TRONG SỐ NÀY

04. **NGUYỄN PHÚ TRỌNG**

Tăng cường xây dựng Đảng - Yếu tố quan trọng trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

09. **ĐỖ TRỌNG HƯNG**

Thanh Hóa triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị, phấn đấu sớm trở thành cực tăng trưởng mới ở phía Bắc của Tổ quốc

17. **LÂM VĂN MẪN**

Phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

24. **ĐOÀN NGỌC XUÂN**

Nội dung mới của Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới

29. **NGUYỄN VĂN TIẾN**

Giao đất, cho thuê đất đối với hợp tác xã: Kiến nghị bổ sung, hoàn thiện dự thảo Luật Đất đai

33. **QUANG TIẾN VÀ TRẦN TIẾN DŨNG**

Đẩy mạnh chuyển đổi số tạo động lực mới cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

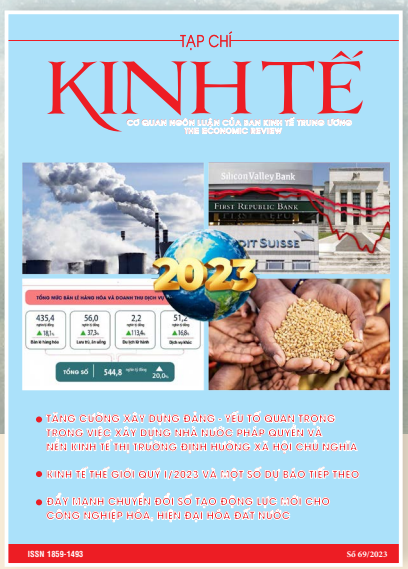

Bìa 1: Kinh tế thế giới đầu năm 2023 chứa đựng các yếu tố rủi ro, ảnh hưởng đến tăng trưởng toàn cầu
Thiết kế bìa: Mai Văn Bình

ISSN 1859-1493

40. **VÂN KHÁNH**

Phát triển các hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, sản xuất gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực quốc gia, vùng, địa phương

THÔNG TIN QUỐC TẾ

44. **BÙI TIẾN DŨNG VÀ ĐINH THU HẰNG**

Nhận diện những xu hướng lớn trên thế giới và dự báo tác động đến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030 và những năm tiếp theo

52. **NGUYỄN HỒNG QUANG VÀ TRẦN HUYỀN TRANG**

Phát triển năng lượng tái tạo:
Bài học kinh nghiệm từ Mỹ

58. **NGUYỄN QUANG HUY**

Tổng quan kinh tế thế giới quý I/2023 và một số dự báo tiếp theo

ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HOÁ VIỆT NAM

65. **NGUYỄN THUÝ NGA**

Giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc, lâu bền của "Đề cương về Văn hóa Việt Nam" và vai trò tuyên truyền của báo chí

Giấy phép hoạt động báo chí: 342/GP-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông
cấp ngày 24/7/2015
In tại Công ty TNHH MTV In Tiến bộ

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực chủ trì Phiên họp thứ 23 của Ban Chỉ đạo.

TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG ĐẢNG - YẾU TỐ QUAN TRỌNG TRONG VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA(*)

● **NGUYỄN PHÚ TRỌNG**

Cuốn sách "Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh" của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng được xuất bản và ra mắt đúng vào dịp kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 10 năm thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, do đồng chí Tổng Bí thư làm Trưởng Ban Chỉ đạo. Đây là cuốn sách có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cả về lý luận và thực tiễn đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam. Việc xuất bản, phổ biến, tuyên truyền về cuốn sách nhận được sự đồng tình, ủng hộ, cổ vũ của các chuyên gia, nhà khoa học, đại biểu Quốc hội, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong cả

(*) Bài in trong cuốn sách: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh. Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2023, tr.286-295

nước. Với ý nghĩa đặc biệt đó, Tạp chí Kinh tế xin trân trọng trích đăng bài phát biểu của đồng chí Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng tại Đảng bộ cơ quan Văn phòng Quốc hội đầu năm 2008: "Tăng cường xây dựng Đảng - Yếu tố quan trọng trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" được giới thiệu trong Cuốn sách. Những nội dung đó luôn có giá trị khoa học và thực tiễn sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

Năm 2007, Đảng bộ cơ quan Văn phòng Quốc hội đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị và được cấp trên đánh giá cao. Năm 2007 và nhiều năm qua, Đảng bộ liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; đại bộ phận đảng viên đều gương mẫu hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Tuy nhiên, chúng ta cũng cần thấy rõ những yếu kém, rút ra được những bài học kinh nghiệm để sắp tới làm tốt hơn nữa nhiệm vụ của Đảng bộ cũng như làm tốt hơn nữa công tác xây dựng Đảng.

Để góp phần triển khai thực hiện phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2008, với tư cách là một đảng viên trong Đảng bộ, tôi xin góp thêm một số ý kiến để các đồng chí tham khảo.

Thứ nhất, xin kiến nghị *Đảng ủy, Đảng bộ cần dành nhiều công sức, thời gian hơn nữa chăm lo cho công tác xây dựng Đảng*. Mặc dù vừa qua, chúng ta đã làm tốt công tác này, nhưng e rằng nhận thức còn chưa thật sâu sắc, chưa dành thời gian và công sức đúng mức cho nhiệm vụ này. Không phải ngẫu nhiên mà Đảng ta đã xác định xây dựng Đảng lúc nào cũng quan trọng và lúc này lại càng đặc biệt quan trọng. Nó có ý nghĩa như một nhiệm vụ then chốt (phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt), một nhiệm vụ chính trị sống còn trong giai đoạn hiện nay. Càng nghĩ càng thấm thía, xây dựng Đảng quả là vấn đề hết sức quan trọng. Đã từ lâu, V.I. Lênin nói rằng: "Hãy cho chúng tôi một tổ chức những người cách mạng, và chúng tôi sẽ đảo ngược cả nước Nga lên!"(1). Bác Hồ của chúng ta cũng nói rằng, muốn tiến hành cách mạng trước hết phải có Đảng "để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi"(2). Trong thời đại ngày nay, hầu hết các nước trên thế giới từ nước lớn đến nước nhỏ, đều có đảng lãnh đạo. Từ các nước giáp chúng ta như Trung Quốc, Lào, Campuchia đến các nước ở xa ta như Nga, Mỹ, Anh, Nhật Bản, Pháp, Đức, Ấn Độ, Inđônêxia... dù một đảng hoặc hai đảng, hoặc nhiều đảng liên minh với nhau, nhưng dứt khoát phải có đảng lãnh đạo, vì mọi vấn đề trọng đại của đất nước không thể do cá nhân quyết định mà phải do một tập thể có trí tuệ quyết định. Vậy đảng là gì? *Đảng là tổ chức chính trị của những người cùng chung một chí hướng, thuộc cùng một giai cấp, tầng lớp hoặc liên minh giai cấp, tầng lớp đấu tranh thực hiện lý tưởng, mục tiêu của mình*. Xây dựng Đảng là gì? *Xây dựng Đảng là xây dựng tổ chức và con người để bảo đảm thực hiện thắng lợi sự nghiệp và mục tiêu lý tưởng của Đảng đó*. Tôi nghĩ xây dựng Đảng là vô cùng quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, công tác xây dựng Đảng lại càng quan trọng, bởi ba lý do sau đây:

Một là, nhiệm vụ chính trị của chúng ta rất nặng nề, có nhiều vấn đề mới đặt ra chưa có tiền lệ, hết sức phức tạp và khó khăn. Đó là phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như thế nào? Kinh tế thị trường vận hành theo quy luật của thị trường nhưng phải đảm bảo công bằng xã hội, không xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, làm sao vừa hội nhập kinh tế quốc tế lại vừa giữ được độc lập, tự chủ? Nghe tưởng như mâu thuẫn, nhưng trong thực tế chúng ta đã phải xử lý các mối

(1) V.I. Lênin: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.6, tr.162 (B.T).
(2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.2, tr.289 (B.T).

Hình ảnh giới thiệu cuốn sách "Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh" của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực sáng 2/2/2023, tại Hà Nội, do Ban Nội chính Trung ương và Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tổ chức.

quan hệ cực kỳ khó khăn. Tình hình quốc tế đang thay đổi, trước đây có hai phe, bạn - thù rõ rệt, bây giờ đan xen nhau, không rõ, quan hệ với anh này lại đụng đến anh kia, "được lòng đất mất lòng đò", xử lý các mối quan hệ vô cùng phức tạp. Trước kia, mình chưa phải là uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, nhưng bây giờ đã ngồi vào ghế đó rồi thì phải xử lý các mối quan hệ quốc tế như thế nào, không thể chỉ trả lời chung chung được... Rõ ràng, ngày xưa, có cái khó của ngày xưa, bây giờ có cái khó của bây giờ, đòi hỏi phải có đủ trình độ, trí tuệ, sự hiểu biết thực tiễn, không chỉ hiểu biết trong nước mà còn phải hiểu biết quốc tế, nắm vững luật pháp quốc tế, nắm vững những điều chúng ta đã ký kết với quốc tế, đồng thời lại phải giữ được độc lập tự chủ, ta vẫn là ta chứ không ai "hòa tan" ta được.

Riêng về lĩnh vực hoạt động của Quốc hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là thế nào? Pháp quyền và xã hội chủ nghĩa, không tam quyền phân lập nhưng có sự phân công rành mạch và bảo đảm tính độc lập tương đối. Chỉ một Đảng lãnh đạo, dứt khoát không đa nguyên đa đảng, phải xử lý như thế nào?... Ở đây đòi hỏi bản lĩnh chính trị, sự trung thành tuyệt đối, không được dao động, đồng thời phải có trí tuệ, xử lý khôn khéo, thông minh.

Hai là, Đảng ta đã nhiều lần phân tích, đánh giá là hiện nay tình hình Đảng ta và công tác xây dựng Đảng bên cạnh những mặt tốt, cũng còn không ít yếu kém, khuyết điểm. Trình độ đã đáp ứng được yêu cầu chưa? Phẩm chất đạo đức thế nào? Tham nhũng, tiêu cực hình như càng nói chống thì càng phình ra; quan hệ với dân thì hình như có chiều xa cách, uy tín giảm sút, nhận định như vậy có đúng không? Và nếu thế thì làm sao đủ sức chiến đấu, làm sao có đủ niềm tin, lại cộng thêm những dao động về lý tưởng nữa! Có người nói bây giờ có tình trạng "chán Đảng, khô Đoàn, nhạt chính trị", chỉ có chuyên môn và làm kinh tế thôi, có đúng không? Cho nên, yêu cầu đặt ra đối với chúng ta là rất lớn, sức ta chưa đáp ứng được nhiều, dù vừa qua đã rất cố gắng.

Ba là, sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch. Hằng ngày chúng ta đều thấy, khi đọc báo, nghe tin chúng ta đều thấy. Người ta khen mình có khi mình lo, vì khen ta đang đi "đúng hướng" và ca ngợi hết lời, nhưng cứ sử dụng con bài dân chủ, nhân quyền, tôn giáo khía vào chúng ta. Người ta tuyên bố thẳng thừng rồi chứ không còn úp úp mở mở; họ nói thẳng là họ đã thua Việt Nam trên chiến trường, tiêu tốn hơn 1.000 tỉ đôla, bây giờ không thể để Đảng Cộng sản Việt Nam yên vị trên đất nước này được; họ đã thua trên chiến trường thì bây giờ phải thắng trong thị trường. Người ta tìm mọi cách để "diễn biến" và làm cho chúng ta "tự diễn biến", thông qua ngoại giao, thông qua kinh tế, thông qua hợp tác, v.v.. Mặt tích cực trong hợp tác thì ta khỏi nói, nhưng có phải tất cả mọi sự hợp tác đều là vô tư, trong sáng, có phải thực sự lành mạnh không, hay qua hợp tác lại nhằm mục đích gì? Tại sao họ nói thẳng ra là phải làm "xanh hóa những cái đầu đỏ", phải "dùng cộng sản con để diệt cộng sản bố", chia rẽ từ trong nội bộ ta. Rêu rao trong Trung ương, trong Bộ Chính trị có phe này, phái khác, chia rẽ Đảng với Nhà nước; chia rẽ Đảng, Nhà nước với dân, kích động mặt này, mặt khác, nguy hiểm vô cùng. Người ta muốn xen ngay vào đường lối, vào chính sách, vào luật pháp, vào công tác tổ chức cán bộ. Tại sao người ta quan

tâm đến mình nhiều thế, nhất là trước mỗi kỳ đại hội Đảng, trước mỗi lần bầu cử Quốc hội, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo Nhà nước; họ tung ra đủ chuyện này, chuyện nọ. Có phải tất cả đều là thật lòng, tốt bụng với chúng ta? Đương nhiên, về mặt tốt ta biết cả rồi và rất cảm ơn, hoan nghênh, ai giúp Việt Nam lúc này cũng quý và ta đang kêu gọi đầu tư, muốn làm được nhiều hơn nữa, mời vào đầu tư nhiều hơn nữa, nhưng phải chăng chỉ có mặt tốt, một chiều như thế thôi?

Tôi xin nói gọn lại có ba lý do như vậy để nhấn mạnh rằng, lúc này càng không được chủ quan, mất cảnh giác, lơi là xây dựng Đảng, kể cả hiện tại và lâu dài. Không phải ngẫu nhiên mà từ Đại hội X đến nay, mấy Hội nghị Trung ương đều tập trung rất nhiều vào nội dung xây dựng Đảng, ngoài vấn đề về kinh tế, về văn hóa và một số mặt khác. Trung ương bàn và ra nghị quyết về công tác tư tưởng lý luận, về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; phát động Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, không chỉ bằng chủ trương, bằng luật pháp, bằng cả hệ thống tổ chức nữa và đang chỉ đạo quyết liệt. Đó chính là xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, xây dựng hệ thống chính trị. Một mặt phát huy cao độ dân chủ, không dân chủ không được, đó là xu thế tất yếu của thời đại; dân chủ là bản chất, là linh hồn của chủ nghĩa xã hội; nhưng mặt khác, phải hiểu thế nào cho đúng về dân chủ để không chệch hướng. Điều đó không có gì mâu thuẫn.

Với những lý do như thế, tôi rất mong Đảng ủy, Đảng bộ chúng ta sắp tới quan tâm nhiều hơn nữa đến công tác xây dựng Đảng, dành nhiều thời gian, công sức hơn nữa cho công tác xây dựng Đảng. Vừa qua, chúng ta đã quan tâm nhưng xem đã đủ mức chưa, sinh hoạt chi bộ bàn về Đảng được bao nhiêu, công tác lãnh đạo của Đảng ủy chúng ta bàn được bao nhiêu? Nói về xây dựng Đảng là xây dựng về tư tưởng, về tổ chức, về cán bộ. Vậy chúng ta đã có chủ trương gì về công tác tư tưởng, làm quy hoạch cán bộ như thế nào, công tác tổ chức như thế nào, tâm tư nguyện vọng của cán bộ, đảng viên chúng ta hiểu hết chưa. Nếu nói chung chung và nhận định cơ bản là tốt thì dễ thôi, nhưng đi sâu vào nội tình của từng nơi thì chắc là còn nhiều việc phải làm để xây dựng con người và xây dựng tổ chức, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Thứ hai, tôi xin kiến nghị *Đảng bộ chú ý hơn nữa việc nâng cao tính chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và công tác cán bộ, đảng viên*. Khi chuẩn bị Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, thảo luận trong Hội đồng Lý luận Trung ương (năm 2004) cũng có đồng chí nói là lúc này "đánh đấm" gì mà nêu tính chiến đấu. Nâng cao năng lực lãnh đạo thì đúng, nhưng chiến đấu với ai, mình có hung hăng quá không? Chủ đề của Đại hội X là nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới để đưa nước ta sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển. Đại hội đã thảo luận và thấy cần thiết phải khẳng định tính chiến đấu. Mới đây nhất, ngay tuần trước họp Hội nghị Trung ương 6 bàn chuyên đề

> **Chiến đấu ở đây không phải là "đấm đá", đây là đấu tranh chống lại những tiêu cực, những cản trở sự phát triển của chúng ta ngay từ trong Đảng và trong xã hội, trong mỗi con người chúng ta**

nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và cán bộ, đảng viên, trong thảo luận cũng có ý kiến nêu có nên dùng chữ "sức chiến đấu không"? Cũng với cách nghĩ là bây giờ có còn chiến tranh nữa đâu mà phải nói chiến đấu. Bộ Chính trị đã giải trình một lần nữa là: phải nói cả hai vế nâng cao *năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu*, đương nhiên trong năng lực lãnh đạo cũng phải có sức chiến đấu, trong sức chiến đấu cũng phải có năng lực lãnh đạo thì mới chiến đấu được. Chiến đấu ở đây không phải chỉ hiểu đơn thuần là chiến đấu với kẻ thù, mà chiến đấu với tình trạng trì trệ, không phát triển; chiến đấu với việc làm sai trái; chiến đấu với chính bản thân mình để vượt lên những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân; chiến đấu chống lại những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Không phải chỉ từng cá nhân cán bộ, đảng

viên chiến đấu mà cả tổ chức cũng phải nâng cao tính chiến đấu.

Chúng ta đã nói nhiều về chống tham nhũng nhưng có thấy mấy chi bộ phát hiện ra đâu. Khi bình chọn cuối năm thì hầu hết đảng viên là đủ tiêu chuẩn và chi bộ trong sạch, vững mạnh, nhưng đơn thư tố cáo thì rất nhiều và tình trạng tham nhũng có cả ở đấy. Điều đó có nghĩa gì? Do vậy, đòi hỏi một phẩm chất chính trị, năng lực lãnh đạo nhưng phải có dũng khí chiến đấu, tính đảng cao.

Bây giờ liên hệ trong từng chi bộ, từng con người xem tính chiến đấu đã đủ mức chưa. Nói là tự phê bình và phê bình chứ vẫn ca ngợi nhau là chính, chưa nhìn thẳng vào sự thật, chưa dám nói thẳng, cũng e dè, nể nang với trăm thứ lý do, nhất là sợ bị trù dập, cho nên cứ bùng nhùng thế thôi, đúng không bảo vệ, sai không dám đấu tranh, "quan bảy cũng ừ, quan tư cũng gật". Trung bình chủ nghĩa không vươn lên là kém tính chiến đấu. Đó là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, nhưng đối với Đảng bộ chúng ta, tôi xin kiến nghị phải chú ý thêm tính chiến đấu với nhiều biện pháp và nhất là mỗi con người phải chiến đấu với chính mình.

Ngày xưa, khi đồng chí Tố Hữu ở trong tù đã phải tự đấu tranh với mình, dằn vặt giữa cái sống, cái chết đã đành, nhưng đấu tranh giữa chủ nghĩa tập thể với chủ nghĩa cá nhân trong con người mình cũng quyết liệt lắm, như thể hiện trong bài thơ *Con cá, chột nưa*:

"Ăn đi vài con cá,
Dăm bảy cái chột nưa,
Có ai biết ai ngờ
Thế vẫn tròn danh dự".

Mình nhịn đói, tuyệt thực để đấu tranh với địch, nhưng khi nó đưa thức ăn đến, có sức cám dỗ vô cùng, ăn một tí có ai biết đâu. Nhưng suy nghĩ mãi, lưỡng lự, rồi lắc đầu, mặc dù không ai biết nhưng vẫn không làm thế được... Đấu tranh với mình gian khổ lắm chứ. Trong điều kiện hiện nay, cán bộ, đảng viên chúng ta đi công tác nước ngoài khắp mọi nơi, ai quản lý, ai biết; giao dịch với nước ngoài ai biết, làm sao để không bị co kéo, mua chuộc? Trong xây dựng cơ bản, trong mua sắm, biết bao nhiêu thứ phết, phẩy, phần trăm, những thứ không thành văn. Vậy làm sao để không bị cám dỗ, không bị sa ngã?

Cho nên phải làm sao để có tính chiến đấu, chiến thắng được mọi thứ cám dỗ trong từng công việc một. Đó là ý thứ hai tôi xin kiến nghị.

Thứ ba, xây dựng Đảng là vấn đề rất khó, vì vừa phải xây dựng tổ chức, vừa phải xây dựng con người. Mà *con người*, thì như Goócki nói: "Hai tiếng ấy vang lên kiêu hãnh làm sao". Nhưng *con người*, như tục ngữ ta nói cũng đủ thứ, ta biết con người là thế nào rồi, "miếng ăn là miếng tồi tàn, mất ăn một miếng thì lộn gan lên đầu"! Nhìn người khác thấy khuyết điểm thì rất rõ, nhìn khuyết điểm của chính mình thì rất khó; nhìn mình bao giờ cũng thấy hay hơn, giỏi hơn người khác, nhưng lại bị thiệt hơn người khác; còn người khác thì kém mình mà lại được hưởng hơn mình, cho nên mới có những tâm tư này khác, mặc dù cũng có tâm tư chính đáng, nguyện vọng chính đáng.

Vì vậy, *muốn xây dựng Đảng tốt, từng tổ chức tốt thì từng con người phải tốt*. Tốt trước hết ở đây là tự giác, không tự giác thì cực kỳ khó. Cơ quan nào cũng bảo nơi khác tham nhũng chứ cơ quan mình có tham nhũng đâu? Tại sao có bệnh thành tích chủ nghĩa? Từng con người một cho là tốt cả, nhưng trong dân không chấp nhận. Kiểm điểm phê bình cuối năm cũng qua loa, thành tích là cơ bản. Cho nên sự tự giác của mỗi người chúng ta là rất quan trọng.

Vừa rồi, nhân dân phản ánh về phong trào "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Nói chung là rất tốt, nhiều đồng chí nói rất hay, kể chuyện rất xúc động. Ban chỉ đạo cũng chọn người nào nên đi nói, bởi vì nói hay mà nhìn vào bản thân không phải thế thì khó rồi, cho nên từng người phải gương mẫu. Đảng viên phải tiên phong, gương mẫu thì nói người khác mới nghe, chứ nói đấu tranh rất mạnh nhưng bản thân "chân mình còn lấm bê bê, lại cầm bó đuốc đi rê chân người" thì người ta không chịu.

Mặc dù các đồng chí đã biết, nhưng qua công tác thực tiễn, tôi xin góp thêm một số ý kiến như thế để các đồng chí tham khảo, với mong muốn là tổ chức đảng của chúng ta trong sạch, vững mạnh thật sự; từng cán bộ, đảng viên tiên phong, gương mẫu thật sự, để nhân dân nhìn vào, quần chúng nhìn vào. Rất mong được các đồng chí quan tâm ■

THANH HÓA TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HIỆU QUẢ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 26-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, PHẤN ĐẤU SỚM TRỞ THÀNH CỰC TĂNG TRƯỞNG MỚI Ở PHÍA BẮC CỦA TỔ QUỐC

● **ĐỖ TRỌNG HƯNG**[*)]

Từ một trong những tỉnh nghèo, với điểm xuất phát thấp, cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông, lâm nghiệp, thời gian qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự giúp đỡ, hỗ trợ của các ban, bộ, ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố, với sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, đến nay, Thanh Hóa đã vươn lên trở thành tỉnh có quy mô kinh tế lớn nhất Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ, nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố có quy mô GRDP lớn nhất cả nước và đang từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành một cực tăng trưởng mới ở phía Bắc của Tổ quốc.

(*) Tiến sỹ, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Thanh Hóa.

Thanh Hóa nằm ở vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, điểm kết nối Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung Bộ với Vùng đồng bằng Sông Hồng; cửa ngõ thông thương ra biển gần nhất của khu vực phía Tây Tây Bắc nước ta và Đông Bắc Lào. Tỉnh có quy mô diện tích tự nhiên đứng thứ 5 cả nước, với trên 11.120 km^2, quy mô dân số đứng thứ 3 cả nước, với trên 3,64 triệu người. Là một trong số ít địa phương hội tụ đủ 03 vùng địa lý, trong đó miền núi là sự nối dài của Tây Bắc Bộ, vùng đồng bằng lớn nhất Trung bộ, đất liền nhìn ra Vịnh Bắc Bộ với vùng biển rộng 17.000 km^2. Trên địa bàn tỉnh có Cảng hàng không Thọ Xuân, Khu kinh tế Nghi Sơn(1) gắn với Cảng nước sâu Nghi Sơn và 08 khu công nghiệp; hệ thống giao thông thuận lợi, bao gồm đầy đủ các loại hình, với nhiều trục tuyến giao thông quan trọng quốc gia đi qua, như: Cao tốc Bắc Nam, quốc lộ 1A, quốc lộ 10, quốc lộ 47, quốc lộ 45, quốc lộ 217, quốc lộ 15, đường Hồ Chí Minh, đường ven biển, đường sắt Bắc Nam... Đây là những yếu tố thuận lợi để thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị (khóa XII) về "Xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 trong bối cảnh phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức được đánh giá là chưa từng có trong lịch sử, nhất là đại dịch COVID-19 bùng phát và diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, việc làm và đời sống sinh hoạt của Nhân dân. Trong muôn vàn khó khăn, kế thừa những thành tựu chung của đất nước và kế thừa, phát triển tư duy, tầm nhìn, kinh nghiệm từ nhiều nhiệm kỳ trước, Thanh Hóa đã vững vàng vượt qua khó khăn, đạt được nhiều kết quả tích cực, toàn diện trên các lĩnh vực, đã và đang từng bước hiện thực hóa mục tiêu "*Phấn đấu đến năm 2025 trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước - một cực tăng trưởng mới, cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc; đến năm 2030 trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, người dân có mức sống cao hơn bình quân cả nước*"(2).

Trong nửa đầu nhiệm kỳ 2020-2025, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung rất cao cho công tác quán triệt, triển khai, cụ thể hóa, thể chế hóa kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước; trọng tâm là các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX... Chủ động, tích cực phối hợp với các bộ, ngành chức năng xây dựng, báo cáo Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trình Quốc hội khóa XV ban hành Nghị quyết số 37/2021/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa; rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách liên quan đến các vấn đề kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh, xây dựng hệ thống chính trị; trong đó có nhiều cơ chế, chính sách quan trọng về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư, khuyến khích các ngành kinh tế có tiềm năng, lợi thế phát triển, về hỗ trợ doanh nghiệp, về chăm lo cho con người,… nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh và bền vững.

Nhờ triển khai nhiều chủ trương, giải pháp phù hợp, đúng đắn, nên mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, nhưng bức tranh tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa vẫn tiếp tục khởi sắc. Kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng; tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt 10,49%; trong đó năm 2021

(1) Khu kinh tế Nghi Sơn là 1 trong 8 Khu kinh tế trọng điểm ven biển của cả nước, được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập năm 2006 (Quyết định số 102/2006/QĐ-TTg ngày 15/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ) và được điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 lên 106.000 ha (theo Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ).

(2) Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, trang 79.

đạt 8,85%, đứng thứ 5 cả nước; năm 2022 đạt 12,51%, đứng thứ 7 cả nước. Quy mô GRDP (theo giá hiện hành) năm 2022 đạt 252.672 tỷ đồng, gấp 1,34 lần năm 2020. GRDP bình quân đầu người năm 2022 đạt 2.924 USD, gấp 1,32 lần năm 2020. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2022 đạt 51.138 tỷ đồng, đứng thứ 9 cả nước và là năm đầu tiên thu ngân sách của tỉnh vượt mốc 51 nghìn tỷ đồng, gấp 1,62 lần năm 2020.

Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP chuyển dịch theo hướng tích cực; tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 17,2% năm 2020 xuống còn 14,4% năm 2022; ngành công nghiệp, xây dựng tăng từ 42,3% lên 48,4%; ngành dịch vụ giảm từ 33,5% xuống 30,4% và thuế sản phẩm tăng duy trì ở mức 6,8%. Cơ cấu các thành phần kinh tế trong GRDP chuyển dịch theo hướng phù hợp, giảm tỷ trọng thành phần kinh tế nhà nước, tăng tỷ trọng thành phần kinh tế ngoài nhà nước và khu vực đầu tư nước ngoài. Cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế của từng vùng, địa phương để nâng cao hiệu quả sản xuất và gắn với thị trường. Năng suất lao động xã hội liên tục tăng, năm sau cao hơn năm trước, bình quân hằng năm giai đoạn 2021 - 2022 đạt 10,4%; năng suất lao động xã hội bình quân năm 2022 ước đạt 101,5 triệu đồng/người, tăng 20,7 triệu đồng so với năm 2020.

Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển khá toàn diện, giữ vai trò quan trọng cho sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường; tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 3,7%. Hoạt động sản xuất nông nghiệp chuyển dần tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp, gắn với nhu cầu thị trường; lấy nông dân làm trung tâm, nông nghiệp là động lực, nông thôn là nền tảng. Nông nghiệp sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao từng bước được hình thành; đã thực hiện chuyển đổi 5.308 ha đất lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng hiệu quả cao hơn; tích tụ, tập trung được 15.339 ha đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; hình thành các vùng nguyên liệu tập trung cho các nhà máy chế biến, như: Lúa thâm canh, mía thâm canh, nguyên liệu sắn, cây gai xanh...

Sản xuất công nghiệp duy trì tăng trưởng cao; tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 15,8%/năm, là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Giá trị gia tăng các sản phẩm công nghiệp (theo giá hiện hành) năm 2022 đạt 87.811 tỷ đồng, gấp 1,56 lần năm 2020, đứng thứ 15 cả nước. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư; hoạt động đầu tư công được chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ. Bên cạnh việc khởi công, khánh thành, đưa vào hoạt động một số cơ sở công nghiệp quy mô lớn, như: Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2, Nhà máy xi măng Đại Dương 1, Dây chuyền 4 - Nhà máy xi măng Long Sơn, Nhà máy sản xuất lốp ô tô Radial, Nhà máy luyện cán thép Nghi Sơn số 2, Nhà máy xi măng Đại Dương 2, Nhà máy sản xuất găng tay Nitrile Intco Việt Nam,…; Tỉnh đã khởi công một số dự án giao thông quan trọng, như: Đường Vạn Thiện - Bến En, đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 45… qua đó góp phần tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và tăng năng lực sản xuất công nghiệp của tỉnh.

Các ngành dịch vụ từng bước phục hồi và phát triển sau đại dịch COVID-19; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2022 đạt 7,95%/năm; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2022 đạt 172.209 tỷ đồng, gấp 1,42 lần năm 2020, đứng thứ 7 cả nước về quy mô thị trường. Hoạt động xuất khẩu duy trì tốc độ tăng trưởng cao, tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu bình quân đạt 21,3%/năm, giá trị xuất khẩu năm 2022 đạt 5.518 triệu USD, gấp 1,47 lần năm 2020; đã khai thác tốt lợi thế của tỉnh và các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để gia tăng giá trị xuất khẩu hàng hóa, toàn tỉnh hiện có 142 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu sang 57 thị trường với 53 mặt hàng. Tổng lượng khách du lịch năm 2022 ước đạt 11,01 triệu lượt, gấp 1,92 lần năm 2020.

Hoạt động xúc tiến đầu tư được đẩy mạnh. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng công khai, minh bạch, tạo thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp; thực hiện rà soát, cắt giảm tối đa thời gian xử lý các thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và tiếp nhận hồ sơ, thủ tục hành chính trên các lĩnh vực. Các chỉ số về cải cách hành chính của tỉnh đã có bước cải thiện rõ rệt; trong đó Chỉ số hiệu quả Quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2021 của tỉnh đứng 3 cả nước, tăng 21 bậc so với năm 2020; Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2021 đứng thứ 14 cả nước, tăng 15 bậc. Từ năm 2021 đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 7.726 doanh nghiệp được thành lập mới, đứng thứ 6 cả nước; thu hút được 154 dự án đầu tư trực tiếp, trong đó có 19 dự án FDI, với tổng vốn đầu tư đăng ký 29.669 tỷ đồng và 193 triệu USD. Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 143 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 14,7 tỷ USD, đứng đầu các tỉnh Bắc Trung Bộ và đứng thứ 8 cả nước về thu hút FDI.

Xác định công tác lập quy hoạch là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, tạo ra khung pháp lý cao nhất, là công cụ quan trọng để hoạch định các định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội, phân bố và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển. Ngay sau khi Luật Quy hoạch ra đời và có hiệu lực thi hành, Thanh Hóa đã khẩn trương triển khai thực hiện với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị tham gia vào công tác lập quy hoạch. Đến ngày 27/02/2023, Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg; Thanh Hóa là tỉnh thứ 4 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch. Cùng với Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 37/2021/QH15 của Quốc hội khóa XV, Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là những văn bản rất quan trọng, tạo hành lang pháp lý, điều kiện thuận lợi, mở ra thời cơ, động lực mới để Thanh Hóa phát triển.

Công tác phòng, chống dịch Covid-19 được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, quyết liệt, đồng bộ, sáng tạo, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19. Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, Tỉnh đã chủ động dự báo, phân tích, đánh giá sát, đúng tình hình, thực hiện quyết liệt

các phương án, kịch bản, biện pháp phòng, chống dịch phù hợp với từng thời điểm, từng địa bàn, lĩnh vực; đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 cho các đối tượng để đạt miễn dịch cộng đồng. Khi tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh có chuyển biến tích cực và được kiểm soát tốt, Tỉnh đã linh hoạt điều chỉnh các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, ban hành các Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19" trong tình hình mới, mở cửa trở lại các hoạt động du lịch… tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển.

Bên cạnh những dấu ấn nổi bật trên bức tranh tăng trưởng kinh tế; các hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến tiến bộ. Tỉnh đã tổ chức thành công nhiều sự kiện quan trọng, ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh, có sức lan tỏa mạnh, tạo hiệu ứng tốt trong xã hội, để lại dư âm tốt đẹp về đất và người xứ Thanh trong lòng bạn bè trong nước và quốc tế. Chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh chuyển biến rõ rệt. Giáo dục mũi nhọn, thể thao thành tích cao luôn nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước. Từ năm 2021 đến nay, có thêm 05 di sản văn hóa phi vật thể được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; có trên 135 nghìn lao động được giải quyết việc làm; tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh năm 2022 ước đạt 72%, tăng 2% so với năm 2020, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ ước đạt 28,5%. Việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, nhất là đối với đồng bào sinh sống trên sông, đồng bào sinh sống ở các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, các gia đình chính sách, các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn… được quan tâm; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống Nhân dân không ngừng được nâng lên; tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025) còn 4,99%, giảm 1,78% so với năm 2021.

Chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế và liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành bạn được tăng cường. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh toàn diện, liên tục, đồng bộ, quyết liệt, hiệu lực, hiệu quả. Đã triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc, sáng tạo các Nghị quyết của Trung ương, đặc biệt

là Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" và Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045... Tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong, gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập từ tỉnh đến cơ sở. Đoàn kết trong Đảng, trong Nhân dân được củng cố. Niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền, vào Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tiếp tục được nâng lên. Những kết quả đó, tiếp tục nhân lên niềm tin và khát vọng, tạo ra khí thế mới, động lực mới để Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa thực hiện thành công các mục tiêu của nhiệm kỳ 2020 - 2025, đưa Thanh Hóa phát triển nhanh hơn, bền vững hơn trong giai đoạn tới.

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ của tỉnh trong thời gian qua, có thể rút ra một số kinh nghiệm đó là:

Một là, phải thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố, giữ gìn và làm cao dầy hơn sự đoàn kết, thống nhất trong cấp ủy, chính quyền các cấp, trong tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trên cơ sở quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vì lợi ích chung và vì sự phát triển của tỉnh, của địa phương, đơn vị; phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động, linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tình hình thực tiễn.

Hai là, chú trọng làm tốt công tác dự báo, phân tích, đánh giá tình hình và luôn bám sát thực tiễn, trên cơ sở đó chủ động xây dựng và triển khai thực hiện các phương án, kịch bản, giải pháp cụ thể để kịp thời phòng chống, ứng phó, khắc phục hiệu quả những khó khăn, thách thức và những vấn đề phức tạp phát sinh, không để bị động, bất ngờ; ưu tiên giữ vững ổn định trong bối cảnh có nhiều biến động.

Ba là, tranh thủ tốt thời cơ, thuận lợi, sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân và tinh thần tự lực, tự cường; huy động tối đa mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực từ doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh, các tập đoàn, doanh nghiệp trong nước, nước ngoài để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc, phát sinh.

Bốn là, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành phải xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, địa phương, đơn vị, cá nhân; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện các mục tiêu đề ra để điều chỉnh, bổ sung giải pháp cho phù hợp; lấy hiệu quả công việc làm tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá, bố trí và sử dụng cán bộ; lấy khó khăn, thách thức làm động lực để phấn đấu vươn lên.

Năm là, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính tiền phong gương mẫu của mỗi cán bộ, công chức, viên chức, nhất là tập thể lãnh đạo, quản lý và cá nhân người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị; xử lý kiên quyết, nghiêm minh, kịp thời cán bộ có sai phạm; điều chuyển, thay thế cán bộ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ, có biểu hiện gây mất đoàn kết nội bộ.

Những kết quả mà Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa đạt được trong thời gian qua là rất trân trọng; song so với yêu cầu phát triển, Thanh Hóa vẫn còn phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, đó là: Các nhân tố tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế của tỉnh vẫn rất lớn với nhiều yếu tố khó dự báo hơn, thách thức lớn hơn và khó lường hơn, nhất là biến động về giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào, áp lực lạm phát, chi phí sản xuất tăng cao; rủi ro về chuỗi cung ứng, nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu lớn, truyền thống bị thu hẹp, suy yếu, sự điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại lớn dẫn đến giảm mạnh các đơn hàng xuất khẩu của doanh nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhưng chưa thực sự bền vững và chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của các sản phẩm, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, năng lực khoa học công nghệ còn hạn chế. Hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp chưa cao, thiếu doanh nghiệp có vai trò đầu tàu, dẫn dắt. Kết cấu hạ tầng vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh, nhất là hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu vực miền núi. Thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường... Đây là những yếu tố tác động bất lợi đến sự phát triển của tỉnh.

Để sớm hiện thực hóa khát vọng thịnh vượng, phấn đấu đến năm 2025 đưa Thanh Hóa trong nhóm các tỉnh thành phố dẫn đầu cả nước - một cực tăng trưởng mới, cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc theo tinh thần Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 – 2025; trong thời gian tới, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa sẽ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 58-NQ/TW và Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, các nghị quyết, kết luận, cơ chế, chính sách mới ban hành, để nhanh chóng phát huy hiệu quả. Khẩn trương rà soát, đánh giá sát đúng, cụ thể những kết quả đã đạt được trong hơn 2 năm rưỡi triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; làm rõ những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân; dự báo tình hình trong thời gian tới; trên cơ sở đó đề ra các nhiệm vụ, giải pháp và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, hiệu quả nhằm thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu của nhiệm kỳ.

Phát huy hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội, tạo hành lang pháp lý, sự đột phá, khơi thông nguồn lực, tạo động lực thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển; đồng thời, trên cơ sở Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tổ chức công bố và quán triệt các nội dung chính, cốt lõi của Quy hoạch tỉnh đến tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức, đồng thuận trong tổ chức thực hiện. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch có tính chất chuyên ngành theo Quy hoạch tỉnh để đẩy mạnh kêu gọi, xúc tiến đầu tư các nguồn lực, ưu tiên các nguồn lực sẵn có để đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư khi đến với tỉnh; rà soát, tiếp tục nghiên cứu, xây dựng ban hành các cơ chế, chính sách mới phù hợp với từng giai đoạn phát triển để huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung rà soát, hỗ trợ, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp. Phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao để hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá quy mô lớn, chất lượng cao. Đổi mới phương thức sản xuất, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp. Tập trung phát triển công nghiệp với tốc độ cao, trọng tâm là công nghiệp nặng, công nghiệp năng lượng và công nghiệp chế biến, chế tạo; ưu tiên phát triển mạnh các ngành công nghiệp lọc hóa dầu và sau lọc hóa dầu, công nghiệp phục vụ kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn…; thu hút đầu tư các dự án công nghiệp mới quy mô lớn, đưa Thanh Hoá trở thành một trong những trung tâm của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước

về công nghiệp. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trọng điểm về du lịch, vận tải - cảng biển của khu vực và cả nước. Khai thác hiệu quả lợi thế của cụm cảng nước sâu Nghi Sơn để phát triển mạnh dịch vụ cảng biển, vận tải biển; xây dựng trung tâm logistics cấp vùng hạng I tại Khu kinh tế Nghi Sơn.

Thứ ba, tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo sức hấp dẫn mới để đẩy mạnh thu hút đầu tư, huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; ưu tiên bố trí vốn đầu tư công để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm; sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công để dẫn dắt, thu hút nguồn lực hợp pháp của xã hội, tạo sự chuyển biến rõ nét về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách Nhà nước; chống thất thu, giảm nợ đọng thuế, quản lý hiệu quả, tiết kiệm chi ngân sách. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và cải thiện thứ hạng các chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Thứ tư, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội. Phát triển mạnh văn hóa, thể thao. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Thực hiện đồng bộ các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ giảm nghèo; rà soát, sắp xếp dân cư ở những khu vực thường xuyên xảy ra lũ ống, lũ quét, bố trí nơi ở ổn định cho đồng bào sinh sống trên sông; ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, giúp người nghèo phát triển sinh kế, ổn định đời sống, tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

Thứ năm, tăng cường công tác bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ, thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước, nhất là trong xúc tiến đầu tư và thương mại, huy động và phân bổ nguồn lực, xây dựng kết cấu hạ tầng; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng…

Thứ sáu, chăm lo xây dựng Đảng bộ đoàn kết, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; trọng tâm là xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn các biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng. Xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu quả công tác chính trị tư tưởng, công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng, Chính quyền với Nhân dân; xây dựng, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển của tỉnh.

Phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, tinh thần đoàn kết, chủ động, sáng tạo, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 58-NQ/TW và Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, sớm trở thành cực tăng trưởng mới ở phía Bắc của Tổ quốc, tỉnh giàu đẹp, văn minh và hiện đại, tỉnh phát triển toàn diện và kiểu mẫu của cả nước ■

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

● LÂM VĂN MẪN*)

Thời gian qua, với sự đồng thuận, nhất trí cao trong nhận thức và hành động của các cấp, ngành, địa phương và nhân dân trong tỉnh, Sóc Trăng đã và đang có những bước phát triển vượt bậc, bền vững theo phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Sóc Trăng, là tỉnh ven biển, thuộc hạ lưu sông Hậu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, diện tích của tỉnh Sóc Trăng khoảng 3.311 km2, với 72 km bờ biển; có 11 đơn vị hành chính cấp huyện với 1 thành phố, 2 thị xã và 8 huyện; dân số khoảng 1,2 triệu người. Sóc Trăng nói riêng, khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung là vùng có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp. Vùng đất Sóc Trăng có nhiều dân tộc cùng chung sống hòa thuận từ lâu đời, từ đó đã hình thành nét văn hoá đặc trưng của vùng đất, con người Sóc Trăng hiền hoà, mến khách; với nhiều lễ hội truyền thống các dân tộc, nhiều công trình kiến trúc độc đáo, văn hoá ẩm thực mang một nét riêng của Sóc Trăng, đậm bản sắc văn hoá truyền thống của 3 dân tộc Kinh

(*) Tiến sỹ, Uỷ viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Sóc Trăng

- Khmer - Hoa trên địa bàn.

Những năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh cụ thể hoá, lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; đẩy mạnh phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; đưa tỉnh Sóc Trăng phát triển nhanh, bền vững; phấn đấu đến năm 2030, thu nhập bình quân đầu người bằng bình quân khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Quán triệt quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 119/KH-UBND, ngày 25/8/2022 thực hiện Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị, nhằm tập trung đẩy mạnh phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế, làm động lực cho tăng trưởng với tinh thần bắt

kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

Mặc dù trong quá trình thực hiện còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương; Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã đoàn kết, sáng tạo, nỗ lực, quyết tâm, đẩy mạnh khai thác tiềm năng, phát huy lợi thế, tranh thủ các nguồn lực, thời cơ để vượt qua khó khăn và đạt được nhiều thành tựu quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực:

Kinh tế tăng trưởng vượt bậc; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, góp phần phát triển nhanh và bền vững kinh tế vùng

Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 7,71%, là tốc độ tăng trưởng cao nhất từ năm 2011 đến nay, tăng trưởng trên cả 3 khu vực; trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ tăng trên 11%. Tình hình sản xuất nông nghiệp tiếp tục duy trì và ổn định; công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ đều có bước tăng trưởng. Giá trị xuất khẩu hàng hoá tiếp tục là điểm sáng với kim ngạch xuất khẩu đạt 1,4 tỷ USD. GRDP bình quân đầu người đạt 54,8 triệu đồng/người/năm (*tăng 12,6% so với cùng kỳ*). Tổng thu ngân sách nhà nước đạt 4.770 tỷ đồng, vượt 15,86% so với dự toán. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, cơ cấu khu vực I - II - III tương ứng là 43,16% - 15,27% - 38,41%.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, tỉnh chú trọng đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh về sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Tỉnh đã xây dựng, triển khai các chương trình, đề án chuyển đổi sản xuất, các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển liên kết sản xuất, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), đầu tư kết cấu hạ tầng thuỷ lợi, điện, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phục

vụ sản xuất nông nghiệp,... Qua đó, sản xuất nông nghiệp đạt được những thành tựu nổi bật, sản lượng lúa hàng năm của tỉnh đều đạt trên 2 triệu tấn. Sản lượng thủy hải sản là 357.183 tấn (*đạt 101,5% kế hoạch*) với nhiều mô hình nuôi được người dân áp dụng hiệu quả như: nuôi tôm 2 giai đoạn, nuôi tôm sú lót bạc bờ có hố xiphon xử lý chất thải, nuôi tôm tuần hoàn khép kín, ứng dụng công nghệ cao,...

Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chung sức đồng lòng của người dân; hoàn thiện khung cơ chế, chính sách về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Đến nay, hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Thời gian qua, các địa phương thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tích cực; đến cuối năm 2022, toàn tỉnh có 63/80 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó, 14 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 3 đơn vị cấp huyện, thị xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Công nghiệp là ngành đóng góp đáng kể cho ngân sách nhà nước và trở thành ngành xuất khẩu chủ đạo của tỉnh; chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2022 tăng 12%. Tỉnh Sóc Trăng có lợi thế về các ngành công nghiệp chế biến nông sản, thuỷ sản xuất khẩu, sản xuất hàng tiêu dùng, may mặc, năng lượng,... các lĩnh vực này đã có những bước phát triển mạnh mẽ, góp phần tích cực trong giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng năng suất và nâng cao đời sống của nhân dân. Để phát triển sản xuất công nghiệp, tỉnh đã quy hoạch 5 khu công nghiệp với tổng diện tích 1.106 ha và 10 cụm công nghiệp với tổng diện tích 459,9 ha. Ngoài ra, tỉnh cũng rất quan tâm đến việc khai thác tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo; tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 20 dự án điện gió, với tổng quy mô công suất 1.435 MW; đến cuối năm 2022, trên địa bàn tỉnh đã có 4 dự án vận hành thương mại, với tổng công suất 110,8 MW. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh đã phát 89,6 MWp điện mặt trời mái nhà và 12 MW điện sinh khối (*sản xuất điện từ bã mía*).

Thương mại, dịch vụ có bước chuyển biến tích cực; hoạt động nội, ngoại thương được đẩy nhanh; thị trường được mở rộng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nhân dân và góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tỉnh đã xây dựng triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Phát triển chợ trên địa bàn tỉnh, xã hội hoá trong việc đầu tư, khai thác hệ thống chợ, trung tâm thương mại,...; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển siêu thị, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh, với các hình thức thanh toán linh hoạt. Đồng thời, triển khai thực hiện phát triển thương mại điện tử tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025; năm 2022, tỉnh ra mắt Sàn giao dịch thương mại điện tử với sự tham gia của 88 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh và liên kết với các Sàn thương mại điện tử của các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Ngành dịch vụ vận tải, du lịch phục hồi và tăng trưởng mạnh; tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2022 đạt 70.900 tỷ đồng. Sóc Trăng tập trung khai thác tiềm năng du lịch tâm linh, văn hoá lễ hội, du lịch chợ nổi kết hợp với phát triển các loại hình văn hoá trên sông, du lịch sinh thái, miệt vườn trên hệ thống cù lao dọc sông Hậu và khu vực ven biển; phát triển điện gió, du lịch biển,.. gắn với khai thác tiềm năng du lịch thông qua tuyến tàu cao tốc Trần Đề - Côn Đảo. Năm 2022, tổng lượt khách du lịch đến tỉnh đạt 2,71 triệu lượt, đạt 126% kế hoạch; tổng doanh thu từ du lịch là 1.400 tỷ đồng, đạt 166% kế hoạch.

Hoàn thiện chính sách, quy hoạch phát triển, đẩy mạnh liên kết vùng

Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 về việc "hoàn chỉnh hệ thống cảng biển theo quy hoạch, trong đó cảng Trần Đề phát triển thành cảng đặc biệt và cửa ngõ vùng", tỉnh đang tập trung hoàn thành Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đồng bộ với quy hoạch phát

triển các khu công nghiệp, khu kinh tế, quy hoạch giao thông, quy hoạch đô thị,.... Đồng thời, tỉnh cũng đang hoàn chỉnh Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, làm cơ sở xã hội hoá, kêu gọi đầu tư Cảng biển Trần Đề; Quy hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy hoạch xây dựng liên quan để đảm bảo đủ cơ sở pháp lý trước khi lựa chọn nhà đầu tư các dự án của tỉnh.

Hiện nay, các đô thị (*thành phố, thị xã, thị trấn*) trên địa bàn tỉnh đều đã có quy hoạch chung được phê duyệt và thường xuyên được rà soát nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu về phát triển đô thị và phát triển kinh tế - xã hội theo các giai đoạn phát triển. Trong đó, quy hoạch chung đô thị xác định theo hướng phát triển đô thị thông minh bền vững, tăng trưởng xanh (có 7 đô thị lồng ghép các mục tiêu, quan điểm thiết kế và giải pháp hướng đến tăng trưởng xanh), thích ứng với biến đổi khí hậu (có 14 đô thị có quy hoạch chung được lồng ghép yếu tố thích ứng biến đổi khí hậu), chú trọng bảo vệ môi trường, tôn tạo và phát triển nền tảng văn hóa - xã hội và hệ sinh thái tự nhiên, lấy con người làm trung tâm.

Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng các công trình trọng điểm của tỉnh, kết nối các tỉnh trong vùng

Thời gian qua, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng; hệ thống giao thông từng bước được hoàn thiện, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các tuyến đường cao tốc đang được cấp có thẩm quyền xem xét, đầu tư; các tuyến Quốc lộ về cơ bản đã được hoàn thiện; các tuyến đường tỉnh, đường huyện được duy tu, sửa chữa kịp thời, bảo đảm giao thông thông suốt; hệ thống đường đô thị được cải tạo, nâng cấp, góp phần thay đổi diện mạo đô thị; mạng lưới đường giao thông nông thôn được quan tâm đầu tư, góp phần quan trọng trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Các tuyến đường thuỷ từng bước được đầu tư nạo vét, lắp đặt biển báo hiệu, đáp ứng được nhu cầu vận tải bằng giao thông thuỷ, phục vụ sản xuất nông nghiệp; hệ thống cảng biển, cảng sông từng bước hình thành; hệ thống bến bãi từng bước được đầu tư, nâng cấp; phương tiện vận tải ngày càng phát triển.

Tình hình phát triển đô thị của tỉnh Sóc Trăng nói chung và trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố nói riêng đã có những chuyển biến tích cực; hệ thống đô thị của tỉnh tăng về số lượng và chất lượng, tạo diện mạo mới mẻ, văn minh, hiện đại. Tốc độ đô thị hóa của tỉnh hiện nay là 32,43%, cao hơn mức bình quân của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (*khoảng hơn 31%*). Việc phát triển hệ thống khu công nghiệp gắn với các đô thị trọng điểm của tỉnh và các khu chức năng nhằm khai thác lợi thế kết nối với các tuyến đường giao thông trọng điểm đã được đưa vào nội dung phương án phát triển các khu - cụm công nghiệp trong đồ án quy hoạch tỉnh Sóc Trăng, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để làm cơ sở định hướng cho sự phát triển.

Được sự quan tâm, hỗ trợ của Quốc hội, Chính phủ, các ban, bộ, ngành Trung ương, Sóc Trăng đã có nhiều dự án lớn được đầu tư, xây dựng theo hướng đồng bộ, kết nối liên vùng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh như: Dự án cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; Dự án Tuyến đường bộ ven biển kết nối giao thông liên tỉnh Trà Vinh - Sóc Trăng - Bạc Liêu; Dự án Cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60; Tuyến đường trục phát triển kinh tế Bắc - Nam; Tuyến đường trục phát triển kinh tế Đông - Tây;... Bên cạnh đó, việc kết hợp đầu tư những công trình, dự án hệ thống giao thông liên vùng và Cảng biển Trần Đề có ý nghĩa quan trọng trong việc kết nối liên vùng và quốc tế; qua đó, tác động rất lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, là cơ hội để tỉnh Sóc Trăng đón đầu, bứt phá đi lên, đưa Sóc Trăng trở thành 1 trong những trung tâm của vùng.

Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư; đồng hành, hợp tác, phát triển bền vững cùng doanh nghiệp và nhà đầu tư

Với vị trí ở hạ lưu sông Mekong, có 3 cửa sông lớn ra biển, trong đó cửa Định An và Trần Đề là 2 cửa ngõ quan trọng ra vào biển Đông, lợi thế khác biệt của Sóc Trăng so với các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long là tiềm năng phát triển tổng hợp kinh tế biển, với các ngành như năng lượng sạch, cảng biển, logistics, du lịch biển....; đây là cơ hội để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến với tỉnh Sóc Trăng.

Năm 2022 vừa qua, tỉnh Sóc Trăng đã đạt được nhiều kết quả khả quan trên các lĩnh vực, trong đó phải kể đến hoạt động thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp. Nổi bật nhất là vào tháng 4/2022, tỉnh đã tổ chức thành công Hội nghị Xúc tiến đầu tư năm 2022 nhân Kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh, với sự tham dự của hơn 800 đại biểu gồm nhiều bộ, ngành Trung ương, đại biểu nước ngoài, các tỉnh, thành và các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước; đặc biệt, có sự tham dự của Thủ tướng Chính phủ. Với những cam kết mạnh mẽ trong thu hút đầu tư, mong muốn đồng hành, hợp tác, phát triển bền vững, Hội nghị Xúc tiến đầu tư đã truyền tải thông điệp nhất quán của tỉnh Sóc Trăng luôn "Đồng hành - Hợp tác - Phát triển" cùng các nhà đầu tư; đồng thời, góp phần nâng cao ý nghĩa và tầm quan trọng của tỉnh Sóc Trăng trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế.

Tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư năm 2022, tỉnh đã trao 4 quyết định chủ trương đầu tư với tổng vốn đăng ký trên 12.000 tỷ đồng, ký kết 18 biên bản ghi nhớ nghiên cứu, khảo sát đầu tư với tổng số vốn đầu tư khoảng 212.000 tỷ đồng trong các lĩnh vực giao thông, xây dựng, đô thị, logistics, chuyển đổi số,… Từ sau Hội nghị, số lượng nhà đầu tư quan tâm tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh tăng lên; tỉnh đã tiếp, làm việc và hướng dẫn khảo sát khoảng 160 lượt nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội đầu tư; qua đó, tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 9 dự án (2 dự án trong khu công nghiệp, 7 dự án ngoài khu công nghiệp); trong đó, có 4 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư với tổng vốn đăng ký đầu tư là 2.434 tỷ đồng; đồng thời, 11/18 nhà đầu tư ký bản thoả thuận nghiên cứu, khảo sát dự án tại Hội nghị có đề xuất dự án cụ thể.

Phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Trong những năm qua, tỉnh Sóc Trăng tích cực tổ chức nhiều hoạt động văn hoá, dân tộc góp phần gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa của vùng đất và con người Sóc Trăng; tạo sân chơi lành mạnh và xây dựng đời sống văn hoá tinh thần phong phú cho người dân Sóc Trăng.

Tỉnh Sóc Trăng hiện có 8 di tích được xếp hạng quốc gia, 43 di tích cấp tỉnh, 8 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được công nhận và nhiều vốn văn hoá phi vật thể của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Đó là những giá trị di sản quý báu, quảng bá sâu rộng hình ảnh, con người và những nét văn hóa độc đáo của vùng đất Sóc Trăng, góp phần quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Bên cạnh đó, các cấp uỷ đảng, chính quyền trong tỉnh luôn quan tâm phát huy vai trò của văn hoá trong đời sống xã hội; cụ thể, tỉnh đã xây dựng Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; Đề án Bảo tồn, phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia "Lễ hội đua ghe Ngo của người Khmer". Đặc biệt, tỉnh tổ chức thành công Ngày hội văn hoá, thể thao và du lịch đồng bào Khmer Nam bộ lần thứ VIII tại tỉnh Sóc Trăng, năm 2022 và Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng lần thứ V, khu vực đồng bằng sông Cửu Long, năm 2022; đón nhận quyết định và bằng công nhận Kỷ lục Guinness "Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng có số lượng ghe ngo và vận động viên đông nhất Việt Nam" từ năm 2005 đến nay của tổ chức Guinness Việt Nam.

Chất lượng giáo dục và đào tạo từng bước được nâng lên, đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI. Cơ sở vật chất trường, lớp học được chú trọng đầu tư theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; mạng lưới trường, lớp học mầm non, phổ thông phát triển phù hợp với phân bố dân cư và địa hình của tỉnh, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng nhanh; công tác phổ cập giáo dục các cấp học được giữ vững, tỷ lệ tốt nghiệp trung học ổn định, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi vào các cấp học tăng dần theo từng năm học. Tính đến cuối năm học 2021-2022, toàn tỉnh có 481 trường (463 trường công lập, 18 ngoài công lập); 372/463 trường đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 80,35%. Hiện nay, tỉnh đang tiếp tục chỉ đạo các đơn vị củng cố và duy trì tốt thành tích đã đạt được để có thể tiến đến thực hiện phổ cập giáo dục trung học phổ thông trong những năm tiếp theo.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; tỉnh đã triển khai các chương trình, dự án bằng nguồn vốn ngân

sách nhà nước và hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước nhằm tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại, tập trung nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ y tế như: Xây dựng, nâng cấp các bệnh viện tuyến huyện, bệnh viện đa khoa liên huyện, bệnh viện đa khoa tỉnh,... Công tác phòng bệnh được thực hiện tốt, đã khống chế và cơ bản thanh toán được các bệnh dịch nguy hiểm, đặc biệt là dịch COVID-19; không để xảy ra tình trạng mất kiểm soát trong công tác phòng, chống dịch. Từ việc tập trung cho Chiến dịch tiêm chủng mùa Xuân năm 2022 và các đợt thi đua cao điểm để tiêm ngừa Covid-19, Sóc Trăng đã trở thành một trong những tỉnh đạt tỷ lệ tiêm chủng ngừa Covid-19 ở các lứa tuổi cao nhất cả nước.

Các chế độ, chính sách an sinh xã hội, dân tộc, giảm nghèo bền vững được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Đến nay, tỉnh không còn hộ thiếu đói, tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của tỉnh lần lượt chiếm tỷ lệ 4,54% và 7,82%. Giai đoạn 2021-2022, tỉnh triển khai hoàn thành việc hỗ trợ xây dựng 3.496 căn nhà, với tổng kinh phí trên 174 tỷ đồng, vượt gần 8% kế hoạch. Qua việc triển khai đồng bộ, quyết liệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc; lồng ghép việc thực hiện các chính sách dân tộc với các Chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;..., đời sống người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số có sự chuyển biến tích cực, diện mạo vùng nông thôn ngày càng được cải thiện. Hiện nay, các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh đều có trường trung học cơ sở, trạm y tế và đường ô tô đến trung tâm xã; 100% xã, phường, thị trấn, khóm, ấp có điện lưới quốc gia; 100% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; năm 2022, có gần 268.000 lượt thẻ bảo hiểm y tế được cấp cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số, với tổng kinh phí là trên 178 tỷ đồng; tỷ lệ huy động học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong độ tuổi đến trường ở các cấp đạt khá cao (nhà trẻ 83,3%; mẫu giáo 90,08%; tiểu học 99,37%; trung học cơ sở 96,65%; trung học phổ thông 102,62%).

Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; hiện đại hoá hạ tầng cơ sở quốc phòng, an ninh, công trình phòng thủ trong tình hình mới

Các cấp uỷ đảng, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo gắn phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị. Tỉnh đã xây dựng lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên bảo đảm về số lượng và chất lượng; thường xuyên tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các cấp; việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trong khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc hơn; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động ngày càng hiệu quả.

Tỉnh xây dựng và thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tổng thể xây dựng hệ thống công trình phòng thủ giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo; Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch cụm điểm tựa phòng ngự tuyến ven biển; xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hoá hạ tầng cơ sở quốc phòng, an ninh trên đất liền, ven biển; đầu tư xây dựng công trình dân sinh lưỡng dụng, kết nối công trình phòng thủ dân sự, căn cứ hậu phương; .... Qua đó, tăng cường quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội theo các quy hoạch, đề án, kế hoạch gắn với đảm bảo an ninh kinh tế trong tình hình mới; bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong mọi tình huống; phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hoá mọi âm mưu của các thế lực thù địch, phản động; đấu tranh với các loại tội phạm, nhất là tội phạm xuyên quốc gia, xuyên biên giới, tội phạm hình sự, tội phạm trên lĩnh vực kinh tế, môi trường,...

Với những định hướng phát triển rõ ràng, cụ thể, cùng với quyết tâm mạnh mẽ, thời gian tới, Sóc Trăng kỳ vọng sẽ gặt hái thêm nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong suốt quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị; quyết tâm cùng với Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước phát triển mạnh mẽ, năng động, sáng tạo, xứng đáng với tên gọi Vùng đất chín rồng ■

NỘI DUNG MỚI CỦA CHỈ THỊ SỐ 20-CT/TW NGÀY 12/12/2022 CỦA BAN BÍ THƯ VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI TRONG TÌNH HÌNH MỚI

● **ĐOÀN NGỌC XUÂN(*)**

Công tác đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền được tăng cường; hệ thống pháp luật từng bước được hoàn thiện; công tác quản lý nhà nước được chú trọng hơn; hợp tác về lao động giữa Việt Nam và các nước ngày càng được mở rộng. Kết quả của công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xoá đói, giảm nghèo, xây dựng quê hương, đất nước, quảng bá hình ảnh và những giá trị tốt đẹp của đất nước, văn hoá, con người Việt Nam đến cộng đồng quốc tế; nhiều người khi về nước tiếp tục tham gia có hiệu quả vào thị trường lao động trong nước với tinh thần, ý thức trách nhiệm và năng lực, trình độ, kỹ năng tay nghề cao. Bên cạnh những kết quả đạt được, nhận thức của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương về công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

(*) Tiến sỹ, Vụ trưởng Vụ Xã hội, Ban Kinh tế Trung ương

chưa đầy đủ; quản lý nhà nước còn phân tán, chồng chéo; một số cơ chế, chính sách ban hành chậm, thiếu đồng bộ; chi phí đi làm việc ở nước ngoài cao, tình trạng người lao động đi làm việc ở nước ngoài trái phép, vi phạm pháp luật của nước sở tại, bỏ hợp đồng, hoặc khi hết hạn hợp đồng không về nước chậm được khắc phục; công tác quản lý, bảo hộ công dân đối với lao động Việt Nam tại các nước, vùng lãnh thổ còn nhiều bất cập; năng lực của một số tổ chức, doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, cạnh tranh không lành mạnh...Nguyên nhân của những hạn chế, hạn chế chủ yếu là do một số cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền chưa chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo; công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa hiệu quả; việc phân công, phân cấp, phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và cơ quan có liên quan còn bất cập; ý thức tuân thủ pháp luật của một số tổ chức, doanh nghiệp và người lao động chưa cao; chế độ thông tin, báo cáo chưa đầy đủ, kịp thời; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật chưa nghiêm

Để thực hiện tốt chủ trương của Đảng, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới.

Bối cảnh, tình hình

Một là, Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, yêu cầu việc hình thành các cơ chế hỗ trợ quan hệ lao động, thúc đẩy các công cụ đối thoại và thương lượng trên thị trường lao động, bảo đảm cho người lao động tự do di chuyển, tìm kiếm việc làm, tham gia tổ chức đại diện của mình, đồng thời cũng xuất hiện và phát triển hình nhiều hình thức người lao động đi làm việc ở nước ngoài . Hệ thống pháp luật phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam nhằm bảo vệ người lao động trước các hành vi phân biệt đối xử đối với lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài.

Hai là, lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài là bộ phận cấu thành trong tổng thể nguồn nhân lực quốc gia, là một trong ba đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế- xã hội của nước ta cần phải đào tạo, quản lý và sử dụng phù hợp; có sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy đảng đối với công tác người lao động làm việc ở nước ngoài. Công tác phát triển lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài phải gắn với thị trường lao động trong nước và đặt trong tổng thể chiến lược, chương trình phát triển nguồn nhân lực quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, theo đúng phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân đã được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 là cần phải nâng cao chất lượng của lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, ưu tiên lao động kỹ thuật có tay nghề đi làm việc ở những thị trường có thu nhập cao, an toàn và tiếp tục phát huy nguồn lực này sau khi về nước trên cơ sở đảm bảo cơ cấu, chất lượng nguồn nhân lực trong nước.

Ba là, tốc độ già hóa dân số của nước ta đang rất nhanh và dự báo đến năm 2036 sẽ bước vào thời kỳ dân số già, sẽ dẫn đến tình trạng thiếu lao động trong tương lai. Tuy nhiên, kinh tế nước ta vẫn còn chậm phát triển, trình độ và kỹ năng lao động của người dân vẫn còn thấp so với mặt bằng chung trên thế giới; nhu cầu lao động làm việc ở nước ngoài để học tập nâng cao trình độ, kỹ năng, tay nghề và tìm kiếm thu nhập cao hơn trong nước còn nhiều, áp lực giải quyết việc làm hàng năm cho lực lượng lao động dôi dư và mới gia nhập thị trường lao động vẫn còn lớn. Việc phát triển lực lượng lao động tham gia thị trường lao động quốc tế gắn với chiến lược đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong nước cần đặt trong tổng thể chương trình phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế - xã hội phù hợp trong từng thời kỳ; tạo thêm sự lựa chọn, hướng nghiệp làm việc ở nước ngoài đối với các cơ sở đào tạo nghề trong nước, cũng như

đối với lưu học sinh đang học ở nước ngoài .

Yêu cầu đặt ra

Một là, cần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về vị trí, vai trò của công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, đồng thời học tập, tiếp thu kỹ thuật, công nghệ của nước tiên tiến, góp phần giới thiệu và truyền bá văn hóa, hình ảnh tốt đẹp của đất nước, con người Việt Nam ra thế giới; xây dựng, củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, đảm bảo an sinh xã hội, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, lao động làm việc ở nước ngoài là xu thế chung của các quốc gia trong tiến trình phát triển và bối cảnh toàn cầu hóa trong đó có Việt Nam. Nhiều vấn đề mới trong di chuyển lao động quốc tế và an ninh con người cần được xử lý một cách hiệu quả. Đồng thời, quá trình tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đòi hỏi cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài là hết sức cần thiết. Nâng cao

chất lượng, hiệu quả công tác người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài, ưu tiên lao động kỹ thuật có tay nghề đi làm việc ở những thị trường có trình độ khoa học, công nghệ tiên tiến, có thu nhập cao, an toàn và tiếp tục phát huy nguồn lực này sau khi về nước trên cơ sở đảm bảo cơ cấu, chất lượng nguồn nhân lực trong nước.

Ba là, kết hợp hài hoà giữa chính sách thu hút lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam với lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài bằng các thoả thuận, cam kết quốc tế giữa Việt Nam và các nước; đảm bảo hài hoà lợi ích và bảo vệ quyền lợi của người lao động. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm quản lý chặt chẽ và bảo hộ công dân Việt Nam lao động ở nước ngoài, công dân Việt Nam đi làm ăn, buôn bán ở các nước láng giềng.

Bốn là, công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài cần bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp uỷ đảng, chính quyền; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy tốt vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể quần chúng.

Những nội dung mới của Chỉ thị

Một là, xác định vai trò, tầm quan trọng và trách nhiệm các cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về vị trí, vai trò của công tác người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, đồng thời học tập, tiếp thu kỹ thuật, công nghệ của nước tiên tiến, góp phần giới thiệu và truyền bá văn hóa, hình ảnh tốt đẹp của đất nước, con người Việt Nam ra thế giới; xây dựng, củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, đảm bảo an sinh xã hội, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội,

đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, nâng cao chất lượng công tác người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài, trong đó chú trọng lao động có kỹ thuật; mở rộng thị trường lao động, hướng tới các thị trường có thu nhập cao, các nước phát triển có trình độ khoa học, công nghệ tiên tiến; đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa lao động trong nước và lao động làm việc ở nước ngoài. Vì vậy, Chỉ thị nêu "Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, người lao động và toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Xác định công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài là góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, nhất là lao động ở nông thôn, địa bàn đặc biệt khó khăn; quảng bá văn hoá, hình ảnh tốt đẹp của đất nước, con người Việt Nam ra thế giới; đồng thời là cơ hội học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến và tác phong làm việc chuyên nghiệp cho lao động Việt Nam, góp phần tạo nguồn nhân lực chất lượng cao sau khi về nước. Chương trình, kế hoạch và cơ chế, chính sách đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải gắn với định hướng, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quan hệ đối ngoại. Nghiên cứu mở rộng thị trường lao động ngoài nước gắn với đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, kỹ năng nghề, ngoại ngữ, pháp luật, văn hoá, phong tục tập quán của các nước cho người lao động; ưu tiên đưa lao động đi làm việc ở những thị trường lao động có thu nhập cao, an toàn".

Hai là, tiếp tục hoàn thiện thể chế về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài cho phù hợp với tình hình mới

Điều chỉnh bao quát các đối tượng, loại hình lao động làm việc ở nước ngoài phù hợp trong điều kiện hội nhập quốc tế của nước ta ngày càng sâu, rộng, cần thiết phải hoàn thiện các quy định nhằm thể chế hóa cơ chế, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn tuyển chọn người lao động đi làm việc ở nước ngoài; công khai, minh bạch các khoản chi phí đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng người lao động làm việc ở nước ngoài; có chính sách thu hút người lao động khi trở về nước tham gia thị trường lao động trong nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia; có chế tài phù hợp để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong công tác người lao động làm việc ở nước ngoài. Vì vậy, Chỉ thị nêu "Rà soát, bổ sung, hoàn thiện pháp luật liên quan đến công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, bảo đảm điều chỉnh bao quát các đối tượng, loại hình lao động. Cơ chế, chính sách, điều kiện tuyển chọn người lao động đi làm việc ở nước ngoài bảo đảm phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Công khai, minh bạch các khoản phí, hướng đến giảm chi phí cho người lao động khi đi làm việc ở nước ngoài. Có chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghề, ngoại ngữ cho người lao động, ưu tiên quân nhân xuất ngũ, người dân tộc thiểu số, hộ nghèo vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động đi làm việc ở nước ngoài; sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực này khi hết thời hạn làm việc ở nước ngoài trở về tham gia thị trường lao động trong nước".

Ba là, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài

Xác định cân đối nguồn nhân lực lao động đi làm việc ở nước ngoài với nguồn lực thị trường lao động đảm bảo nhu cầu việc làm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cần phải chú trọng công tác dự báo trung và dài hạn về thị trường lao động ở nước ngoài gắn với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ, đồng bộ với các chương trình, kế hoạch có liên quan trên cơ sở thường xuyên rà soát, đánh giá thị trường tiếp nhận lao động; tăng cường đàm phán, trao đổi thông tin về nhu cầu, quyền và nghĩa vụ của lao động Việt Nam với các quốc gia. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước có tác động trực tiếp đến

công tác người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài cho nên cần thiết phải tăng cường phối hợp, phân công, phân cấp, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương với công tác người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài, đảm bảo việc người lao động làm việc ở nước ngoài thực sự hiệu quả, đúng mục đích và theo đúng quy định của pháp luật; có hệ thống cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý người lao động làm việc ở nước ngoài gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; quy định cơ chế cung cấp, thiết lập cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin, liên thông đồng bộ dữ liệu người lao động đi làm việc ở nước ngoài giữa các ngành lao động - thương binh và xã hội, công an, ngoại giao, công đoàn và các ngành, địa phương liên quan, bảo đảm yêu cầu quản lý hiệu lực và hiệu quả người lao động làm việc ở nước ngoài và khi về nước. Đồng thời tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý nghiêm các loại tội phạm và sự chống phá của các thế lực thù địch liên quan đến hoạt động người lao động làm việc ở nước ngoài; các hoạt động lao động trái phép, vi phạm pháp luật nước sở tại hoặc bỏ trốn không trở về nước; thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát người lao động làm việc ở nước ngoài, kịp thời phát hiện và xử lý các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vi phạm pháp luật; có giải pháp, biện pháp quản lý và bảo hộ công dân đối với người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài và công dân Việt Nam di cư tự do sang làm ăn, buôn bán tại các nước phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Vì vậy, Chỉ thị nêu "Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Phân công, phân cấp, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương, bảo đảm việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài đúng mục đích, đúng quy định pháp luật. Tăng cường công tác quản lý, bảo hộ công dân đối với lao động Việt Nam ở nước ngoài phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Nâng cao chất lượng công tác dự báo trung và dài hạn về thị trường lao động ở nước ngoài. Chủ động đàm phán, trao đổi thông tin với các nước về nhu cầu, quyền và nghĩa vụ của người lao động Việt Nam, bảo đảm có việc làm ổn định, tiền lương thoả đáng và an toàn. Xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin quản lý người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài với cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; quy định cơ chế cung cấp, thiết lập cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin, liên thông đồng bộ dữ liệu người lao động làm việc ở nước ngoài giữa các ngành lao động - thương binh và xã hội, công an, ngoại giao với các địa phương, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp có liên quan. Chủ động đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn sự chống phá của các thế lực thù địch liên quan đến công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài".

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, chủ động đấu tranh phòng ngừa

Nâng cao năng lực đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý kịp thời các loại tội phạm và sự chống phá của các thế lực thù địch liên quan đến hoạt động người lao động làm việc ở nước ngoài; các hoạt động lao động trái phép, vi phạm pháp luật nước sở tại hoặc bỏ trốn không trở về nước cần phải thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát các chủ thể, khách thể có liên quan đến công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, kịp thời phát hiện và xử lý các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vi phạm pháp luật. Vì vậy, Chỉ thị nêu "Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng ngoài nước; quản lý chặt chẽ đảng viên là người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát thực hiện công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vi phạm pháp luật" ■

GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ: KIẾN NGHỊ BỔ SUNG, HOÀN THIỆN DỰ THẢO LUẬT ĐẤT ĐAI

● NGUYỄN VĂN TIẾN(*)

1. Khái quát tình hình thực hiện chính sách, pháp luật đất đai đối với hợp tác xã

Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (HTX) là xu thế tất yếu trên thế giới và quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển đất nước của nước ta. Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng, cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân, góp phần phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Hoạt động của kinh tế tập thể, HTX có tác động rất lớn đến phát triển kinh tế - xã hội bền vững; gắn sản xuất, kinh doanh với chuỗi giá trị sản phẩm, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế hộ, xây dựng cộng đồng. Vì vậy, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển, trong đó chính sách hỗ trợ về đất đai là hết sức cần thiết. Đất đai là tài sản, nguồn lực quan trọng; là tư liệu sản xuất đặc biệt, chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp. Trong những năm vừa qua, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đất đai đã tạo điều kiện cho kinh tế tập thể, HTX phát triển, nâng cao thu nhập, đời sống nông dân và người dân nông thôn.

Nghị quyết 13-NQ/TW của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về "Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể" đã đề ra giải pháp hỗ trợ về đất đai: "Khuyến khích và tạo

(*) Phó Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

điều kiện cho hộ nông dân "dồn điền, đổi thửa", tập trung ruộng đất theo chính sách của Nhà nước để phát triển sản xuất hàng hóa, mở mang ngành nghề. Nhà nước giao đất không thu tiền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hợp tác xã nông nghiệp xây dựng trụ sở, làm cơ sở sản xuất, kinh doanh,... Hợp tác xã phi nông nghiệp được thuê đất dài hạn, giảm mức nộp tiền thuê đất trong một thời gian nhất định và được nộp tiền thuê đất nhiều lần. Đất do hợp tác xã đầu tư để khai phá, tôn tạo, khi Nhà nước chuyển sang chế độ cho thuê, cần trả lại chi phí khai phá cho hợp tác xã."

Luật Đất đai năm 2013, đã quy định về giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với các tổ chức, cá nhân. Thời hạn cho thuê đất đối với HTX thực hiện dự án sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, phi nông nghiệp tối đa là 50 năm; trường hợp dự án có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm, dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn mà cần thời gian dài hạn thì thời hạn cho thuê đất tối đa là 70 năm. Trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm mà dự án thực hiện tại vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; đất sử dụng vào mục đích sản xuất xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, làm muối; đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, đặc biệt khuyến khích đầu tư thì được ưu đãi về giá thuê đất.

Chính sách hỗ trợ miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản tối đa là 03 năm; sau thời gian miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước xây dựng cơ bản thì thực hiện miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước từ 03 năm đến cả thời hạn thuê đất nếu HTX thực hiện dự án thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Đồng thời quy định giảm 50% tiền thuê đất trong trường hợp HTX thuê đất để sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh. Nhiều địa phương đã xây dựng chính sách hỗ trợ đất đai, giao đất, cho thuê đất đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Tính đến cuối năm 2021, cả nước có 103 Liên hiệp HTX (79 LH HTX nông nghiệp và 24 LH HTX phi nông nghiệp. Các LH HTX thu hút 668 HTX thành viên, tạo việc làm cho 17.928 lao động với thu nhập bình quân khoảng 60-80 triệu đồng/năm; có 27.342 HTX (18.327 HTX nông nghiệp, và 9.015 HTX phi nông nghiệp), tuy nhiên, số lượng thành viên ít, chỉ có gần 6 triệu thành viên tham gia. Kinh tế tập thể, hợp tác xã (HTX) nông nghiệp phát triển chưa đồng đều giữa các lĩnh vực, vùng miền, địa phương, chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Phần lớn HTX nông nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Năng lực nội tại của nhiều HTX còn yếu, nguồn lực đầu tư cho sản xuất kinh doanh rất hạn chế.

Mặc dù đã có những quy định ưu đãi về đất đai với các HTX nhưng số HTX được thụ hưởng chính sách này không nhiều do quỹ đất công hạn chế, thủ tục, quy định về đất nông nghiệp sử dung công nghiệp chế biến, dịch vụ của HTX chưa được giải quyết. Quy định về thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định Luật Đất đai 2013 vẫn còn thiếu linh hoạt trong việc hỗ trợ tài chính cho HTX khi thế chấp tại tổ chức tín dụng. Trong giai đoạn 2002 - 2012 (Luật HTX năm 2003), tính đến 31/12/2011, có 1.588 HTX (chiếm 8,1% trong tổng số HTX) được hỗ trợ giao đất không thu tiền sử dụng đất, diện tích đất được giao khoảng 1.752 ha. Có 901 HTX (chiếm 4,6%) được thuê đất với diện tích 10.305 ha. Giai đoạn 2013-2018, cả nước có 2.044 HTX được giao đất, cho thuê đất với tổng diện tích đất là 12.676 ha.

Sản xuất nông nghiệp vẫn chủ yếu dựa vào nông hộ quy mô nhỏ lẻ, manh mún, hiệu quả thấp đã làm chậm nhịp độ phát triển của ngành nông nghiệp. Đến 01/7/2020, cả nước có 9.108.130 hộ sản xuất nông nghiệp, chiếm 99,84% tổng số đơn vị sản xuất nông nghiệp (9.123.020 đơn vị). Theo kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016, bình quân 1 hộ sử dụng đất nông nghiệp chỉ đạt 5.805 m2/hộ; 36% số hộ có quy mô sử dụng đất nông nghiệp dưới 0,2 ha; 26,95% số hộ có quy mô từ 0,2 ha đến 0,5 ha, hộ sử dụng 5,0 ha trở lên chỉ chiếm 2,3%; hộ trồng cây hằng

năm dưới 0,2 ha chiếm 44,6%, hộ trồng lúa dưới 0,2 ha chiếm đến 53,7%, hộ nuôi trồng thủy sản dưới 0,2 ha chiếm 73,1%, hộ trồng cây lâm nghiệp có diện tích dưới 3 ha chiếm 82,3%. Đến 01/7/2020(1), số hộ sử dụng dưới 0,2 ha chiếm 42,67% tổng số hộ sử dụng đất nông nghiệp; số hộ sử dụng trên 2 ha chỉ chiếm 5,95%. Cả nước có 20.611 trang trại, chiếm 0,23% tổng số hộ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; bình quân 1 trang trại sử dụng 5,96 ha đất, chỉ tăng 0,76 ha so với năm 2016; có 4,43 lao động thường xuyên/trang trại. Hợp tác xã nông nghiệp quy mô nhỏ, chưa phát huy được vai trò tập hợp, hỗ trợ kinh tế hộ nông dân tập trung đất đai, phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị nông sản.

2. Kiến nghị bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật đất đai hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về "Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới" đã khẳng định: Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng, phải được củng cố và phát triển cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tập thể là xu thế tất yếu trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế tập thể là một trong những phương thức để khắc phục mặt trái của kinh tế thị trường, là nền tảng quan trọng để đạt mục tiêu "*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*".

Nghị quyết đã đề ra chính sách đất đai: "Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể tích tụ đất đai cho sản xuất kinh doanh, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp để hình thành chuỗi sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp quy mô lớn. Hoàn thiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp, trong đó bố trí quỹ đất cho các tổ chức kinh tế tập thể thuê. Ưu đãi hợp lý về giá và thời gian cho thuê đất đối với các tổ chức kinh tế tập thể chuyển đổi và thành lập mới chưa được hỗ trợ thuê đất, bảo đảm sử dụng đất đai có hiệu quả".

2.1. Về tạo quỹ đất cho các hợp tác xã thuê đất làm trụ sở, cơ sở sản xuất dịch vụ

Thực tế trong những năm vừa qua, hầu hết các địa phương không có quỹ đất để giao đất, cho thuê đất đối với hợp tác xã, vì vậy cần bảo đảm có quỹ đất trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân thuê, trong đó có các tổ chức kinh tế tập thể. Trong dự thảo Luật Đất đai, Điều 60. Nguyên tắc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đề nghị bổ sung khoản 7: Bảo đảm tính liên tục, kế thừa, ổn định, bảo đảm tính đặc thù, liên kết của các vùng kinh tế - xã hội; phân bổ nguồn lực đất đai đảm bảo cân đối hài hòa giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương, giữa các thế hệ; nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân, phù hợp với điều kiện, tiềm năng đất đai.

2.2. Về cho thuê đất: Đề nghị sửa lại mục a, khoản 2 Điều 120. Cho thuê đất

Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê trong các trường hợp sau đây:

a) Sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, chế biến, dịch vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối

(1) Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2021, Kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ 2020.

Trong thực tế thời gian vừa qua các hợp tác xã gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận đất đai xây dựng cơ sở, dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh, nền trong các dự án đầu tư cần bổ sung cả cơ sở chế biến, dịch vụ..

Nhà nước có chính sách ưu đãi, hỗ trợ về giá thuê đất và thời gian thuê đất đối với các hợp tác xã, nhất là hợp tác xã nông nghiệp.

2.3. Chế độ quản lý, sử dụng các loại đất

Trong sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã là tổ chức kinh tế có vai trò quan trọng thúc đẩy liên kết, hợp tác, tập trung ruộng đất sản xuất hàng hóa nông sản. Liên kết sản xuất giữa hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, tập trung ruộng đất, tổ chức sản xuất lớn, là hướng đi chủ yếu để khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ trên. Trong đó doanh nghiệp nông nghiệp là trung tâm của chuỗi giá trị nông sản, "đầu kéo" hỗ trợ các chủ thể sản xuất nông nghiệp hợp tác, liên kết sản xuất bền vững, thúc đẩy tích tụ, tập trung ruộng đất.

- Điều 185. Tập trung đất nông nghiệp

Khoản 3. Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện tập trung đất để sản xuất nông nghiệp; ứng dụng khoa học, công nghệ để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất đã tập trung. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất để thực hiện tập trung đất để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn.

Khoản 4. Trong thực tiễn, liên kết hợp tác sản xuất giữa các hộ nông dân để sản xuất hàng hóa theo nhu cầu của thị trường có thể chỉ diễn ra trong một giai đoạn, thời kỳ nhất định với quy mô không lớn, nên không nhất thiết phải lập phương án sử dụng đất trình cơ quan nhà nước. Vì vậy nên cân nhắc quy định: *Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân thực hiện việc tập trung đất nông nghiệp phải lập phương án sử dụng đất trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quyết định.*

Khoản 5. Đề nghị bổ sung cụm từ "*Hợp tác xã nông nghiệp*": Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, hướng dẫn, hỗ trợ các bên, hợp tác xã nông nghiệp trong việc thực hiện tập trung đất nông nghiệp và đảm bảo ổn định quy hoạch đất nông nghiệp đã tập trung.

Cần xem xét lại việc bảo đảm ổn định quy hoạch đất nông nghiệp đã tập trung để đảm bảo định hướng sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất nông nghiệp

Có quy định về việc hình thành ngân hàng cho thuê đất nông nghiệp

- Điều 186. Tích tụ đất nông nghiệp

Khoản 3. Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện tích tụ đất đai với quy mô phù hợp để sản xuất nông nghiệp; ứng dụng khoa học, công nghệ để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất đã tích tụ. Đề nghị sửa "với quy mô phù hợp" thành "theo quy định của pháp luật đất đai".

Khoản 4. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, hướng dẫn, hỗ trợ các bên trong việc thực hiện tích tụ đất nông nghiệp và đảm bảo ổn định quy hoạch đất nông nghiệp đã tích tụ. Đề nghị bỏ cụm từ: "và đảm bảo ổn định quy hoạch đất nông nghiệp đã tích tụ".

2.4. Về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất

Điều 89. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất

Để đảm bảo quyền được lựa chọn phương thức bồi thường mang lại lợi ích tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã đề nghị bổ sung Khoản 3, Điều 89 dự thảo Luật: Việc bồi thường về đất được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, ***bằng tiền và góp vốn bằng quyền sử dụng đất*** vào các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, mục đích công cộng. Nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Trên đây là một số ý kiến góp ý nhằm hoàn thiện dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển ■

ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠO ĐỘNG LỰC MỚI CHO CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045(1)

● QUANG TIẾN ● TRẦN TIẾN DŨNG(*)

1. Bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa mới và xu thế chuyển đổi số trên thế giới

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) trên thế giới đến cuối thế kỷ 20 đã làm chuyển đổi căn bản, toàn diện các mặt hoạt động kinh tế - xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao. Gần đây, quá trình CNH, HĐH mới đang được tiến hành trước yêu cầu phát triển nhanh của nền kinh tế, rút ngắn thời gian thực hiện, đảm bảo phát triển bền vững. Quá trình này được xác định là sự chuyển đổi toàn diện có hệ thống tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội với lực lượng sản xuất mới trên nền tảng những thành tựu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng

(*) Tiến sỹ, Vụ Công nghiệp, Ban Kinh tế Trung ương
(1) Bài viết nằm trong khuôn khổ kết quả nghiên cứu thuộc Đề tài độc lập cấp Quốc gia mã số: ĐTĐL.XH.10/21.

tạo của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Không giống với CNH, HĐH trước đây, những ứng dụng công nghệ số tiên tiến đang làm thay đổi hoàn toàn bản chất của sản xuất công nghiệp và dịch vụ, tạo đột phá trong công nghiệp chế biến, chế tạo bằng các hệ thống thông minh. Sự hợp nhất giữa hệ thống thiết bị, máy móc sản xuất và hệ thống số đã thúc đẩy quá trình hình thành một nền sản xuất mới - nền sản xuất thông minh dựa chủ yếu vào trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, rô-bốt hóa, internet vạn vật trong công nghiệp. Những giá trị mà kết nối internet không dây và chuyển đổi số mang lại đang dần xóa mờ ranh giới giữa sản xuất và dịch vụ, mang lại những tiềm năng to lớn để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phúc lợi xã hội và bảo vệ môi trường. Chuyển đổi số đang thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế trên thế giới và sắp xếp lại mạng lưới sản xuất toàn cầu[2].

Quá trình số hóa và tự động hóa vẫn tiếp tục là xu hướng chủ đạo thúc đẩy CNH, HĐH[3] trong bối cảnh thời kỳ hậu Covid-19, biến đổi khí hậu toàn cầu, cạnh tranh chiến lược toàn cầu, sự điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn và nhiều liên kết kinh tế - chính trị đan xen. Nhưng hiệu quả mạng lại từ chuyển đổi số có sự khác nhau phụ thuộc nhiều vào chiến lược và những chính sách cụ thể của từng quốc gia như chính sách phát triển các điều kiện khung gồm: thể chế cho phát triển kinh tế số, phát triển kết cấu hạ tầng số, thực hiện số hóa để đón nhận các công nghệ mới; chính sách thúc đẩy nhu cầu và ứng dụng các công nghệ số; chính sách phát triển nguồn nhân lực số với các kỹ năng cần thiết.

Như vậy, việc đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các công nghệ số là giải pháp trọng tâm, là động lực mới để thực hiện CNH, HĐH theo xu hướng mới.

2. CNH, HĐH của Việt Nam trong bối cảnh số hóa và khả năng tạo động lực mới từ chuyển đổi số thúc đẩy CNH, HĐH cho giai đoạn tiếp theo

Kể từ Hội nghị Trung ương 7 khóa VII (1994), Đảng ta đã chỉ rõ "Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi một cách căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và khoa học công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao"[4]. Quan niệm về CNH, HĐH đất nước như vậy đã thể hiện được tính chất toàn diện của công nghiệp hóa, lại vừa thể thiện được tính hiện đại hóa.

Trong bối cảnh mới, tại Đại hội lần thứ XIII, trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Đảng ta đã xác định "Tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và những thành tựu công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư". Ở nội dung này, CNH, HĐH phải dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực. Trước đó, Đảng cũng đã chỉ đạo "khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4" như đã nêu trong Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tiếp đến nhấn mạnh việc "tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số" như đã nêu trong Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trên cơ sở đó, ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030 làm cơ sở để các cơ quan, tổ chức ở Trung ương

(2) WEF (2019), Globalization 4.0 Shaping a New Global Architecture in the Age of the Fourth Industrial Revolution, Geneva Switzerland.

(3) UNIDO (2022) Báo cáo công nghiệp năm 2022: Tương lai của Công nghiệp hóa thế giới sau đại dịch.

(4) Đảng cộng sản Việt Nam (1994), Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 BCHTW khóaVII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

và địa phương tập trung triển khai các giải pháp chuyển đổi số, trước hết là xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, phát triển doanh nghiệp công nghệ số từng bước hình thành nền kinh tế số, xã hội số Việt Nam vững mạnh, hiện đại.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, trong giai đoạn vừa qua, CNH, HĐH của Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể về kinh tế - xã hội, trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình thấp với tốc độ tăng trưởng tổng thể cao, trung bình trên 6,6%/năm trong vòng 20 năm (2000 - 2020). Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu do Diễn đàn kinh tế thế giới công bố, Việt Nam đứng thứ 67/142 nền kinh tế tăng 10 bậc trong 2 năm 2018 và 2019[5]; năng lực cạnh tranh toàn cầu của ngành công nghiệp Việt Nam theo xếp hạng của UNIDO tăng từ vị trí 58 năm 2015 lên thứ 42 vào năm 2019[6]; Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam liên tục được cải thiện qua các năm, năm 2021 đứng thứ 44/126 quốc gia[7]. Tuy nhiên, việc tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt được mục tiêu đề ra. Mô hình tăng trưởng vẫn dựa vào sự gia tăng theo chiều rộng của các ngành sản xuất gia công để xuất khẩu như dệt may, da giầy, điện tử,…. Tỷ lệ sản xuất sử dụng công nghệ số còn thấp. Năng suất lao động xã hội chưa đạt mức trung bình so với các quốc gia trong khu vực chỉ khoảng 120 triệu đồng/năm, tương đương khoảng 5.000 đô la/lao động/năm theo tính toán của Tổ chức Lao động quốc tế[8]. Trình độ khoa học - công nghệ còn hạn chế, chi phí sản xuất còn cao. Các chính sách phát triển các ngành công nghiệp chậm được cụ thể hóa. Quá trình tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng diễn ra chậm. Chuỗi giá trị nội địa phát triển chậm, lỏng lẻo, năng lực tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu trong trạng thái bị động, chưa bền vững và kém hiệu quả. Việt Nam có nguy cơ rơi vào bẫy gia công, lắp ráp, thu hút FDI kém chất lượng khi tiếp nhận dòng vốn FDI dịch chuyển từ Trung Quốc và từ các nước khác nhằm tận dụng ưu đãi trong các FTA mà Việt Nam tham gia. Có thể thấy mô hình CNH, HĐH trước đây đã không còn phù hợp trong điều kiện vừa chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vừa thích ứng với chuỗi giá trị toàn cầu. Chính vì vậy, thực hiện chuyển đổi số quốc gia trở thành nhiệm vụ đặc biệt quan trọng cho giai đoạn phát triển tiếp theo của Việt Nam.

Thực trạng chuyển đổi số của Việt Nam. Các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia được xây dựng, từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương. Đến tháng 12/2020, 22/22 bộ, cơ quan ngang bộ, 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh và kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, hình thành nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu thống nhất trên toàn quốc. Một số cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia đã được hình thành và phát huy hiệu quả trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, như: các cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm, hộ tịch điện tử; cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư,... giúp

(5) Báo cáo Diễn đàn Kinh tế Thế giới WEF 2019.

(6) Báo cáo năng lực cạnh tranh công nghiệp của UNIDO 2019.

(7) Báo cáo WIPO, 2021

(8) Báo cáo của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) tại Labour Forum entitled "Future of work: The Choice of Viet Nam" 2019

giảm đáng kể giấy tờ, thủ tục hành chính. Các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp từng bước được nâng lên và phát huy hiệu quả, đặc biệt là việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Tính đến đầu năm 2022, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên cả nước vươn lên đạt trên 68%. Theo đó, chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam theo đánh giá của Liên hợp quốc từ năm 2014 đến năm 2020 tăng 13 bậc, từ xếp hạng thứ 99 lên xếp hạng thứ 86/193 quốc gia, thứ 23/47 châu Á và 6/11 Đông Nam Á[9]. Chuyển đổi số trong giáo dục đã đổi mới cách thức giảng dạy truyền thống hướng tới phổ cập hoá và cá nhân hoá dịch vụ học tập suốt đời tới từng người học. Chuyển đổi số y tế đã cho phép người dân, thông qua các nền tảng số tiếp cận với dịch vụ y tế tốt nhất 24/7 từ những bác sỹ giỏi nhất, giải quyết vấn đề giảm tải cho các cơ sở y tế,… *Tuy nhiên*, quá trình chuyển đổi số quốc gia vẫn còn chậm, thiếu chủ động; hạ tầng thông tin phục vụ quá trình chuyển đổi số còn hạn chế; nhiều doanh nghiệp còn bị động, năng lực tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại còn thấp. Kinh tế số có quy mô còn nhỏ. Việc đấu tranh với tội phạm, bảo đảm an ninh mạng còn nhiều thách thức.

Về khả năng tạo động lực xét trên một số lĩnh vực: *Trong hoạt động sản xuất kinh doanh*. Công nghệ số và nền tảng số thúc đẩy các mặt hàng công nghiệp công nghệ thông tin, đặc biệt là điện thoại và máy tính vẫn đứng vững trong danh sách top 10 nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam năm 2020, đưa ngành công nghiệp phần cứng, điện tử của Việt Nam xuất siêu khoảng 15 tỷ USD. Các cơ quan, ban ngành đang được thúc đẩy chuyển đổi số thông qua các chương trình, đề án nhằm hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp ứng dụng công nghệ 4.0 thông qua chuyển đổi số để phát triển sản xuất thông minh giai đoạn 2021 – 2030, trong đó thiết lập mạng lưới hợp tác thông qua hệ sinh thái sản xuất số. *Trong hoạt động thương mại và dịch vụ*. Chuyển đổi số trong các hoạt động thương mại và dịch vụ được tăng cường, đặc biệt dịch vụ công nghệ thông tin năm 2020 đạt 7 tỷ USD tăng 8,61% so với năm 2019. Chuyển đổi số thúc đẩy phát triển các mô hình kinh doanh mới, sản phẩm mới và cơ sở vật chất tốt hơn, nhất là trong phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 – 2025. *Khuyến khích sự đổi mới sáng tạo và phát triển lực lượng lao động mới*. Chuyển đổi số tạo tiền đề cho một cách tiếp cận sáng tạo, toàn diện để tối ưu hóa, gia công phần mềm thông minh, doanh thu công nghiệp gia công phần mềm năm 2020 của Việt Nam đạt 5,4 tỷ USD, tăng 9,49% so với năm 2019, nội dung số đạt 934 triệu USD. Đối với phát triển nguồn nhân lực, lực lương lao động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số lên đến 1.030.000 người. Hiện nay cả nước đang triển khai nhiều đề án, kế hoạch như: nâng cao nhận thức, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đào tạo nâng cao kỹ năng nghề của người lao động đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4;… *Số lượng doanh nghiệp công nghệ số phát triển nhanh, các hoạt động trong doanh nghiệp từng bước được số hóa*. Số doanh nghiệp công nghệ số của Việt Nam tăng nhanh năm 2020 đã đạt 58.377 doanh nghiệp tăng gấp 2 lần so với năm 2017. Mặt khác, các sản phẩm của chuyển đổi số đang thúc đẩy cơ hội cách mạng hóa mọi hoạt động quản lý và vận hành sản xuất của các loại hình doanh nghiệp trong nước.

Qua thực tiễn cho thấy chuyển đổi số đang trở thành nguồn động lực mới quan trọng để đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, nếu khai thác, tận dụng tốt sẽ mở ra cơ hội đầy triển vọng đối với CNH, HĐH của Việt Nam trong giai đoạn đến năm 2030 và đến năm 2045.

3. Đề xuất quan điểm định hướng và những nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số tạo động lực mới cho CNH, HĐH trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Với mục tiêu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao đòi hỏi chuyển đổi số phải được đẩy mạnh để trở thành nguồn lực mới cho CNH, HĐH của Việt Nam. Với mong muốn như vậy, vai trò của nguồn

(9) E-Government Development Index – EGDI (2020)

động lực mới này cần phải được khẳng định:

Một là, chuyển đổi số là quá trình tất yếu, là động lực quan trọng để thực hiện CNH, HĐH đất nước, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội thực hiện chuyển đổi số hiệu quả tạo động lực mới để phát triển kinh tế số, xã hội số.

Hai là, thực hiện chuyển đổi số để phát triển sản xuất thông minh, giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và phục hồi kinh tế sau đại dịch. Chuyển đổi số để đổi mới mô hình tăng trưởng, đóng góp tích cực vào việc nâng cao thứ hạng về mức độ ứng dụng công nghệ hiện đại và đổi mới sáng tạo trong sản xuất, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Ba là, đầu tư có trọng điểm làm chủ các công nghệ số, phát triển các nền tảng công nghệ số cho các hệ sinh thái công nghiệp, phát triển mô hình nhà máy thông minh. Chuyển đổi số hướng tới tự chủ về tri thức và công nghệ, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, quy tụ kiến thức, trí tuệ chuyên gia trong nước và quốc tế, khai thác các nền tảng, giải pháp của Việt Nam

Bốn là, tiếp tục thực hiện CNH, HĐH trên cơ sở số hóa và các nền tảng số kết hợp. Tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi công nghệ, thu hút đầu tư FDI có chọn lọc, tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản xuất công nghiệp thế giới; góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển về công nghệ số và CNH, HĐH bằng công nghệ số.

Một số nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát huy hơn nữa vai trò động lực mới của chuyển đổi số đối với CNH, HĐH của Việt Nam:

- Ưu tiên thực hiện chuyển đổi số tạo sức bật cho các ngành, lĩnh vực sản xuất và dịch vụ trong quá trình CNH, HĐH. Khuyến khích doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp sản xuất và dịch vụ sản xuất thực hiện số hóa nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt hơn, phức tạp hơn hoặc có giá thành cao hơn. Khuyến khích nhập khẩu công nghệ

sản xuất tích hợp công nghệ số theo hướng hiệu quả hơn về tài nguyên và thân thiện với môi trường. Chú trọng nâng cao năng lực làm chủ công nghệ số, nghiên cứu, sáng tạo sản phẩm, dịch vụ công nghệ số nhằm hiện thực hóa chủ trương "Make in Viet Nam" phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Đẩy nhanh chuyển đổi số đối với một số ngành, lĩnh vực đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số, kết nối 5G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, sản xuất đắp lớp 3D, internet kết nối vạn vật, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường.

- *Đẩy mạnh phát triển công nghiệp công nghệ số và sản xuất thông minh*. Trước hết chú trọng đầu tư nâng cao tỷ lệ nội địa hóa cho doanh nghiệp công nghiệp của Việt Nam trong xuất khẩu hàng hóa thông qua việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu về ngành công nghiệp sản xuất, công nghiệp hỗ trợ; chủ động tìm kiếm đối tác, đặc biệt là đối tác nước ngoài nhằm mở rộng thị trường cho công nghiệp hỗ trợ trong nước phát triển. Chủ động hợp tác với các quốc gia công nghiệp phát triển trong phát triển sản xuất thông minh nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số, nhận chuyển giao công nghệ số; hỗ trợ tích cực đối với những doanh nghiệp thực hiện các dự án sản xuất thông minh, sản xuất sản phẩm công nghiệp công nghệ số. Xây dựng và thực hiện chính sách khuyến khích nghiên cứu và triển khai để Việt Nam trở thành một nơi hấp dẫn hơn cho các nhà nghiên cứu làm việc, một nơi hấp dẫn hơn cho các doanh nghiệp công nghiệp số trong nước và nước ngoài đầu tư và thực hiện các hoạt động R&D để phát sản xuất thông minh tại Việt Nam.

- *Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho CNH, HĐH, ưu tiên tập trung theo hướng ứng dụng công nghệ số hiện đại*. Xây dựng bổ sung và điều chỉnh chính sách thu hút FDI có định hướng gắn liền với việc nâng cao năng lực và kỹ năng tham gia chuỗi sản xuất của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Các doanh nghiệp FDI sau khoảng 3-5 năm hoạt động tại Việt Nam phải có hoạt động R&D và trích phần trăm lợi nhuận cho hoạt động R&D tại Việt Nam; Các doanh nghiệp FDI sau 5-7 năm phải đạt tỷ lệ nội địa hoá sản phẩm cao và phải có hơn một nửa doanh nghiệp phụ trợ là doanh nghiệp của Việt Nam. Tận dụng tốt vai trò của các FTA nhằm tăng cường sự kết nối với các đối tác chiến lược cả ở phía thượng nguồn và hạ nguồn; đa dạng các đối tác khác bên ngoài châu Á để giảm thiểu rủi ro khi quá phụ thuộc vào một số quốc gia nhất định trong khu vực.

- *Thúc đẩy hoạt động R&D trong lĩnh vực số, hỗ trợ liên kết giữa nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ số với sản xuất công nghiệp và dịch vụ số*. Tăng cường đầu tư công vào R&D trong các lĩnh vực công nghiệp chủ lực, chú trọng nghiên cứu triển khai các công nghệ số trong sản xuất. Khuyến khích doanh nghiệp và cộng đồng đầu tư cho R&D trong công nghiệp công nghệ số. Xem xét các biện pháp tài chính và phi tài chính nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện R&D trong doanh nghiệp, nhất là cơ chế sử dụng quỹ KH&CN trong doanh nghiệp cho chuyển đổi số. Xây dựng cơ chế hỗ trợ đặc biệt ưu tiên thúc đẩy các hợp tác nghiên cứu ứng dụng công nghệ số giữa khu vực nghiên cứu và khu vực công nghiệp.

- *Phát triển hạ tầng số cho CNH, HĐH mới*. Tiếp tục chú trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng số cho lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, trọng tâm là công nghiệp công nghệ số; xây dựng cơ sở hạ tầng dữ liệu và công nghệ, thiết bị số quốc gia dùng chung; đẩy nhanh số hóa, hoàn thiện cơ sở dữ liệu số trong các lĩnh vực ưu tiên, như: y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, du lịch, nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, năng lượng, tài nguyên và môi trường. Đầu tư xây dựng và vận hành Trung tâm đổi mới sáng tạo số và hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số quốc gia theo cơ chế đầu tư kết hợp công - tư. Tiếp tục hiện đại hóa, nâng cấp hệ thống tài chính số và dịch vụ tài chính số đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa và nhập khẩu có hệ thống các công nghệ cao.

- *Hỗ trợ chuyển đổi công việc, khả năng thích ứng công nghệ số đối với lực lượng lao động*. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp số mở các khóa đào tạo kiến thức, kỹ năng cho người

lao động, từng bước chuyển đổi công việc, dịch chuyển sang các loại hình lao động dựa trên các nền tảng công nghệ số; Các trường đại học, cao đẳng khối kỹ thuật cùng với doanh nghiệp phối hợp đào tạo kỹ năng số và công nghệ sản xuất hiện đại cho học sinh, sinh viên và đào tạo lại đối với người lao động trong ngành; tạo cơ hội cho mọi người dân học tập phát triển kỹ năng, hòa nhập trong quá trình chuyển đổi số.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ. Xây dựng và hoàn thiện các quy định về nội địa hóa dữ liệu; xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về chuyển đổi số phù hợp với tiêu chuẩn của khu vực và thế giới; xây dựng nguyên tắc, tiêu chí xác định các nền tảng số, sản phẩm công nghệ số Việt Nam, hạn chế sở hữu nước ngoài; xây dựng và thực hiện chính sách bảo vệ các ngành công nghiệp mới trong nước, nhất là ngành công nghiệp công nghệ số. Thiết lập các khuôn khổ quy định về doanh nghiệp độc quyền công nghệ số. Xúc tiến triển khai các cam kết cũng như ký kết các thỏa thuận về công nhận lẫn nhau, hậu kiểm trong lĩnh vực hàng rào kỹ thuật (TBT).

Như vậy, có thể khẳng định rằng chuyển đổi số sẽ tạo động lực mới rất quan trọng đối với sự nghiệp CNH, HĐH đất nước trong bối cảnh hiện nay. Số hóa đang phát triển trên các phương diện: con người, thể chế và hạ tầng công nghệ số. Chuyển đổi số đang tạo ra thế và lực mới cho thực hiện CNH, HĐH mở ra với nhiều triển vọng cho phát triển đất nước trong tương lai. Tuy nhiên những thách thức của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, yêu cầu phục hồi kinh tế thời kỳ hậu Covid-19, cùng với tình hình chính trị, kinh tế, xã hội thế giới có nhiều biến động bất thường phức tạp, khó lường sẽ tác động mạnh, đa chiều đến công cuộc CNH, HĐH đất nước trong giai đoạn tới đây. Để vượt qua và thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, cả hệ thống chính trị và nhân dân Việt Nam tiếp tục nỗ lực, quyết tâm hơn nữa hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyển đổi số quốc gia tạo động lực mới để thực hiện CNH, HĐH đất nước nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đến năm 2030 và đến năm 2045 ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội XIII, Nghị quyết 23-NQ/TW, Nghị quyết 52-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII và một số báo cáo, đề án, chiến lược, kế hoạch của các bộ, ngành Trung ương.
2. ILO (2019), Labour Forum entitled "Future of work: The Choice of Viet Nam" 2019.
3. UN (2020) E-Government Development Index – EGDI (2020).
4. UNIDO (2021), Báo cáo Phát triển công nghiệp năm 2021: Công nghiệp hóa trong kỷ nguyên số; UNIDO (2022), Báo cáo công nghiệp năm 2022: Tương lai của Công nghiệp hóa thế giới sau đại dịch; UNIDO (2019), Competitive Industrial Performance (CIP) Report 2019.
5. WEF (2019), Global Competitiveness Index- GCI; WEF (2019), Globalization 4.0 Shaping a New Global Architecture in the Age of the Fourth Industrial Revolution, Geneva Switzerland
6. WIPO (2021), Global Innovation Index 2021.

PHÁT TRIỂN CÁC HỢP TÁC XÃ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, SẢN XUẤT GẮN VỚI CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM CHỦ LỰC QUỐC GIA, VÙNG, ĐỊA PHƯƠNG

● VÂN KHÁNH

Phát triển kinh tế tập thể (KTTT) và hợp tác xã (HTX) là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, được xác định nhất quán và xuyên suốt tại các nghị quyết Đại hội Đảng, Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX, Nghị quyết Trung ương 5 khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. Kinh tế tập thể, hợp tác xã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, nhiều mô hình HTX, liên hiệp hợp tác xã (LHHTX), tổ hợp tác (THT) phục hồi nhờ mạnh dạn thay đổi phương thức sản xuất và quản trị truyền thống; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu sản xuất; nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh; phát triển mở rộng gắn với quy hoạch vùng sản xuất; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ thành viên; đẩy mạnh kinh tế xanh, kinh tế tuần

hoàn, phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái mang tính bền vững; đẩy mạnh liên kết giữa các thành viên và các HTX, doanh nghiệp và tập đoàn kinh tế.

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu sản xuất

Thời gian qua, tuy ảnh hưởng không nhỏ từ đại dịch Covid-19 nhưng KTTT, HTX từng bước phục hồi và phát triển, đạt mục tiêu đề ra. Cụ thể, số lượng HTX, liên hiệp HTX, tổ hợp tác thành lập mới tăng, vượt chỉ tiêu đề ra, cụ thể: Thành lập mới 2.187 HTX; nâng tổng số HTX lên 29.021 HTX, tăng 9,35% so với năm 2021; thu hút 6,94 triệu thành viên là hộ gia đình, chủ yếu ở địa bàn nông thôn (tăng 22.466 thành viên so với năm 2021) và 2,58 triệu lao động (tăng 71.000 lao động so với năm 2021); tổng số vốn điều lệ đạt 54,15 nghìn tỷ đồng, bình quân 1,86 tỷ đồng/HTX; tổng giá trị tài sản đạt 187,75 nghìn tỷ đồng, bình quân 6,5 tỷ đồng/HTX, tăng 8,7% so với năm 2021; Thành lập mới 17 liên hiệp HTX; thu hút 750 thành viên (bình quân 6 HTX/liên hiệp HTX), tạo việc làm cho 39.750 lao động; doanh thu bình quân của 01 liên hiệp HTX là 258 tỷ đồng/năm, lãi bình quân 8,9 tỷ đồng/năm…

Nhìn lại có thể thấy rõ KTTT, HTX vừa qua phục hồi dần sau đại dịch Covid-19. Hầu hết hoạt động ổn định trở lại, phát triển và có doanh thu, lợi nhuận khá. Điều đó cho thấy mô hình KTTT phù hợp với nhu cầu tổ chức sản xuất của người dân, phục vụ sản xuất kinh doanh bền vững và thực hiện hiệu quả Chương trình hành động phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Ứng dụng công nghệ cao, sản xuất gắn với chuỗi giá trị

Hiện cả nước có 193 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, gồm: 155 HTX trồng trọt, lâm nghiệp, 18 hợp tác xã chăn nuôi, 20 hợp tác xã thủy sản. Các lĩnh vực sản xuất của hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao phổ biến là sản xuất rau, quả an toàn, giống cây trồng, hoa, nấm, chăn nuôi gà, lợn, bò sữa, nuôi trồng thủy sản, chế biến, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp. Các địa phương có nhiều hợp tác xã ứng dụng mô hình nông nghiệp công nghệ cao như: Lâm Đồng 36 HTX, Long An 14, Hà Nội 13, TP Hồ Chí Minh 11 HTX...

Tuy nhiên, hiện các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp của HTX vẫn còn nhỏ lẻ, phân tán, chậm được nhân rộng. Hiện cả nước mới chỉ có 1,65% số HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất. Tuy nhiên, phần lớn các mô hình ứng dụng công nghệ mới áp dụng một khâu hoặc một công đoạn sản xuất. Ngoài ra, việc liên kết chuyển giao công nghệ cao giữa HTX và doanh nghiệp trong chuỗi giá trị nông sản còn yếu; hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường cho các sản phẩm nông sản công nghệ cao vẫn rất mờ nhạt.

Bên cạnh đó, hầu hết HTX đều thiếu quỹ đất tập trung để phát triển công nghệ cao hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa yên tâm đầu tư, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất. Nhận thức, hiểu biết của cán bộ và thành viên HTX về nông nghiệp công nghệ cao còn hạn chế, chưa kể chi phí đầu tư tốn kém nên vấn đề này chưa thực sự được quan tâm. Dù công việc đòi hỏi phải có trình độ kỹ thuật mới làm chủ được công nghệ, thế nhưng mức thu nhập chưa hấp dẫn nên khó

thu hút được lao động làm việc ở khu vực kinh tế hợp tác.

Nâng cao sức cạnh tranh gắn với chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị

Để thực hiện được Chiến lược với mục tiêu phát triển hiệu quả mô hình KTTT, HTX, thì các bộ, ngành Trung ương và địa phương, toàn xã hội cần có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tạo động lực để mô hình này phát triển bền vững, mang lại lợi ích cụ thể, lâu dài cho người lao động. Một số giải pháp cụ thể cần hướng tới trong giai đoạn tiếp theo như sau:

Thứ nhất, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, của cấp ủy và chính quyền địa phương và phát triển KTTT theo Nghị quyết số 20-NQ/TW.

Thứ hai, các HTX, liên hiệp HTX nâng cao năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hoạt động theo quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo vệ lợi ích của thành viên; đào tạo nghề cho thành viên và người lao động gắn với các sản phẩm của HTX, liên hiệp HTX, tổ hợp tác; đổi mới phương án sản xuất, kinh doanh khả thi và nâng cao sức cạnh tranh gắn với chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị.

Thứ ba, xây dựng và phát triển các HTX, LHHTX quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực quốc gia, vùng, địa phương.

Thứ tư, tăng cường năng lực quản trị HTX; nâng cao trình độ năng lực quản lý, kinh tế, thương mại, công nghệ cho thành viên. Tổng kết mô hình HTX hoạt động hiệu quả để nhân rộng; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, bảo vệ môi trường, tạo việc làm và nâng cao đời sống, thu nhập cho các thành viên.

Thứ năm, chính quyền địa phương khuyến khích, hỗ trợ các HTX, liên hiệp HTX chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm đạt tiêu chuẩn để xây dựng thương hiệu có uy tín trên thị trường.

Thứ sáu, đẩy mạnh tăng vốn góp và vốn huy động từ thành viên để tăng nguồn vốn hoạt động, tăng vốn đầu tư phát triển, tăng tài sản và quỹ không chia

của HTX; khuyến khích liên kết kinh tế giữa HTX, liên hiệp HTX hoạt động trong cùng ngành, lĩnh vực; tăng cường liên kết giữa HTX, liên hiệp HTX với các tổ chức thuộc thành phần kinh tế khác, đặc biệt là liên kết với doanh nghiệp.

Phát triển kinh tế xanh: Mục tiêu hướng đến của các hợp tác xã nông nghiệp

Việc đẩy mạnh kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái mang tính bền vững chính là mục tiêu mà các hợp tác xã nông nghiệp đang hướng đến.

Theo thống kê, cả nước hiện có hơn 19.000 hợp tác xã nông nghiệp (chiếm gần 67% tổng số hợp tác xã trong tất cả các lĩnh vực của cả nước), với gần 3,4 triệu thành viên, trong đó chủ yếu là hộ nông dân. Các hợp tác xã nông nghiệp bước đầu trở thành một mắt xích quan trọng trong phát triển chuỗi giá trị liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, là tiền đề quan trọng thúc đẩy hình thành các tổ hợp sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản quy mô vừa và nhỏ tại nhiều vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, hoạt động sản xuất nông nghiệp là ngành gây phát thải khí nhà kính lớn, qua đó làm gia tăng sự nóng lên toàn cầu. Phát thải khí nhà kính trong nông nghiệp tập trung chủ yếu trong 3 lĩnh vực chính là trồng lúa nước, chăn nuôi, quản lý đất và sử dụng phân bón. Theo đó, đầu năm 2022, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 150/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển nông nghiệp bền vững, đẩy mạnh kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái trong sản xuất, kinh doanh.

Hiện nay, đã và đang xuất hiện một số mô hình có "bóng dáng" kinh tế tuần hoàn trong khu vực kinh tế tập thể, HTX. Có thể kể đến mô hình Vườn -Ao - Chuồng (VAC) của HTX nông nghiệp Mai Pha Land, xã Mai Pha, TP. Lạng Sơn, HTX đang đầu tư nuôi 150 m2 giun quế. Việc nuôi giun quế có ý nghĩa rất lớn đối với mô hình vườn – ao – chuồng khi các chất thải nông nghiệp như: phân gà vịt, lợn, trâu, bò, cỏ dại, lá cành, rau củ… là thức ăn của giun.

Bên cạnh mô hình VAC, còn có mô hình lúa- tôm; lúa- cá. Mô hình lúa- tôm được áp dụng từ đầu những năm 2000 ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Còn mô hình "lúa, cá" được thực hiện ở các tỉnh vùng trũng, hay vùng ngập úng ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng. Trong mô hình này, khi nuôi tôm hoặc cá trong ruộng lúa, phân của tôm, cá và thức ăn còn dư (của tôm, cá) sẽ làm phân bón bổ sung dinh dưỡng cho cây lúa. Ngược lại, khi gặt lúa xong, thả tôm (cá) vào ruộng, gốc rạ, thóc rơi vãi trở thành nguồn thức ăn cho tôm, cá. Điển hình cho mô hình này là HTX nông nghiệp An Mỹ, huyện Mỹ Đức, Hà Nội, ưu điểm của mô hình cá - lúa là tận dụng được lá lúa, các sinh vật phù du, gốc rạ làm thức ăn cho cá. Hơn nữa, cá ăn sâu bọ hại lúa, sục bùn, diệt cỏ dại, giúp giảm công làm cỏ, sinh trưởng phát triển tốt, tiết kiệm được nhiều chi phí.

Để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, hình thành hành lang pháp lý ổn định, môi trường kinh doanh và đầu tư thông thoáng, thuận lợi đối với kinh tế tuần hoàn, HTX là động lực quan trọng, tổ chức xã hội, nghề nghiệp và người dân tham gia thực hiện. Bên cạnh đó cần khuyến khích tái tạo, quay vòng tuần hoàn trả lại hữu cơ cho đất, chống đốt rơm rạ, đốt nương rẫy, thúc đẩy sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, hoàn thiện và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam.

Thực hiện chủ trương thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, cần ban hành các quy định thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, có chính sách khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn trong cộng đồng dân cư và HTX. Xác định rõ trong việc thực hiện phát triển kinh tế tuần hoàn, HTX đóng vai trò trung tâm làm hạt nhân nòng cốt.

Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng về cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Do đó, thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn chính là việc chuyển đổi phù hợp mà nước ta đang hướng tới vì mục tiêu phát triển với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững ■

NHẬN DIỆN NHỮNG XU HƯỚNG LỚN TRÊN THẾ GIỚI VÀ DỰ BÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC ĐẾN NĂM 2030 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO(1)

● BÙI TIẾN DŨNG(*)

● ĐINH THU HẰNG(**)

1. Mở đầu

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đang được đẩy mạnh triển khai ở nước ta trong tình hình thế giới có nhiều biến động lớn, khó lường, đan xen và sự xuất hiện những trào lưu mới chưa có tiền lệ như hiện nay. Bài viết này sẽ nhận diện và làm rõ hơn các xu hướng lớn (megatrends) đang vận động, phát triển trên thế giới và những tác động tới quá trình công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) của Việt Nam đến năm 2030 và giai đoạn tiếp theo. Trên cơ sở xem xét những tác động đối với CNH, HĐH của Việt Nam, bài viết cũng đề xuất một số nhiệm vụ thiết yếu để Việt Nam chủ động tận dụng, khai thác những tác động tích cực và hạn chế các tác động tiêu cực tới quá trình CNH, HĐH, từ đó bổ sung, làm rõ hơn về sự cần thiết, tính chủ động sáng tạo, thấu suốt và thích ứng nhanh hơn trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách CNH, HĐH đất nước mà Đảng ta đã đề

(*) Tiến sỹ, Phó Vụ trưởng, Vụ Kinh tế tổng hợp, Ban Kinh tế Trung ương
(**) Tiến sỹ, Phó Vụ trưởng, Vụ Quan hệ quốc tế, Văn phòng Chính phủ
1) Bài viết nằm trong khuôn khổ kết quả nghiên cứu thuộc Đề tài độc lập cấp Quốc gia mã số: ĐTĐL.XH.10/21.

ra.

2. Các xu hướng lớn (megatrend) trên thế giới hiện nay

Các xu hướng lớn có tác động đến tương lai thế giới được nhận diện dựa trên một số thuộc tính sau: (i) Những thay đổi lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng, trong thời gian dài, tác động đến hầu hết các quốc gia trên thế giới; (ii) Diễn tiến làm thay đổi diện mạo, tác động mạnh mẽ tới kinh tế - xã hội thế giới; (iii) Tạo động lực, lôi cuốn hoặc chi phối sự phát triển mới trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội trên phạm vi toàn cầu. Các xu hướng lớn được nhận diện bao gồm:

1- Biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, khó lường và mức độ nguy hại ngày càng tăng. Theo Ủy ban liên quốc gia về biến đổi khí hậu (IPCC), biến đổi khí hậu thể hiện ở hai khía cạnh: *i) Nhiệt độ tăng.* Hiện nay nhiệt độ đã tăng hơn 10C so với những năm 1950, đến năm 2030 dự báo là hơn 1,50C. Những tác động của nhiệt độ tăng ở khắp các châu lục, nhất là châu Âu, châu Á và khu vực phía Nam bán cầu; *ii) Nhiệt độ cao tiến gần điểm tới hạn.* Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới năm 2020, biến đổi khí hậu làm tăng thêm 132 triệu người rơi vào cảnh nghèo cùng cực vào năm 2030 biểu hiện như: mất thu nhập từ nông nghiệp, giảm năng suất lao động ngoài trời, giá lương thực tăng cao, gia tăng bệnh tật,... Sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu là vấn đề cấp bách nhất hiện nay, thế giới phải đối mặt với hạn hán, lũ lụt, nắng nóng khắc nghiệt dẫn tới đói nghèo hơn nữa cho hàng trăm triệu người; khả năng xảy ra sự diệt vong, sa mạc hóa những quần thể dễ bị tổn thương là khó tránh khỏi. Dự báo đến năm 2030, nhu cầu sử dụng năng lượng tăng 50%, nước sạch 40%, lương thực, thực phẩm 35% gây quan ngại khi nhiệt độ tiếp tục tăng hơn nữa.

2- Dân số thế giới tiếp tục tăng và già hóa dân số diễn ra trên diện rộng. Theo dự báo của Liên hợp quốc đến năm 2030, dân số thế giới sẽ khoảng 8,6 tỷ người tăng 1 tỷ người so với hiện tại là 7,8 tỷ người xu hướng tăng đang chậm lại nhưng chưa dừng lại vào năm 2030 và diễn biến theo 2 chiều hướng ngược nhau: *(i) Chiều tăng.* Một số khu vực tăng ở châu Á, châu Phi, Nam Mỹ, đặc biệt là nhóm quốc gia ở châu Phi cận Sahara và Nam Á như Nigeria, Tanzania, Ethiopia, Ấn Độ và Pakistan; *(ii) Chiều giảm (già hóa).* Liên minh châu Âu (EU) với 27 quốc gia thành viên được dự đoán đang thu hẹp lại nằm trong khoảng từ 498 đến 529 triệu người vào năm 2030, ngoại trừ Ai Cập sẽ có thêm 21 triệu dân, Khu vực lân cận phía Nam của châu Âu sẽ đạt 282 triệu người vào năm 2030, hiện đang là 235 triệu người. Nga cũng được dự báo sẽ giảm từ 143,9 triệu xuống 140,5 triệu. Trung Quốc cũng sẽ đạt đỉnh với khoảng 1,4 tỷ trong những năm tới đây và giữ ổn định tương đối. Như vậy, dân

Bảng 1. Dự báo biến động dân số thế giới đến năm 2030

Vùng	Dân số (triệu người)	
	Năm 2017	Năm 2030
Thế giới	7.550	8.551
Châu Phi	1.256	1.704
Châu Á	4.504	4.947
Châu Âu	742	739
Mỹ La tin và vùng Caribbean	646	718
Bắc Mỹ	361	395
Châu Đại Dương	41	48

(Nguồn: Vụ Kinh tế và Xã hội, Ban Dân số Liên hợp quốc)

số của hơn 50 quốc gia sẽ giảm trong những năm tới, trước hết là trong giai đoạn đến năm 2030.

Già hóa dân số thể hiện qua một số điểm sau: i) Tuổi thọ tăng. Theo Liên hợp quốc, đến năm 2030 phụ nữ châu Á tuổi thọ tăng trên 75 tuổi, đặc biệt Hàn Quốc sẽ có tuổi thọ là 90 tuổi, ở châu Phi sẽ là 64,23 tuổi, châu Âu tiếp tục ổn định đến năm 2030, phụ nữ Pháp sẽ đạt mức cao nhất ở EU với tuổi thọ 88,24 tuổi; ii) Tuổi trung bình ngày càng cao. Thế giới sẽ già hơn hiện nay vào năm 2030, 12% dân số thế giới sẽ trên 65 tuổi, tăng so với khoảng 8% hiện nay. Châu Âu vào năm 2030, có trên 25,5% dân số ở độ tuổi trên 65 tuổi. Nga và Trung Quốc cũng đi theo mô hình tương tự với 1/4 dân số của họ sẽ trên 60 tuổi vào năm 2030. Bắc Mỹ và châu Á, đặc biệt là Ấn Độ cũng sẽ chứng kiến dân số của họ sống lâu hơn. Tuy nhiên, một số ít khu vực trên thế giới vẫn có duy trì tỷ lệ thanh niên và trẻ em cao như ở châu Phi, khu vực lân cận phía Nam của châu Âu, nơi hơn 45% dân số ở độ tuổi dưới 30 tuổi, giảm so với 65% trong năm 2010.

3- Đô thị hóa diễn ra nhanh, cục bộ tăng mạnh ở một số khu vực trên thế giới. Quá trình đô thị hóa tăng tốc chưa từng có đang đặt ra những thách thức to lớn về phát triển đô thị, điển hình là ở các quốc gia châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh. Dự báo đến năm 2030, 2/3 dân số thế giới sẽ sống ở các thành phố. Đến năm 2030, đô thị hóa sẽ phát triển theo 2 xu hướng sau: i) Các thành phố vừa và nhỏ tăng nhanh. Sự gia tăng nhiều hơn các đô thị dưới 1 triệu người, tiếp đến là những đô thị từ 1 đến 5 triệu người. Các thành phố vừa và nhỏ này hiện đang phát triển với tốc độ gấp đôi so với các siêu đô thị. Mặc dù vậy, mô hình đô thị hóa trở thành một trào lưu phổ biến dẫn đến việc hình thành tràn lan những đô thị năng suất thấp, tách biệt với sản xuất, kinh tế đô thị bế tắc; ii) Các siêu đô thị gia tăng không đáng kể đến năm 2030. Trên thế giới hiện nay đang có 20 thành phố trên 10 triệu người và 20 thành phố từ 7-10 triệu, dự báo đến năm 2030 sẽ có trên 40 siêu đô thị có dân số trên 10 triệu người. Đây sẽ là nơi sinh sống của 8% dân số đô thị toàn cầu, trong khi phần lớn còn lại sẽ sống ở các thành phố vừa và nhỏ.

4- Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, phân mảnh ngày càng rõ nét hơn. Tăng trưởng kinh tế thế giới dự báo chậm lại, nhất là ở Trung Quốc, Hoa Kỳ và cả châu Âu. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu bình quân sẽ vào khoảng 3%/năm đến 2030, trong đó các nền kinh tế đang phát triển với tốc độ tăng từ 3,1% hiện nay lên 3,6%; các nền kinh tế phát triển thấp hơn nhiều như châu Âu chỉ 1,4%/năm. Theo IMF, đến năm 2030 Trung Quốc sẽ trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới, vượt qua Hoa Kỳ, châu Âu là nền kinh tế lớn thứ ba. Tuy nhiên, GDP lại phản ánh sự khác biệt vẫn còn rất lớn: Trung Quốc sẽ tăng từ 10.000 USD hiện tại lên 14.000 USD vào năm 2030, thì GDP bình quân đầu người ở châu Âu tăng từ 37.800 USD lên khoảng 50.950 USD; nợ công vẫn ở mức cao, các quy định tài chính chưa hoàn thiện, căng thẳng thương mại toàn cầu tiếp tục gây bất ổn cho các nền kinh tế thế giới.

Sự phân mảnh trong không gian kinh tế thế giới đến năm 2030. Cạnh tranh chiến lược về địa kinh tế, địa chính trị giữa các nước lớn và các nước đồng minh diễn biến phức tạp, ngày càng gay gắt hơn khiến không gian kinh tế toàn cầu phân tách theo khu vực lấy các nền kinh tế lớn làm trung tâm như: Ấn Độ Dương với vai trò của Ấn Độ; Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của Mỹ với chiến lược "Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương"; Liên khu vực Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương của Trung Quốc; Đại Tây Dương của Liên minh châu Âu và Mỹ. Ngoài ra, xung đột cục bộ tiếp tục làm gia tăng bất bình đẳng giữa các quốc gia hoặc nhóm quốc gia, thúc đẩy khuynh hướng chia rẽ, hướng nội gây nhiều trở ngại cho xu hướng liên kết và phát triển chung. Xung đột Nga – Ukraine diễn biến kéo dài tác động sâu rộng, đa chiều với những hệ lụy tới nền kinh tế thế giới đang lao đao và suy thoái kinh tế.

5- Năng lượng thiếu hụt nghiêm trọng, tiêu thụ năng lượng tăng cao, thế giới chuyển dịch sang sử dụng năng lượng tái tạo và thúc đẩy xanh hóa sản xuất. Theo Tổ chức năng lượng thế giới (IEA), tiêu thụ năng lượng trên toàn cầu duy trì tăng 1,7%/năm, đặc biệt tăng mạnh ở Ấn Độ và Trung Quốc. Do đó, giá dầu, khí và than sẽ liên tục duy

Hình 1. Tiêu thụ năng lượng của các khu vực trên thế giới

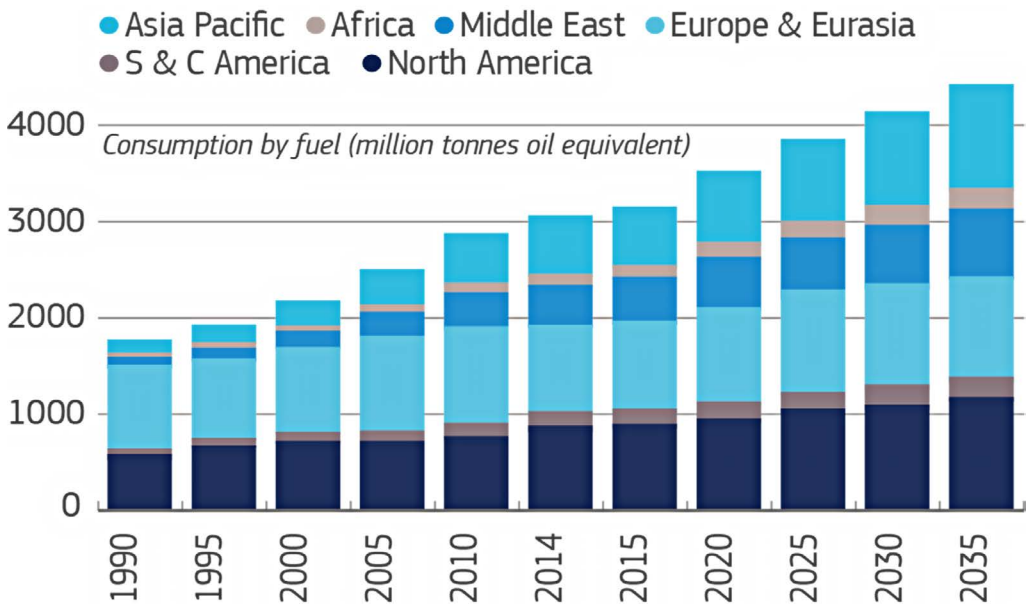

Nguồn: BP Energy Outlook 2021

trì ở mức cao, nhưng không đột biến trong giai đoạn đến năm 2030 như đã từng xảy ra trong giai đoạn 2020-2021. Tuy nhiên, nhu cầu dầu toàn cầu dự kiến sẽ giảm tốc vào khoảng sau năm 2040, nhưng dầu, than và khí đốt vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu năng lượng của thế giới, chủ yếu là do hiện nay các nguồn năng lượng tái tạo không đủ đáp ứng nhu cầu toàn cầu.

Xanh hóa sản xuất cũng được xác định là một trong những trọng tâm trong chương trình, kế hoạch của nhiều quốc gia và ngày càng được nhiều quốc gia chú trọng thực hiện, tiêu biểu là trong khung khổ Liên minh tài chính Glasgow hướng tới phát thải ròng bằng 0, đã có hơn 160 công ty với tổng tài sản lên tới 70 nghìn tỷ đô la đã cam kết trung hòa các-bon. Xanh hóa sản xuất giúp tạo ra những thị trường và ngành công nghiệp hoàn toàn mới như điện mặt trời, điện gió, pin lithium, hydro xanh, nhiên liệu sinh học, xe điện...; qua đó vừa giúp giải quyết vấn đề việc làm, tăng trưởng kinh tế, vừa đáp ứng các mục tiêu về môi trường để thực hiện các cam kết đã đề ra.

6- Các công nghệ số phát triển nhanh bao trùm các lĩnh vực sản xuất và đời sống. Kết nối số (ảo) thúc đẩy mạnh mẽ kết nối vật lý (thực) đến năm 2030, thế giới có khoảng 90% dân số giao tiếp qua internet; 75% kết nối di động; 60% truy cập băng thông rộng. Số lượng thiết bị kết nối Internet sẽ đạt 125 tỷ thiết bị, tăng so với 27 tỷ thiết bị vào năm 2017. Theo Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA), với những ứng dụng của công nghệ số sẽ thúc đẩy lượng hành khách sẽ tăng gần gấp 2 lần, lên hơn 7 tỷ lượt/năm, chủ yếu là ở các nước châu Á. Vận chuyển hàng không tăng gấp 3 lần và việc xếp dỡ hàng hải trên toàn thế giới có thể tăng gấp 4 lần vào năm 2030. Lao động trí tuệ sáng tạo phát triển mạnh về số lượng và tầm quan trọng; xu hướng "tri thức hóa" lao động được đẩy mạnh, tiêu biểu như Hiệp định Đối tác kinh tế kỹ thuật số, một liên minh giữa New Zealand, Chile và Singapore được coi là hình mẫu cho các hiệp định thương mại kỹ thuật số trong tương lai.

7- Một thế giới đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn do tương quan lực lượng, sức mạnh của các nước lớn có sự thay đổi nhanh chóng. Sau Mỹ một số quốc gia và nền kinh tế như Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, EU, Ấn Độ nổi lên ngày càng rõ nét. Căng thẳng địa chính trị tại khu vực châu Âu - Đại Tây Dương và châu Á - Thái Bình Dương sẽ gia tăng thông qua cạnh tranh giữa

Mỹ - Nga và Mỹ - Trung Quốc. Quan hệ Nga - Trung Quốc sẽ được thắt chặt theo hướng Nga gắn với Trung Quốc. Cạnh tranh Mỹ - Trung vẫn tiếp tục căng thẳng tại nhiều khu vực, nhất là khu vực Đông Nam Á. Trong bối cảnh tương lai, vai trò của Ấn Độ (tại châu Á) khu vực Ấn Độ Dương và Thổ Nhĩ Kỳ (tại châu Âu) sẽ được Mỹ, Nga chú ý nhiều hơn để tranh thủ sự ủng hộ. Các nước BRICS (Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi) cũng có thể sẽ gia tăng quan hệ, đẩy nhanh hiện thực hóa các cam kết hợp tác. Khu vực châu Á - Thái Bình tiếp tục là khu vực cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các nước lớn. Biển Đông tiềm ẩn nguy cơ xung đột, bất ổn do một số nước đẩy mạnh thực hiện các yêu sách biển không phù hợp với luật pháp quốc tế. Xung đột Nga – Ukraine không chỉ đơn giản là cuộc xung đột có tính chất ngắn hạn bắt đầu và kết thúc với Ukraine, mà là nhân tố gây gia tăng căng thẳng giữa các nước lớn tại khu vực châu Âu - Đại Tây Dương như Nga, Mỹ, NATO; liên quan tới cả các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương, tác động đa chiều với những hệ lụy lâu dài tới tình hình an ninh, chính trị, kinh tế thế giới.

3. Dự báo những xu hướng lớn trên thế giới tác động đến quá trình CNH, HĐH của Việt Nam đến năm 2030 và những năm tiếp theo

Các xu hướng lớn nêu trên tác động đến Việt Nam trên nhiều phương diện cả mặt tích cực và tiêu cực, cụ thể như:

1- Biến đổi khí hậu tác động tiêu cực đến CNH, HĐH và nền kinh tế đất nước ngày càng nghiêm trọng. Biến đổi khí hậu tác động trực tiếp, gián tiếp đến tất cả các vùng, miền, các lĩnh vực kinh tế của Việt Nam, nhưng trong đó tài nguyên nước, sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn với 12% diện tích chịu ảnh hưởng nặng nề và vùng ven biển sẽ chịu tác động mạnh nhất. Theo Tổ chức Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), Việt Nam là 1 trong 5 nước đứng đầu thế giới dễ bị tổn thương nhất và tổn thương trực tiếp do quá trình biến đổi khí hậu. Do Việt Nam là quốc gia nông nghiệp chiếm khoảng 13,97% tổng GDP (năm 2019), có bờ biển dài 3.260 km, mức thu nhập trung bình thấp của thế giới, phần đông người nghèo sống dựa vào nông nghiệp và đánh bắt thủy sản. Theo chỉ số về mức độ tổn thương do biến đổi khí hậu (CCVI) , đánh giá mức độ tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu trong 30 năm tới thông qua 42 yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường tại 193 quốc gia, Việt Nam xếp hạng thứ 23 trong tổng số 193 quốc gia và là một trong 30 nước chịu "rủi ro rất cao. Biến đổi khí hậu tác động đến khoảng 25% dân số của Việt Nam với bão, lũ lụt tàn phá nặng nề, ngập úng kéo dài gây hư hại cơ sở hạ tầng, người dân thiếu đói, mất mùa,… rét hại trên diện rộng ở miền núi phía Bắc, mưa lũ, ngập lụt nghiêm trọng ở miền Trung, khô hạn ở Tây Nguyên và xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long ảnh hưởng lớn tới việc thực hiện CNH, HĐH trên phạm vi toàn quốc. Hậu quả là người dân dời bỏ quê hương đến sống tại các thành phố lớn ngày càng tăng. Việt Nam cũng đang phải đối mặt với vấn đề các hệ sinh thái bị tàn phá trong quá trình khai thác tài nguyên dẫn tới khan hiếm các nguồn nguyên vật liệu cho sản xuất công nghiệp.

2- Dân số tăng và già hóa dân số tạo sức ép lớn cản trở quá trình CNH, HĐH. Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Những người từ 60 tuổi trở lên chiếm 11,9% tổng dân số vào năm 2019 và đến năm 2050,

con số này sẽ tăng lên hơn 25%. Theo ước tính đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội "già hóa" sang xã hội "già". Do giảm tỷ lệ sinh làm già hóa dân số nhanh chóng tác động tiêu cực đến quá trình CNH, đặc biệt là thiếu lao động, quá trình HĐH dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn khi ngân sách nhà nước chi trả cho đối tượng người già ngày càng lớn, nhất là y tế, chăm sóc sức khỏe. Sự gia tăng nhanh chóng của dân số cao tuổi đặt gánh nặng chăm sóc lên vai các thành viên trẻ tuổi trong gia đình, gây ra trạng thái căng thẳng và mức độ căng thẳng có thể biểu hiện ở hành vi ngược đãi người cao tuổi. Xuất hiện trong xã hội những lối sống, quan niệm và tập quán mới như quan niệm về gia đình, sự riêng tư, ý thức về sự sở hữu, phương thức tiêu dùng, thời gian dành cho công việc và giải trí, cách thức con người trau dồi kỹ năng, gặp gỡ mọi người và củng cố các mối quan hệ làm trầm trọng hơn các tác động tiêu cực của CNH, HĐH.

3- Đô thị hóa diễn ra nhanh, cục bộ tăng mạnh ở một số địa phương vừa thúc đẩy CNH, HĐH vừa phát sinh nhiều vấn đề xã hội. Theo chiều thuận, đô thị hóa thúc đẩy CNH, HĐH, cải thiện đời sống người dân, chuyển dịch lao động mạnh hơn, cụ thể: *(i) Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động* giảm dần tỷ trọng giá trị nông, lâm, thủy sản trong tổng thu nhập và tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ tạo ra nhiều việc làm có thu nhập cao hơn; *(ii) Định hình và phát triển kinh tế dựa theo các nhu cầu của đô thị*, thúc đẩy phát triển các hoạt động dịch vụ mới, phi nông nghiệp, đem lại sự thay đổi về mức sống của người dân; *(iii) Hình thành những khu công nghiệp, khu chế xuất các trung tâm dịch vụ, các khu đô thị mới* trên địa bàn nông thôn làm nâng giá trị sử dụng của đất đai, tạo những ngành nghề và việc làm mới, nâng cao giá trị lao động, tạo môi trường ứng dụng rộng rãi khoa học, công nghệ. Đô thị hóa tạo ra sự thay đổi mạnh trong sử dụng đất sang xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư đô thị.

Theo chiều ngược lại, đô thị hóa cùng với CNH, HĐH làm phát sinh nhiều vấn đề xã hội như (i) Làm biến đổi lối sống từ nông thôn sang đô thị, từ nông dân sang dân thành thị làm thay đổi các chuẩn mực văn hóa dẫn đến sự thay đổi hành vi và cách ứng xử của mỗi cư dân ven đô trong đời sống gia đình và xã hội; (ii) Thay đổi các mối quan hệ họ hàng, cộng đồng làng xã mà là các mối quan hệ xã hội đa chiều, phức tạp do sự pha trộn nhiều tầng lớp dân cư và sự chuyển đổi các mô hình tổ chức; (iii) Thay đổi trong sự phân công lao động, đặc biệt là phân công lao động về giới, vai trò của phụ nữ trong các hoạt động sinh kế cũ giảm đi, tăng sự tham gia trong các thành phần kinh tế không chính thức; (iv) Dòng nhập cư đến các vùng đô thị, ven đô và sự thu hẹp đất đai canh tác đã khiến cho việc làm trở thành một vấn đề bức xúc hiện nay của các phường, xã ven đô; (v) Sự gia tăng dân số cơ học, các gia đình có nhu cầu tách hộ và do phát triển phương thức kinh tế thương mại, dịch vụ, Xu hướng này xuất phát chính từ nhu cầu về nhà ở, phát triển dịch vụ, thương mại và đầu cơ bất động sản dẫn đến việc giãn dân tùy tiện thiếu sự quản lý hướng dẫn của các cấp chính quyền. Đô thị hóa cũng có những tác động tiêu cực như làm tăng khoảng cách giữa giàu và nghèo, gia tăng các vấn đề xã hội; (vi) Làm suy thoái môi trường sống của con người do sức ép tăng dân số, sự pha trộn lối sống, thiếu đầu tư cho cơ sở hạ tầng, quản lý xây dựng không tốt.

4- Kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại, phân hóa giàu nghèo mạnh hơn làm giảm tốc quá trình CNH, HĐH. Kinh tế Việt Nam tăng trưởng theo chiều hướng chậm lại tác động tiêu cực đến CNH, HĐH có thể dẫn tới mức tiêu thụ năng lượng tăng cao nhưng hiệu quả kinh tế mang lại thấp; dân số tăng nhưng năng suất lao động, chất lượng lao động thấp; dân số già hóa nhanh nhưng thu nhập bình quân đầu người tăng chậm; đầu tư cho KH&CN tăng nhưng năng suất, chất lượng sản phẩm tăng chậm được cải thiện,… những yếu tố này đều kìm hãm, tiêu hao lớn các nguồn lực quốc gia vào CNH, HĐH.

Phân hóa giàu nghèo mạnh hơn: i) Kinh tế số phát triển nhanh có thể làm gia tăng nhanh bất bình đẳng về thu nhập do lợi nhuận từ kỹ năng cao và quá trình số hóa, tự động hóa tăng mạnh, ngược lại, lợi nhuận của

kỹ năng giản đơn bị thay thế và giảm mạnh. ii) Số hóa dẫn tới phân hóa lao động rõ rệt có thể khiến cho sự phân hóa giàu nghèo ngày càng gia tăng khi máy móc và trí tuệ nhân tạo thay thế cho sức người và tạo áp lực lớn lên thị trường lao động. Việt Nam sẽ đối mặt với tình trạng dư thừa lao động có kỹ năng trung bình và thấp dẫn tới quá trình CNH, HĐH có thể kéo dài, khó đạt được mục tiêu trở thành nước thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2045.

5- Năng lượng khủng hoảng thiếu, giá năng lượng duy trì ở mức cao, chuyển dịch năng lượng và xanh hóa công nghiệp tạo áp lực lớn đối với CNH, HĐH. Nhu cầu thay thế các loại nhiên liệu truyền thống từ xăng, dầu, than đá, khí đốt (gas) sang dùng điện là rất lớn. Về mặt tích cực thì việc giảm các nguồn nhiên liệu truyền thống này sẽ giúp giảm phát thải ra môi trường, song lại tạo ra áp lực nâng cấp hệ thống hạ tầng (lưới truyền tải, phân phối và điều độ) lên ngành điện ngày càng tăng cao. Nếu không có sự phát triển đồng bộ các nguồn điện sạch gắn với sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, Việt Nam sẽ rơi vào trạng thái khủng hoảng an ninh năng lượng nghiêm trọng trong tương lai gần, tác động trực tiếp đến CNH, HĐH. Các công nghệ hiện đại đều hoạt động trong môi trường sử dụng điện và tiêu thụ điện năng cao. Đồng thời, các cá nhân tăng mạnh sử dụng các thiết bị điện tử tiêu xài nhiều năng lượng, chủ yếu là điện. Do

đó, Việt Nam có thể gia tăng sử dụng nguồn nhiên liệu hóa thạch, đồng thời cũng phát triển các nguồn năng lượng thay thế, nhất là năng lượng tái tạo. Giá năng lượng duy trì ở mức cao trong giai đoạn đến năm 2030 và những năm tiếp theo sẽ tác động tới CNH, HĐH. Các xu hướng lớn như biến đổi khí hậu, đô thị hóa,… đều thể hiện những nguy cơ khủng hoảng thiếu năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính (sản xuất năng lượng phát thải khí nhà kính lớn nhất),… .

6- Công nghệ số hiện đại thúc đẩy CNH, HĐH với sự phát triển nhanh, lan tỏa mạnh hơn tới tất cả các ngành, lĩnh vực sản xuất và đời sống. Công nghệ số có những tác động tích cực và tiêu cực, trong đó tác động tích cực là chủ yếu.

Về mặt tích cực. Cùng với thế giới, tại Việt Nam các hoạt động số, dữ liệu trở thành nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, rô-bốt hóa và thuật toán thay thế vốn đầu tư cho sản xuất. Số hóa tác động thúc đẩy sự tham gia sâu hơn vào cấu trúc chuỗi giá trị mà Việt Nam tham gia, thay đổi theo hướng kết hợp vào các khâu trong mạng lưới sản xuất hình thành các khu công nghiệp tập trung tự cung ứng các khâu từ nguyên vật liệu đến tận thành phẩm, rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường; xuất hiện thêm một số ngành nghề, mô hình kinh tế mới như vật thể bay, y tế từ xa, thực tại ảo, công nghệ tài chính (fintech)… Công nghệ số mở ra hoạt động kinh tế số gắn các ngành công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp,… tạo mối liên kết đa ngành, xuyên ngành, ranh giới giữa các ngành công nghiệp với ngành phi công nghiệp dần trở lên khó phân biệt; thúc đẩy dịch chuyển lao động sang kỹ năng và chuyên môn hóa cao, đưa sản xuất về gần với khách hàng; thúc đẩy quá trình cá nhân hóa, cá biệt hóa và sự xuất hiện các hình thái cộng đồng mới được định hình bằng những dự án và giá trị hoặc lợi ích cá nhân.

Về mặt tiêu cực. Công nghệ số thay đổi nhanh, yêu cầu đầu tư lớn, vòng đời ngắn dẫn tới tiêu hao nhiều nguồn lực đầu

tư; đồng thời nguy cơ tụt hậu, bị bỏ lại phía sau trong nhiều ngành, lĩnh vực ngày càng rõ rệt. Chi phí cao, thiệt hại lớn đối với những rủi ro mất an toàn, an ninh mạng, nhất là tội phạm công nghệ cao ngày càng nguy hiểm. Ý thức về riêng tư cao dẫn tới sự biệt lập với xã hội, sống ảo tăng lên. Các quan niệm về gia đình, sở hữu, tập quán sinh hoạt, tiêu dùng, sức khỏe, riêng tư… đang bị các công nghệ hiện đại làm biến dạng và dễ bị tổn thương hơn, từ đó làm thay đổi thái độ, hành vi của con người, nhất là của giới trẻ.

7- Một thế giới đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn, sức mạnh của các nước lớn có sự thay đổi nhanh chóng tác động đa chiều tới CNH, HĐH đất nước. Một thế giới đa cực, đa trung tâm dẫn đến quy mô, tính chất các xung đột chính trị, xung đột kinh tế; ranh giới giữa chiến tranh và hòa bình, người lính và dân thường đang bị nhạt nhòa, trở thành không giới hạn. Các thách thức an ninh phi truyền thống, ảnh hưởng lớn đến nguồn lực chi phối, tác động lớn đến CNH, HĐH của Việt Nam dưới nhiều phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh vừa tạo ra nhiều thời cơ, thuận lợi mới, vừa mang đến những khó khăn, thách thức lớn đối với tiến trình CNH, HĐH nước ta.

4. Đề xuất một số nhiệm vụ trong thực hiện CNH, HĐH trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Bài viết đã chỉ ra 7 xu hướng lớn đang diễn ra trên thế giới có tác động trực tiếp hoặc gián tiến đến quá trình CNH, HĐH của Việt Nam đến năm 2030 và đến năm 2045. Các xu hướng này cũng đang đặt ra yêu cầu lớn đối với quá trình CNH, HĐH trong giai đoạn hiện nay, đồng thời gợi mở một số nhiệm vụ thiết yếu trước mắt và lâu dài, cụ thể gồm: Chủ động tích cực nỗ lực chuẩn bị ứng phó, chống biến đổi khí hậu; Chuẩn bị từ sớm, giảm thiểu áp lực do dân số tăng và già hóa dân số; Thực hiện đô thị hóa và phát triển đô thị hiệu quả, hài hòa, phù hợp với phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa quốc gia; Nỗ lực nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam; Chủ động đảm bảo đủ năng lượng cho phát triển đất nước, xây dựng lộ trình và thực hiện phát triển công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh; kiên trì đầu tư cho chuyển dịch năng lượng theo hướng xanh, sạch, tiết kiệm và hiệu quả; Thúc đẩy mạnh hơn phát triển kinh tế số, xã hội số để thực sự trở thành động lực mới cho CNH, HĐH và phát triển đất nước; Củng cố vị thế địa chính trị của Việt Nam để vượt lên, vươn ra toàn cầu.

Bên cạnh đó, quá trình CNH, HĐH trong giai đoạn đến năm 2030 và những năm tiếp theo cần chú trọng các yếu tố nâng cao năng lực tự chủ quốc gia vì một Việt Nam "hùng cường" như củng cố và nâng cao vị thế, giữ vững địa chính trị đất nước trên cơ sở đảm bảo an toàn trên không gian mạng, không gian biển, không gian hội nhập, liên kết; Đảm bảo an toàn và an ninh số trước những nguy cơ ngày càng lớn, khắc phục thiếu hệ thống pháp luật bảo vệ, thiếu các cơ chế quản trị toàn cầu và các quy tắc, quy chuẩn ứng xử được chấp nhận rộng rãi trong không gian số và trong cuộc sống ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. IATA (2021), Digital & Data Think Tank, White Paper 2021.
2. IEA (2021), The IEA's Global Energy Review 2021 "Global carbon dioxide emissions are set for their second-biggest increase in history".
3. PWC (2016), Five Megatrends And Their Implications for Global Defense & Security.
4. The National Intelligence Council of American (2012), Global Trends 2030: Alternative Worlds.
5. The Intergovernmental Panel on Climate Change (2020), What are the effects of global warming?
6. United Nations (2017), Report "World Population Ageing", Department of Economic and Social Affairs Population Division, United Nation, New York.
7. World Bank Group (2020), Revised Estimates of the Impact of Climate Change on Extreme Poverty by 2030.

PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO: BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ MỸ

● NGUYỄN HỒNG QUANG(*) ● TRẦN HUYỀN TRANG(**)

Năng lượng tái tạo có ý nghĩa đột phá chiến lược giúp các quốc gia trên thế giới đạt được mục tiêu tăng trưởng bền vững và bảo vệ môi trường. Nhận thấy rõ vai trò quan trọng của năng lượng tái tạo, bên cạnh bảo đảm an ninh năng lượng thông qua các nguồn năng lượng truyền thống, các Chính quyền Mỹ thời gian qua đã chú trọng hơn việc xây dựng và triển khai chính sách phát triển năng lượng tái tạo. Để góp phần tìm hiểu những giá trị tham khảo cho Việt Nam, bài viết sẽ khái quát hóa thực trạng phát triển năng lượng tái tạo ở Mỹ và các điểm chính trong chính sách năng lượng tái tạo của Chính quyền Mỹ hiện nay.

1. Thực trạng phát triển ngành năng lượng tái tạo ở Mỹ

Năng lượng tái tạo không phải một ngành mới tại Mỹ. Rút ra bài học từ sự phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch sau khủng hoảng dầu mỏ thập niên 1970, Mỹ đã tăng cường đầu tư

(*) Tiến sỹ, Phó Vụ trưởng Vụ Châu Mỹ, Bộ Ngoại giao
(**) Tiến sỹ, Vụ Châu Mỹ, Bộ Ngoại dao

vào năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện gió và điện mặt trời, phát triển một số công nghệ nền tảng dù chưa đưa vào khai thác thương mại đại trà. Sang đến thế kỷ 21, khi vấn đề biến đổi khí hậu ngày càng được quan tâm và được đưa vào cương lĩnh tranh cử của đảng Dân chủ, năng lượng tái tạo đã có những bước tiến đáng kể trong thị trường năng lượng Mỹ.

Trong giai đoạn 2000 - 2021, năng lượng tái tạo Mỹ từng bước đóng góp tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng thể cơ cấu toàn ngành năng lượng Mỹ. Về sản lượng khai thác, năng lượng tái tạo có tốc độ tăng đứng thứ hai sau dầu mỏ, với tỷ trọng đóng góp vào tổng sản lượng năng lượng tăng từ 8,5% lên 11,46%[(1)]. Về định mức tiêu thụ, năng lượng tái tạo chủ yếu được sử dụng để sản xuất điện với tỷ trọng tăng gấp đôi và tốc độ tăng nhanh nhất trong các loại năng lượng, từ chiếm 6,2% lên 11,3% tổng lượng năng lượng tiêu thụ tại Mỹ. Trong đó, tỷ trọng các loại hình năng lượng đóng góp vào cơ cấu năng lượng tái tạo gồm nhiên liệu sinh khối (biomass) chiếm 40%, điện gió 27%, thủy điện 19%, điện mặt trời 12%, địa nhiệt điện 2%. Riêng trong lĩnh vực sản xuất điện, sản lượng năng lượng điện từ các nguồn tái tạo năm 2021 đạt kỷ lục với 826 tỷ kwh được đưa vào khai thác, chiếm 20% tổng cấu phần nguồn năng lượng Mỹ.

Mặc dù vậy, năng lượng tái tạo nhìn chung vẫn là một ngành "sinh sau đẻ muộn" tại Mỹ, yếu thế so với đối thủ cạnh tranh trực tiếp là ngành dầu khí - vốn là một trong những nhóm lợi ích lâu đời và có tác động lớn nhất tới chính trị Mỹ. Hiện nay, Mỹ vẫn là quốc gia tiêu thụ và sản xuất dầu khí lớn nhất thế giới. Biến đổi khí hậu tuy được quan tâm hơn, song vẫn là vấn đề gây tranh cãi tại Mỹ, ngay cả trong giới khoa học.

2. Chính sách phát triển năng lượng tái tạo của Mỹ dưới Chính quyền Tổng thống Joe Biden

Việc đảng Dân chủ đắc cử, nắm quyền điều hành cả Chính phủ và Quốc hội Mỹ sau bầu cử 2020 là một tín hiệu tích cực, một cú hích cần thiết với ngành năng lượng tái tạo Mỹ. Cá nhân Tổng thống Joe Biden và đặc biệt là Đặc phái viên Tổng thống về biến đổi khí hậu John Kerry là những "tín đồ" lâu năm trong vấn đề chống biến đổi khí hậu, cùng với cựu Phó Tổng thống Al Gore được mệnh danh là "bộ ba chống biến đổi khí hậu" của đảng Dân chủ trong nhiều thập kỷ. Cùng với sự hậu thuẫn của nhóm cấp tiến (progressive) đang có tầm ảnh hưởng ngày càng lớn trong đảng Dân chủ và các hãng truyền thông tự do (NY Times, Washington Post, CNN…), Chính quyền Biden muốn tạo ra một cuộc "cách mạng" năng lượng tái tạo tại Mỹ và trên thế giới.

Ngay từ ngày đầu nhậm chức, Chính quyền Biden đã đặt mục tiêu chống biến đổi khí hậu là một trong những ưu tiên cao nhất, đưa Mỹ tham gia trở lại Hiệp định COP21, khẩn trương ban hành các sắc lệnh hành pháp và thúc đẩy Quốc hội Mỹ thông qua các dự luật về chống biến đổi khí hậu. xây dựng chính sách và triển khai nhất quán, đồng bộ với lộ trình và nguồn lực cụ thể, thể hiện quyết tâm chính trị cao nhằm hiện thực hóa mục tiêu chuyển đổi sang năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính và ứng phó biến đổi khí hậu trong nước, trở thành hình mẫu và đóng vai trò dẫn dắt các nỗ lực quốc tế trong vấn đề này. Cụ thể:

Trong lĩnh vực sản xuất và sử dụng điện, Chính quyền Mỹ đặt mục tiêu nâng tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo, tập trung vào hai nhóm chính là năng lượng mặt trời và năng lượng gió[(2)]; thúc đẩy Sáng kiến "Xây dựng mạng lưới điện tốt hơn" nhằm hiện đại hóa mạng lưới điện lâu năm và nâng khả năng truyền tải điện tới vùng sâu vùng xa; rà soát, cấp phép và cho thuê ưu đãi các dự án phát triển, khai thác năng lượng tái tạo sử dụng đất liên bang (giảm

(1) Giai đoạn 2000 - 2019, sản lượng năng lượng Mỹ tăng 42%, trong đó dầu tăng 106%, năng lượng tái tạo tăng 91%, khí tự nhiên tăng 87%.

(2) Cụ thể, năm 2035 công suất điện mặt trời đóng góp 37 - 42% lượng điện cần thiết, điện gió 36%, điện hạt nhân 11 - 13%, thủy điện 5 - 6%; năm 2050, công suất điện mặt trời đóng góp 44 - 45%, điện gió 40 - 44%, điện hạt nhân 4 - 5%, thủy điện 3 - 5%.

50% giá thuê và chi phí liên quan).

Chính quyền Biden đặc biệt quan tâm phát triển công nghệ thế hệ mới trong khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo. Với năng lượng mặt trời, Chính quyền Mỹ tập trung phát triển công nghệ quang năng theo hướng nâng cao hiệu suất chuyển đổi năng lượng của tấm pin mặt trời. Nhờ đó, dù chưa được đưa vào khai thác thương mại song Mỹ hiện là nước nắm giữ công nghệ hiện đại nhất với hiệu suất đạt 47,1%[3], các công nghệ đang được sử dụng rộng rãi trên thế giới hiện chỉ có hiệu suất khoảng 20 - 22%. Với năng lượng gió, Mỹ tập trung phát triển công nghệ mới cho hệ thống tua-bin tại dự án trên bờ và mạng lưới ống dẫn tại các dự án ngoài khơi. Với năng lượng hạt nhân, tháng 12/2022, Mỹ đã đạt được bước đột phá trong thí nghiệm sản xuất năng lượng nhiệt hạch, giúp mở ra triển vọng phát triển nguồn năng lượng sạch gần như vô hạn này để thay thế nhiên liệu hóa thạch hoặc nhà máy điện nguyên tử thông thường trong một vài thập kỷ tới.

Bên cạnh đó, Chính quyền Biden có các chương trình hỗ trợ ngành năng lượng tái tạo như củng cố chuỗi cung ứng và sản xuất tấm pin mặt trời nội địa thông qua việc kích hoạt Luật Sản xuất quốc phòng để tăng sản lượng tấm pin mặt trời; giảm chi phí lắp đặt và khuyến khích lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại các hộ gia đình; đầu tư 24,6 tỷ USD mở rộng địa bàn lắp đặt dự án điện gió trên bờ tại 25 bang (nổi bật có Texas, Iowa, Oklahoma, Kansas, California) và các dự án điện gió ngoài khơi khu vực bờ Đông (Massachussetts, New York, Bắc Carolina, Virginia); đầu tư 6 tỷ USD khắc phục tình trạng cũ, hư hỏng, cải thiện hệ thống an toàn cho các nhà máy điện hạt nhân, nhằm duy trì mạng lưới 92 lò phản ứng hạt nhân tại Mỹ.

Trong lĩnh vực giao thông, Chính quyền Biden đặt mục tiêu dẫn đầu thế giới về phát triển và sử dụng xe điện, chiếm 40 - 50% thị phần tại Mỹ vào năm 2030. Trước mắt, Chính quyền Mỹ thúc đẩy sử dụng xe điện trong lĩnh vực công như đầu tư 66 tỷ USD mở rộng mạng lưới phương tiện công

(3) Do Phòng nghiên cứu năng lượng tái tạo quốc gia phát triển năm 2019.

cộng sử dụng năng lượng tái tạo; đầu tư 7,5 tỷ USD phát triển hạ tầng mạng lưới trạm sạc xe điện quốc gia với hơn 500.000 điểm trạm vào 2030; khuyến khích giảm chi phí sản xuất và giá thành với mục tiêu cụ thể giảm 50% giá xe điện, giảm 85% giá pin xe điện vào năm 2030; Cải thiện công nghệ pin xe điện, giảm thời gian sạc điện, tăng thời gian sử dụng mỗi lần sạc và tuổi thọ pin; củng cố chuỗi cung sản xuất pin xe điện nội địa như đầu tư 7 tỷ USD từ Luật cơ sở hạ tầng để sản xuất và tái chế vật liệu trọng yếu trong sản xuất pin xe điện nội địa…

Chính quyền Mỹ cũng chú trọng thúc đẩy vai trò của khu vực tư nhân vào quá trình chuyển đổi sang năng lượng tái tạo thông qua thu hút và thúc đẩy các ngân hàng, định chế tài chính, tập đoàn đầu tư lớn cam kết nguồn lực tài chính cho lĩnh vực năng lượng sáng tạo; khuyến khích các trường đại học, trung tâm nghiên cứu, công ty công nghệ đẩy mạnh nghiên cứu phát triển theo hướng nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng, sáng chế công nghệ mới; kêu gọi các doanh nghiệp, tập đoàn chuyển đổi sử dụng năng lượng tái tạo trong vận hành hệ thống trụ sở làm việc, nhà xưởng, trung tâm thương mại, giao thông vận tải, nâng lương cho lao động làm việc trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Đồng thời, Chính quyền Mỹ điều chỉnh chính sách liên quan khai thác và sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Về khai thác dầu và khí đốt, Chính quyền Biden gia tăng kiểm soát, giới hạn khai thác dầu khí tại Mỹ ở giai đoạn đầu nhiệm kỳ[4], song trong bối cảnh tình hình thị trường năng lượng có nhiều biến động từ cuối năm 2021[5], Chính quyền Biden đã điều chỉnh theo hướng nới dần hạn chế như rút dầu từ kho dự trữ chiến lược bổ sung cho thị trường, kêu gọi doanh nghiệp Mỹ tăng công suất khai thác và lọc dầu, nối lại cấp phép thuê đất liên bang phục vụ khai thác dầu khí cũng như công bố kế hoạch 5 năm 2023-2028 dự kiến cấp phép thuê 11 lô ngoài khơi Alaska và Vịnh Mexico (dù tăng 50% phí thuê và giảm 80% diện tích cho phép khai thác). Về khai thác than, Chính quyền Biden điều chỉnh theo hướng mềm mỏng hơn, dù tiếp tục cho thuê đất liên bang phục vụ khai thác than, song công bố kế hoạch trị giá 19,5 triệu USD hỗ trợ lao động làm việc trong ngành sản xuất than chuyển đổi nghề nghiệp sang các ngành sản xuất nguyên liệu thiết yếu trong chế tạo xe điện.

Trong hợp tác quốc tế, Chính quyền Biden đưa vấn đề trở thành trọng tâm trong chính sách đối ngoại cả ở kênh đa phương và song phương. Tại các diễn đàn đa phương, Chính quyền Biden thúc đẩy xây dựng hệ thống nguyên tắc, tiêu chuẩn quốc tế mới trong phát triển hạ tầng năng lượng, phi các-bon hóa, đưa ra cam kết mạnh cắt giảm 50 - 52% lượng khí phát thải nhà kính vào năm 2030 tại COP-26; xác định "Hạ tầng, năng lượng sạch, phi các-bon" là một trong 4 trụ cột của Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPEF); thúc đẩy hợp tác năng lượng sạch, chống biến đổi khí hậu thông qua quan hệ đối tác năng lượng Nhật - Mỹ - Mê Công (JUMPP), Chương trình Năng lượng thông minh Đông Nam Á của Cơ quan hợp tác phát triển Mỹ (USAID)… Trong quan hệ song phương, Chính quyền Biden ưu tiên đẩy mạnh nâng cao năng lực chuyển đổi sang năng lượng tái tạo và củng cố chuỗi cung sản xuất năng lượng tái tạo cho các nước đồng minh, đối tác thông qua các dự án do Ngân hàng xuất - nhập khẩu Mỹ (EXIM) và Cơ quan tài chính phát triển quốc tế Mỹ (IDFC) tài trợ.

Bên cạnh đó, để giảm áp lực đối với mục tiêu nâng sản lượng điện mặt trời trong bối cảnh Mỹ còn phụ thuộc vào nguồn cung tấm pin mặt trời bên ngoài, Chính quyền Biden đã quyết định miễn thuế 24 tháng với tấm pin năng lượng mặt trời từ Campuchia,

(4) Quyết định dừng cho thuê lãnh thổ liên bang phục vụ khoan dò, khai thác dầu khí, cấm khai thác bằng công nghệ bẻ gãy thủy lực trên lãnh thổ liên bang, hủy cấp phép đường ống dẫn dầu Keystone XL từ Canada.

(5) Do nguồn cung dầu giảm trong khi nhu cầu tăng do mở cửa kinh tế hậu dịch bệnh, ảnh hưởng từ những biến động trên thị trường năng lượng toàn cầu sau khi xung đột Nga - Ukraine bùng phát (tháng 2/2022).

Malaysia, Thái Lan và Việt Nam. Trong sản xuất xe điện, Chính quyền Biden khuyến khích các hãng xe Mỹ hợp tác với đối tác nước ngoài phát triển và sản xuất pin xe điện tại Mỹ, nổi bật là với các hãng xe Hàn Quốc và Nhật Bản. Với Hàn Quốc, GM và LG xây dựng nhà máy sản xuất pin trị giá 2,3 tỷ USD ở Ohio; Ford và SK Innovation xây dựng 3 nhà máy sản xuất pin trị giá 11 tỷ USD tại Tennessee và Kentucky. Với Nhật Bản, Panasonic xây nhà máy sản xuất pin trị giá 2 tỷ USD tại Kentucky và 4 tỷ USD tại Kansas.

3. Triển vọng ngành năng lượng tái tạo Mỹ thời gian tới

Các bước đột phá của Mỹ về công nghệ mới trong phát triển pin năng lượng mặt trời, tua-bin điện gió, pin xe điện… hứa hẹn tiềm năng tạo ra một cuộc cách mạng xanh, bắt đầu một kỷ nguyên không còn lệ thuộc và nhiên liệu hóa thạch. Thời gian qua, Mỹ đã thu hút được hơn 100 tỷ USD nguồn vốn tư nhân cam kết phát triển xe điện tại Mỹ, hai hãng xe General Motors và Tesla đang nắm giữ công nghệ pin xe điện với chi phí sản xuất thấp nhất trên thị trường... Năm 2021, doanh số bán xe điện tại Mỹ đạt kỷ lục với khoảng 607,6 nghìn xe được bán ra (tăng 83% so với năm 2018), trong đó 3 mẫu xe điện dẫn đầu doanh số tại thị trường Mỹ đều của công ty Tesla (Model 3, S và X). Trên thị trường thế giới, Tesla cũng là hãng xe đang dẫn đầu về doanh số bán xe điện (tiếp sau là Volkswagen của Đức và BYD của Trung Quốc) nhờ trang bị pin sử dụng công nghệ hiện đại với tầm hoạt động lâu cho mỗi lần sạc.

Mỹ hiện là quốc gia đi đầu trong nghiên cứu và phát triển công nghệ, nổi bật là tấm pin năng lượng mặt trời thế hệ mới, mái ngói năng lượng mặt trời và pin xe điện. Các chương trình hỗ trợ, khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo của Chính quyền có lộ trình và nguồn lực cam kết đã được luật hóa nên bảo đảm được tính ổn định và lâu dài. Quan hệ hợp tác công - tư được định hướng và triển khai phù hợp, có tính khả thi, nhận được sự đồng thuận và ủng hộ của khu vực tư nhân. Trong hợp tác quốc tế, các sáng kiến và giải pháp do Mỹ đề xuất nhận được sự hưởng ứng của không chỉ các nước đồng minh, đối tác mà

cả các nước đối thủ cạnh tranh trong bối cảnh chuyển đổi sang nền kinh tế thông minh, sạch hơn là xu hướng khó đảo ngược.

Tuy vậy, quá trình chuyển đổi sang năng lượng tái tạo Mỹ sẽ vẫn gặp một số lực cản khi nhu cầu nhiên liệu hóa thạch vẫn lớn, thói quen phụ thuộc thậm chí "nghiện" xăng dầu và khí đốt của người dân Mỹ khiến lượng tiêu thụ loại năng lượng này vẫn duy trì ở mức cao. Sự phản đối và sức ép từ các công ty dầu khí, khai thác than đá và một số bang vẫn còn cao, nổi bật trong đó là trường hợp Thượng nghị sỹ Dân chủ Manchin của bang West Virginia. Bên cạnh đó, việc duy trì chính sách lâu dài ưu tiên cho năng lượng tái tạo sẽ chịu lực cản nhất định trong bối cảnh đảng Cộng hòa đã chiếm lại Hạ viện, và dự kiến sẽ còn gặp khó khăn hơn nữa trong trường hợp đảng Cộng hòa nắm quyền Nhà Trắng vào năm 2024.

Nhìn chung, nỗ lực phát triển năng lượng tái tạo Mỹ có nhiều hứa hẹn trọng thời gian tới. Mỹ hoàn toàn có tiềm lực về nguồn lực và công nghệ để đạt được những bước tiến quan trọng trong chuyển đổi năng lượng, củng cố vai trò dẫn dắt lĩnh vực năng lượng tái tạo trên thế giới, đạt được mục tiêu chống biến đổi khí hậu, song sẽ phải vượt qua được các lực cản chính trị - xã hội để đảm bảo duy trì ổn định chính sách và hạn chế tối đa tác động tiêu cực từ những biến động lớn tương tự như xung đột Nga - Ukraine hiện nay.

4. Giá trị tham khảo cho Việt Nam

Trong xu hướng chuyển đổi ngày càng "sạch" và "thông minh" hơn của kinh tế thế giới hiện nay, việc các quốc gia thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo là phù hợp, cần thiết. Tuy nhiên, thực tế tại Mỹ và các nước phương Tây thời gian qua cho thấy, các nguồn năng lượng truyền thống, trong đó có dầu lửa, khí hoá lỏng vẫn đóng vai trò hết sức quan trọng đối với an ninh năng lượng và các mục tiêu tăng trưởng của mỗi quốc gia. Ngành năng lượng tái tạo dù có tiềm năng rất lớn, song độ ổn định vào thời điểm hiện tại chưa được đảm bảo, trong khi các phát minh như đột phá về nhiệt hạch nói trên, lại cần thời gian để đưa vào ứng dụng thực tế. Do đó, quá trình chuyển đổi sang năng lượng tái tạo cần được triển khai từng bước, theo lộ trình, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi quốc gia và đặc biệt là phải gắn liền với sự phát triển của công nghệ và nguồn lực. Rút kinh nghiệm từ thực trạng phát triển ngành năng lượng tái tạo Mỹ và một số quốc gia trên thế giới, Việt Nam có thể từng bước triển khai quá trình phát triển năng lượng tái tạo thông qua một số biện pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức về năng lượng tái tạo gắn với những giải pháp khả thi về công nghệ; xây dựng và triển khai các chiến dịch tuyên truyền, giáo dục để nâng cao hiểu biết của người dân, doanh nghiệp về lợi ích của năng lượng tái tạo cũng như vai trò của năng lượng tái tạo đối với mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

Thứ hai, hoàn thiện hơn nữa cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường thuận lợi hơn nữa để doanh nghiệp và người dân phát triển năng lượng tái tạo. Trong đó, cần tiếp tục khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo thông qua các biện pháp hỗ trợ về giá bán điện được sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo, có các chương trình ưu đãi về vốn vay, thời hạn vay và các nghĩa vụ thuế, phí trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Thứ ba, đẩy mạnh phát triển khoa học - công nghệ và cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trong các phân ngành năng lượng Việt Nam có lợi thế như năng lượng mặt trời, năng lượng gió trên bờ và ngoài khơi.

Thứ tư, thúc đẩy hợp tác quốc tế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, trong đó có Mỹ vào lĩnh vực năng lượng tái tạo. Nghiên cứu, xem xét thiết lập đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng với nhóm các nước công nghiệp phát triển, có trình độ khoa học - kỹ thuật chất lượng cao. Đồng thời, đẩy mạnh thu hút nguồn lực quốc tế (các nguồn tài chính công và tư, công nghệ tiên tiến, tri thức và kinh nghiệm…), tạo môi trường đầu tư, kinh doanh, khuyến khích hoạt động liên doanh, liên kết để thu hút đầu tư đối tác nước ngoài ■

TỔNG QUAN KINH TẾ THẾ GIỚI QUÝ I/2023 VÀ MỘT SỐ DỰ BÁO TIẾP THEO

● **NGUYỄN QUANG HUY(*)**

1. Nhìn lại kinh tế thế giới 3 tháng đầu năm 2023

Việc một số ngân hàng ở Mỹ bất ngờ phá sản và các vấn đề liên quan đến ngân hàng Credit Suisse của Thuỵ Sĩ đã làm tính bất ổn trên thị trường và rủi ro của ngành ngân hàng gia tăng.

Chỉ tính riêng trong tuần vừa qua, chỉ số chứng khoán Russel 2000 (các công ty vốn hóa nhỏ) giảm mạnh, cổ phiếu ngành ngân hàng Mỹ lao dốc, chỉ số chứng khoán châu Âu giảm.

Lãi suất trái phiếu chính phủ dài hạn của Mỹ và châu Âu đã giảm. Việc chuyển hướng sang các tài sản phi rủi ro khiến cho giá dầu giảm mạnh, kim loại màu rớt giá và vàng tăng. Sự bất định về thời điểm gia hạn thỏa thuận ngũ cốc làm giá lúa mì bắt đầu tăng.

Kinh tế Mỹ

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đưa ra gói 153 tỷ USD kỷ lục cho các ngân hàng thông qua kênh cho vay chiết khấu nhằm mục đích ổn định hoạt động của lĩnh vực ngân hàng. Bên cạnh đó, nền kinh tế Mỹ trong tháng 2/2023 cho thấy mức lạm phát giảm từ 6,4% trong tháng 1 xuống còn 6,0% so với cùng kỳ tháng trước, trong khi CPI trong tháng 2 tăng lên tới 0,4% (chủ yếu là do giá nhà ở tăng). Cùng với đó, số việc làm được tạo ra trong lĩnh vực phi nông nghiệp đã vượt qua sự kỳ vọng và lên tới 311 nghìn việc làm. Tổng mức bán lẻ theo giá trị hiện hành không thay đổi trong tháng 2/2023.

(*) Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế tổng hợp, Ban Kinh tế Trung ương

Hình 1: Tỷ giá hối đoái giai đoạn tháng 1/2022 - 3/2023

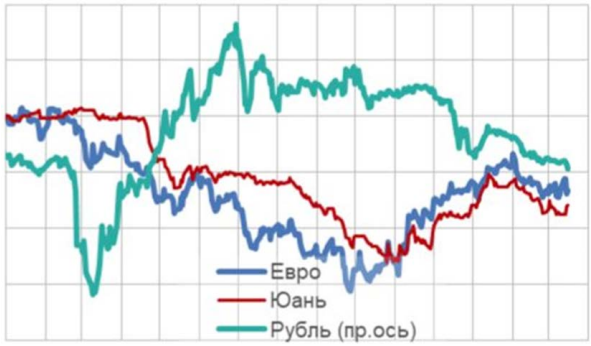

** 31/12/2021 = 100;*
*** Đường xanh tím than - đồng euro, đường đỏ - đồng nhân dân tệ, đường xanh lục - đồng rúp*
Nguồn: Cbonds

Hình 2: Chỉ số các thị trường chứng khoán giai đoạn tháng 1/2022 - tháng 3/2023

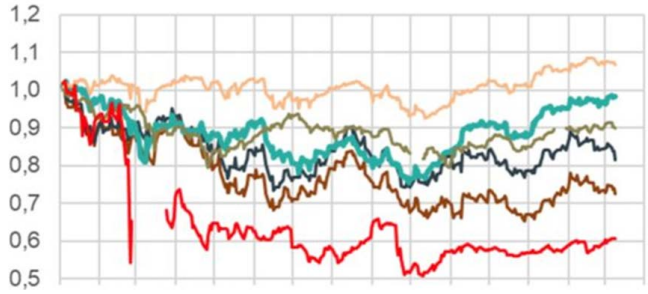

** 31/12/2021 = 100;*
*** Nasdaq, S&P500, Russel 2000 (Mỹ), DAX (Đức), FTSE 100 (Anh), Nikkei 225 (Nhật Bản), SSEC (Trung Quốc), MOEX (Nga)*
Nguồn: Cbonds.

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tuần báo cáo gần nhất đã giảm nhiều hơn kỳ vọng (xuống còn 192.000 đơn hay tương đương 20.000 đơn - mức giảm lớn nhất kể từ tháng 7 năm ngoái), chủ yếu là do số lượng đơn đăng ký giảm ở thành phố New York, nơi các nhân viên giáo dục phổ thông đã trở lại làm việc sau kỳ nghỉ.

Trong tháng 2/2023, số lượng việc làm tăng đáng kể tiếp tục diễn ra trong các ngành, như công nghiệp giải trí và khách sạn, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ chuyên nghiệp và kinh doanh. Tỷ lệ thất nghiệp tăng từ 3,4% trong tháng 1 lên mức 3,6% trong tháng 2. Tiền lương theo giờ giảm tốc từ 0,3% trong tháng 1 xuống còn 0,2% trong tháng 2 do hoạt động bán buôn, dịch vụ giáo dục và dịch vụ y tế sụt giảm.

Chỉ số CPI tăng như kỳ vọng, khoảng 0,4% với sự đóng góp nhiều nhất từ giá nhà ở. Giá dịch

Hình 3: Chỉ số các thị trường hàng hóa thế giới giai đoạn tháng 1/2022 - tháng 3/2023

** 31/12/2021 = 100;*
*** Đường màu cam - vàng, đường màu ghi - kim loại màu, đường màu xanh lá - ngũ cốc, đường màu xanh tím than - Các thị trường hàng hoá (chỉ số tổng hợp của Bloomberg).*
Nguồn: Cbonds.

Hình 4: Giá dầu mỏ và khí đốt thế giới giai đoạn tháng 1/2022 - tháng 3/2023

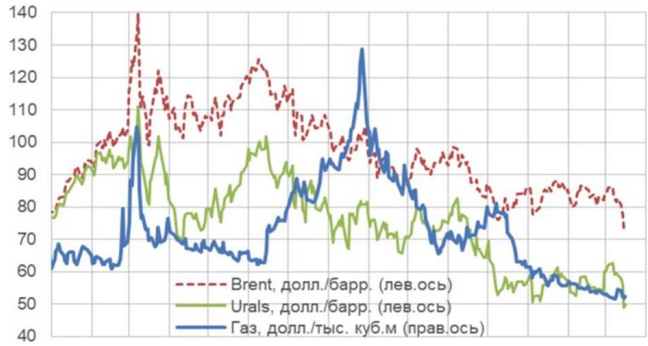

** Đường màu đỏ - dầu Brent, USD/thùng; đường màu xanh lá - dầu Urals, USD/thùng; màu xanh tím than - khí đốt, USD/nghìn m3 (trục phải).*
Nguồn: Cbonds.

Hình 5: Chỉ số giá kim loại màu thế giới giai đoạn tháng 1/2022 - tháng 3/2023

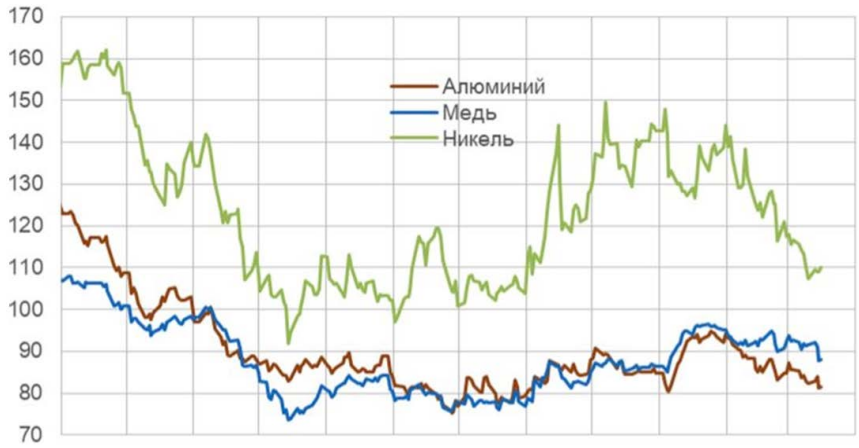

** 31/12/2021 = 100;*
*** Đường màu đỏ - nhôm, đường màu xanh tím than - đồng, đường màu xanh lá - nickel.*
Nguồn: Cbonds.

vụ nghỉ dưỡng, mua sắm quần áo, vé máy bay và bảo hiểm ôtô tác động đẩy CPI tăng. Ở chiều ngược lại, giá năng lượng (khí đốt và dầu), giá ôtô đã qua sử dụng và dịch vụ y tế tác động kéo CPI giảm xuống. Lạm phát cơ bản trong tháng 1 tăng 0,5% so với cùng kỳ tháng trước.

Doanh thu bán lẻ danh nghĩa giảm 0,4% (nhiều hơn dự kiến) sau khi có mức tăng 3,2% trong tháng 1. Doanh thu từ bán ôtô và dịch vụ ăn uống đóng góp nhiều nhất vào sự sụt giảm này, đồng thời, hoạt động thương mại trực tuyến vẫn tiếp tục đóng góp cho sự tăng trưởng chung. Doanh thu từ hoạt động bán lẻ không thay đổi về giá trị thực.

Trong bối cảnh một số ngân hàng lâm vào tình trạng phá sản, ngành ngân hàng Mỹ đã tìm đến Cục Dự trữ Liên bang để được hỗ trợ. Các khoản tín dụng thông qua kênh cho vay chiết khấu (primary credit) đã tăng mạnh lên mức kỷ lục 153 tỷ USD và vượt quá mức hỗ trợ tương tự trong cuộc khủng hoảng vào năm 2008. Thêm 12 tỷ USD nữa đã được huy động thông qua một chương trình hỗ trợ khẩn cấp

Hình 6: Doanh thu bán lẻ của kinh tế Mỹ giai đoạn tháng 1/2022 - tháng 3/2023

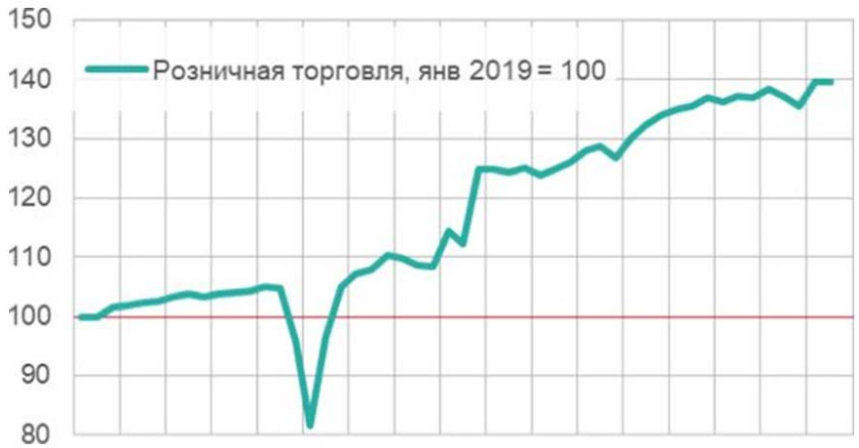

** Tháng 1/20219 = 100.*
Nguồn: Cbonds

mới. Bên cạnh đó, cung tiền tiếp tục giảm trong bối cảnh chính sách tiền tệ thắt chặt của FED. Trong bối cảnh lo ngại rủi ro từ việc các ngân hàng riêng lẻ phá sản đã dẫn đến sự sụp đổ của các cổ phiếu của ngành ngân hàng và kéo theo lãi suất trái phiếu chính phủ Mỹ cũng sụt giảm.

Kinh tế khu vực Eurozone

Bất chấp cuộc khủng hoảng của ngân hàng Credit Suisse (Thụy Sĩ), Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định tăng lãi suất cơ bản thêm 0,5 điểm phần trăm lên mức 3,5% trong bối cảnh lạm phát cao liên tục ở khu vực đồng tiền chung châu Âu. Tuy nhiên, sự leo thang của cuộc khủng hoảng trong hệ thống ngân hàng làm gia tăng thêm sự bất định trong các giải pháp tiếp theo của ECB. Theo số liệu Cơ quan thống kê châu Âu, lạm phát trong tháng 2/2023 giảm 0,1% xuống còn 8,5% so với cùng kỳ năm trước, đúng như dự báo trước đó. Trong đó, CPI của năng lượng và thực phẩm tăng kỷ lục 5,6% so với cùng kỳ năm trước (tháng 1/2023 tăng 5,3%). Đây là mức lạm phát thấp nhất kể từ tháng 5/2022,

nhưng vẫn cao hơn nhiều mức lạm phát mục tiêu 2% đề ra của ECB. Trước đó, để đưa lạm phát về quỹ đạo mục tiêu, ECB hôm 22/3/2023 đã quyết định tăng lãi suất tái cấp vốn, hạn mức cho vay ký quỹ và hạn mức tiền gửi lên thành 3,5%; 3,75% và 3,0% tương ứng cùng với tuyên bố sẵn sàng áp dụng biện pháp tăng lãi suất khi cần thiết.

Trong tháng 1/2023, sản xuất công nghiệp đã tăng vượt mức kỳ vọng (+0,7% so với tháng trước sau khi giảm 1,3% vào tháng 12/2022) nhờ hoạt động sản xuất hàng hóa trung gian tăng 1,5%. So với cùng kỳ năm trước, tốc độ tăng của sản xuất công nghiệp đạt 0,9% so với mức giảm 2,0% của tháng trước đó. Hoạt động sản xuất hàng hoá đầu tư (tư liệu sản xuất) giảm 0,2%; hàng hoá sử dụng lâu dài - giảm 0,7%; hàng hoá sử dụng ngắn hạn - giảm 2,1%; năng lượng - giảm 0,8%.

Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp cao nhất trong tháng được ghi nhận tại Ai-len (+9,3%), Thuỵ Điển (+5,0%) và Romania (+0,2%). Ở chiều ngược lại, sụt giảm mạnh nhất diễn ra tại Đan Mạch (-7,1%), Hungary (-5,0%) và Hà Lan (-4,3%).

Bảng 1: Tăng trưởng sản xuất công nghiệp khu vực Eurozone tháng 10/2022 - tháng 1/2023

	% so với cùng kỳ tháng trước	% so với cùng kỳ năm trước
Tháng 10/2022	-1,8	4,2
Tháng 11/2022	1,4	3,6
Tháng 12/2022	-1,3	-2,0
Tháng 1/2023	0,7	0,9

Nguồn: Inveb.ru

Bảng 2: Tăng trưởng GDP của kinh tế Anh tháng 11/2022 - tháng 1/2023

% so với cùng kỳ tháng trước	Tháng 11/2022	Tháng 12/2022	Tháng 1/2023
GDP	0,1	-0,5	0,3
Công nghiệp	0,1	0,3	-0,3
trong đó, gồm Công nghiệp chế biến, chế tạo	-0,5	0,0	-0,4
Xây dựng	-0,5	0,0	-1,7
Dịch vụ	0,2	-0,8	0,5
Doanh thu bán lẻ	-0,4	-1,2	0,5

Nguồn: Inveb.ru

Kinh tế Anh

Trong tháng 1/2023, GDP của Anh tăng 0,3% so với cùng kỳ tháng trước sau khi giảm 0,5% trong tháng 12/2022. Khu vực dịch vụ tăng 0,5% và đóng góp tích cực chủ yếu vào động lực tăng trưởng GDP; sản xuất công nghiệp giảm 0,3%; xây dựng giảm 1,7%.

Sản xuất sụt giảm cả trong ngành khai khoáng (- 2,2%) và công nghiệp chế biến, chế tạo (- 0,4%). Doanh thu bán lẻ tăng 0,5% so với cùng kỳ tháng trước sau khi giảm 1,2% trong tháng 12/2022, trong khi doanh thu từ bán hàng hoá vẫn thấp hơn 1,4% so với mức trước thời điểm dịch Covid bùng phát. Anh vẫn là quốc gia thuộc khối G7 duy nhất vẫn chưa phục hồi hoàn toàn sản lượng bị mất trong đại dịch Covid-19. Mặc dù, kết quả tháng 1/2023 tốt hơn nhiều so với kỳ vọng, các chuyên gia vẫn cho rằng nền kinh tế của quốc gia này đang trên đà đi xuống khi lạm phát cao, kéo thu nhập hộ gia đình và hoạt động kinh doanh sụt giảm.

Kinh tế Trung Quốc

Nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục phục hồi một cách ổn định trong 2 tháng đầu năm 2023, nhưng tính bền vững của tăng

Hình 7: Doanh thu bán lẻ của kinh tế Trung Quốc tháng 1/2018 - tháng 2/2023, % so với cùng kỳ năm trước

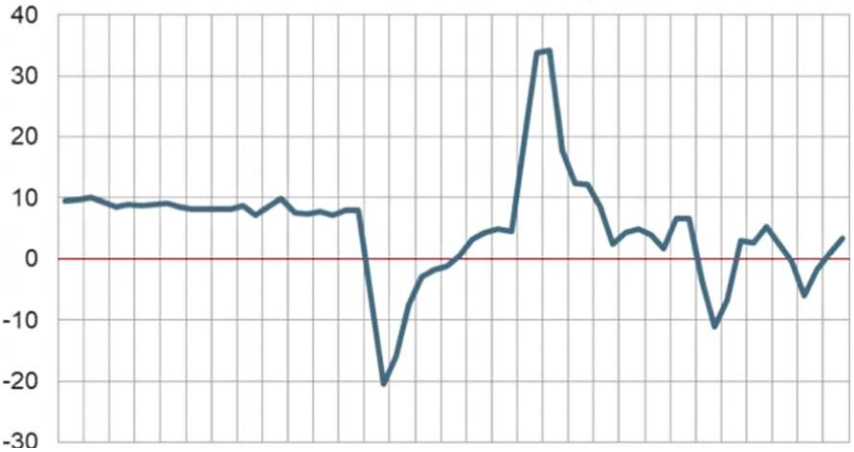

Nguồn: Inveb.ru

trưởng vẫn đang chịu áp lực từ thị trường lao động và lĩnh vực bất động sản, cùng với rủi ro suy thoái của kinh tế toàn cầu.

Trong giai đoạn này, tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp đạt mức 2,4% so với cùng kỳ, sau khi tăng 1,3% trong tháng 12/2022. Chỉ số này của ngành khai khoáng tăng 4,7%, trong ngành chế biến, chế tạo - tăng 2,1%.

Doanh thu bán lẻ tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước sau khi giảm 1,8% so với cùng kỳ hồi tháng 12/2022. Hầu hết các lĩnh vực đều duy trì tốc độ tăng trưởng, nhưng doanh thu của các mặt hàng giá trị cao như ô tô, đồ gia dụng lại sụt giảm.

Tăng trưởng đầu tư vào tài sản cố định đạt mức 5,5% so với cùng kỳ năm trước, vượt kỳ vọng. Nhờ sự hỗ trợ của Nhà nước, các khoản đầu tư cho cơ sở hạ tầng tiếp tục duy trì tốc độ tăng.

Kinh tế Nga

Chỉ số lạm phát cơ bản đang chậm lại đáng kể trong tuần thứ hai liên tiếp (tính đến thời điểm 13/3/2023 giảm xuống còn mức 7,4%) do nền lạm phát cao của năm trước và giá cả duy trì ổn định trong những tuần gần đây. Tỷ giá trên thị trường liên ngân hàng giảm xuống dưới mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Trung ương Nga. Lãi suất trái phiếu chính phủ tăng nhẹ trong tuần qua ở cả phân khúc trung và dài hạn.

2. Dự báo kinh tế thế giới những tháng cuối năm 2023

Trong tháng 2 và 3/2023 có những dấu hiệu cho thấy nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu đang giảm nhiệt. Sự cải thiện trong hoạt động sản xuất kinh doanh đến từ việc Trung Quốc từ bỏ chính sách Zero covid, động lực kinh tế tích cực ở khu vực Eurozone và Mỹ, áp lực đã giảm đối với hoạt động logistic và giá cả có khả năng vượt qua đỉnh tăng.

Tuy nhiên, 1-2 tháng khởi sắc trong hoạt động kinh doanh sau 6 tháng sụt giảm liên tiếp không đủ căn cứ để nói tới sự ổn định mang tính bền vững của nền kinh tế toàn cầu và thay đổi về xu hướng. Rủi ro suy thoái đã giảm đáng kể, nhưng vẫn còn là vấn đề đáng quan tâm. Bên cạnh đó, bất ổn trên thị trường tài chính

của các nước phát triển diễn ra gần đây vẫn có tác động rủi ro mang tính ngắn hạn đối với lạm phát. Lạm phát cao vẫn là trở ngại lớn nhất đối với việc củng cố một cách bền vững hoạt động kinh doanh trên toàn cầu. Giá cả tăng tại Mỹ và khu vực Eurozone đang có những dấu hiệu chậm lại, nhưng vẫn còn ở mức cao.

Tốc độ tăng trưởng yếu và những rủi ro suy thoái, dù đã giảm trong những tháng gần đây, cuối cùng vẫn sẽ khiến cho các ngân hàng trung ương phải hoàn tất chính sách tiền tệ thắt chặt. Nhưng ngay cả khi các chu kỳ thắt chặt dừng lại, lãi suất vẫn sẽ duy trì ở mức cao trong một thời gian (ví dụ, ở Mỹ - khoảng 5%), điều này sẽ hạn chế cầu ở các nước có nền kinh tế phát triển. Đối với các quốc gia có nền kinh tế đang phát triển, điều này có nghĩa là nhu cầu đối với hàng hóa xuất khẩu sẽ giảm.

Dự báo tăng trưởng kinh tế, lạm phát và giá dầu thế giới

Về tăng trưởng, trên cơ sở những rủi ro, bất định trong quý I/2023, một số tổ chức quốc tế trong tháng 3/2023 đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 và 2024 theo hướng nâng lên, cụ thể OECD dự báo GDP toàn cầu sẽ tăng lên 2,6% (từ mức 2,2% hồi tháng 11/2022) và lên mức 2,9% (từ 2,7%); Fitch Ratings - lên mức 2% (từ mức 1,4% hồi tháng 12/2022), nhưng lại hạ dự báo của năm 2024 từ 2,7% xuống còn 2,4% do tác động chậm trễ của việc FED và ECB nhanh chóng tăng lãi suất cơ bản.

Tăng trưởng GDP của Mỹ, theo dự báo của OECD sẽ tăng lên 1,5% năm 2023 (tháng 11/2022 là 0,5%) và Fitch Ratings - từ 0,2% lên 1%. Riêng năm 2024 sẽ giảm xuống 0,9% (tháng 11/2022 là 1%) trong bối cảnh nhu cầu trong nền kinh tế suy giảm do thắt chặt tiền tệ.

Kinh tế Eurozone dự kiến sẽ tăng trưởng 0,8% trong năm nay (Fitch Rating - 0,8%) và 1,5% trong năm tới nhờ sự giảm bớt những tác động tiêu cực từ giá năng lượng tăng.

Kinh tế Trung Quốc năm 2023 sẽ có được sự cải thiện tăng từ mức 4,6% lên khoảng 5,3% (Fitch Rating - 5,2%), cho năm 2024 - từ mức 4,1% lên 4,9%.

Đối với lạm phát, theo nhận định chung của các tổ chức quốc tế, mặc dù tốc độ tăng giá tiêu dùng nói chung chậm lại, nhưng lạm phát cơ bản vẫn tăng do giá dịch vụ tăng. Lạm phát toàn cầu có thể sẽ tiếp tục giảm dần vào năm 2023 và 2024, nhưng sẽ vẫn cao hơn mục tiêu của ngân hàng trung ương cho đến nửa cuối năm 2024 ở hầu hết các quốc gia, trong đó ở các nước G20 dự kiến sẽ giảm từ 8,1% năm 2022 xuống 5,9% năm 2023 và 4,5% năm 2024; ở các nước tiên tiến G20, ở từ mức 4,2% vào năm ngoái, sẽ giảm xuống 4% và 2,5% tương ứng.

Về giá dầu, ngân hàng Goldman Sachs của Mỹ đã điều chỉnh dự báo trước đó của mình đối với việc giá dầu tăng lên đến 100 USD/thùng trong 12 tháng tới. Theo dự báo mới, giá dầu đã giảm bất chấp nhu cầu ở Trung Quốc tăng, do áp lực lên lĩnh vực ngân hàng, cùng với đó là lo ngại về suy thoái kinh tế và sự tháo chạy của các nhà đầu tư.

Khủng hoảng xung quanh Credit Suisse đã gây ra sự hoảng loạn trên thị trường, khiến giá dầu giảm xuống mức thấp nhất trong 15 tháng. Sau khi giá giảm, nhiều khả năng việc tăng sản lượng dầu của các nước OPEC sẽ chỉ diễn ra vào quý III/2024. Giá dầu được dự báo sẽ đạt mức 94USD/thùng trong 12 tháng tới và sẽ giao dịch ở mức 97USD/thùng vào nửa cuối năm 2024 ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. https://expert.ru
2. https://neg.by
3. https://www.kommersant.ru
4. http://www.finmarket.ru
5. https://www.interfax.ru
6. https://eabr.org
7. https://inveb.ru

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN SÂU SẮC, LÂU BỀN CỦA "ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM" VÀ VAI TRÒ TUYÊN TRUYỀN CỦA BÁO CHÍ

● NGUYỄN THUÝ NGA(*)

Di sản văn hóa là nguồn tài nguyên quý giá, nguồn lực quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung, phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc nói riêng. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa là trách nhiệm của cơ quan quản lý và cả cộng đồng, trong đó có vai trò rất lớn của các cơ quan thông tấn báo chí. Sau 80 năm ra đời, "Đề cương về Văn hoá Việt Nam" với những ý nghĩa lịch sử, giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, lâu bền vẫn nguyên giá trị và cần tiếp tục được phát huy.

(*) Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin - Tuyên truyền, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

Phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần

Tại Hội thảo "80 năm Đề cương về Văn hóa Việt Nam - Khởi nguồn và động lực phát triển", đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương nhấn mạnh: cần tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về vai trò của văn hoá đối với phát triển. Phải nhìn thẳng vào thực tế là, vẫn còn nhiều lúc, nhiều nơi, văn hóa chưa được đặt thật đúng vị trí, chưa thật sự xứng tầm trong các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội. Thậm chí, từng có quan niệm lệch lạc cho rằng: Bảo tồn, phát triển văn hoá cần nguồn lực đầu tư lớn song mang lại hiệu quả kinh tế không cao. Từ quan điểm biện chứng về văn hóa của bản Đề cương cùng với những chủ trương, chính sách mới của Đảng, chúng ta nhận thức rõ hơn vai trò, sự đóng góp của các thành tựu về phát triển văn hoá; về đầu tư cho văn hoá cũng là đầu tư cho phát triển; trên cơ sở đó, xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các đề án phát triển bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và môi trường, với sự ưu tiên khi thực thi trọng trách gìn giữ, bảo tồn các di sản thiên nhiên, di sản văn hoá của đất nước.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Văn Hùng cho biết, trải qua 80 năm, trước những biến động không ngừng của bối cảnh lịch sử và yêu cầu phát triển mới liên tục xuất hiện, các luận điểm cũng như quá trình chuyển dịch từ 3 nguyên tắc dân tộc, khoa học, đại chúng của nền văn hóa cách mạng vào xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong từng giai đoạn phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước đã cho thấy giá trị và tầm ảnh hưởng lớn lao của Đề cương về Văn hóa Việt Nam với vai trò một cương lĩnh khởi nguồn cho việc xác lập và hoàn thiện tư duy lý luận về phát triển văn hóa, phát triển con người ở Việt Nam.

Bộ trưởng Nguyễn Văn Hùng cho rằng, bên cạnh những giá trị quý báu về nền tảng lý luận, nguyên tắc cốt lõi, những nội dung của Đề cương về Văn hóa Việt Nam còn có giá trị thực tiễn lớn lao trong phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam trong suốt 8 thập niên qua.

"Ngay từ khi Đề cương ra đời, với việc đặt con người ở vị trí trung tâm, là chủ thể sáng tạo, đội ngũ văn nghệ sĩ giữ vai trò quan trọng của phát triển văn hoá đã cho thấy phát triển con người và phát triển văn hóa là hai mục tiêu gắn kết, không tách rời nhau. Vận dụng các nguyên tắc của Đề cương về Văn hóa Việt Nam, trong suốt những thập niên qua, việc kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống của văn hóa Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực. Cơ chế xử lý hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế đã từng bước được xác lập và vận hành trên thực tế góp phần gia tăng sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam. Thông qua Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam và Chương quốc gia về văn hóa qua các giai đoạn, công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa được quan tâm, đạt nhiều kết quả, các thiết chế văn hóa từng bước được đầu tư đồng bộ…

Vai trò, trách nhiệm tuyên truyền của báo chí

Nhân kỷ niệm 80 năm ra đời "Đề cương về Văn hóa Việt Nam" (1943 - 2023), Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành Hướng dẫn số 95-HD/BTGTW ngày 21/2/2023 hướng dẫn báo chí tuyên truyền sâu rộng về nội dung, ý nghĩa lịch sử, giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, lâu bền của "Đề cương về văn hóa Việt Nam"; nhằm tổng kết, đánh giá quá trình kế thừa, vận dụng và phát triển những nội dung cốt lõi của văn kiện; qua đó nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò quan trọng đặc biệt của văn hóa - văn nghệ, đề cao nghĩa vụ và trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền và đội ngũ trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ, quần chúng nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển con người Việt Nam thời đại mới và nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Thông qua các hoạt động tuyên truyền, kỷ niệm nhằm khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, phát huy cao

độ những giá trị văn hóa, sức mạnh, tinh thần cống hiến của các cấp, các ngành, của quần chúng nhân dân, nhất là những người làm công tác văn hóa, đội ngũ trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ cả nước tiếp tục quán triệt sâu sắc, toàn diện và đồng bộ hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng về văn hóa, văn nghệ, đặc biệt là quan điểm của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam và bài phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, ngày 24/11/2021. Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta khẳng định: Gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

Bên cạnh đó, báo chí tuyên truyền về thành tựu và kết quả nổi bật về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong 80 năm qua và trong hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng; biểu dương những mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương điển hình tiên tiến trong xây dựng, bảo tồn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa, con người Việt Nam; chú trọng tuyên truyền văn hóa, đạo đức trong Đảng và xã hội.

Tuyên truyền những vấn đề đặt ra trong công tác văn hóa - văn nghệ thời gian tới; kiến nghị - đề xuất nhiệm vụ, giải pháp để khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn dân tộc; xây dựng môi trường văn hóa số trong nền kinh tế số và công dân số; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về văn hóa, về đạo đức; xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa...

Mặt khác, tuyên truyền về sự cấp thiết, ý nghĩa to lớn của việc xây dựng "Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới"; các ý kiến đóng góp của chuyên gia, trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ đối với việc xây dựng các hệ giá trị và quá trình triển khai, đưa các hệ giá trị vào thực tiễn cuộc sống, góp phần thực hiện thắng lợi mục

Nhiều di tích được trùng tu, nâng cấp, nhiều di sản văn hóa của Việt Nam được ghi danh vào danh mục quốc gia, quốc tế như một cách ghi nhận và bảo tồn các giá trị lịch sử, giáo dục và sự đắc sắc về nghệ thuật, với 3.602 di tích quốc gia, 128 di tích quốc gia đặc biệt, 8 di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới, 15 di sản văn hoá phi vật thể và 9 di sản tư liệu được UNESCO ghi danh, 469 di sản văn hoá phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia; Nhà nước đã phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân cho 131 cá nhân, danh hiệu Nghệ nhân Ưu tú cho 1.619 cá nhân, 452 Nghệ sĩ Nhân dân, 2.623 Nghệ sĩ ưu tú, 136 tác phẩm, cụm tác phẩm về văn học nghệ thuật được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, 669 tác phẩm, cụm tác phẩm được trao tặng Giải thưởng Nhà nước.

tiêu phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Ngoài ra, tuyên truyền về sự đấu tranh, ngăn chặn các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc, phủ nhận ý nghĩa lịch sử, vai trò quan trọng của "Đề cương về Văn hóa Việt Nam", quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa - văn nghệ, xây dựng con người Việt Nam; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; tuyên truyền, lan tỏa những giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc, tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Tuyên truyền về các di sản văn hóa - góp phần khơi dậy lòng tự hào, tự tôn dân tộc

Di sản văn hóa Việt Nam chính là tài sản quý giá của cộng đồng 54 dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam từ hàng nghìn năm, là cốt lõi của bản sắc dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại. Di sản văn hóa tồn tại dưới dạng vật thể và phi vật thể. Luật Di sản văn hóa (2001) quy định: Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất, bao gồm những di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần, bao gồm tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân ca, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y dược học cổ truyền, về văn hóa ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc, và những tri thức dân gian khác.

Hiện nay, cả nước có 838 cơ quan báo in, 67 đài phát thanh, truyền hình, 92 báo, tạp chí điện tử và 01 hãng thông tấn quốc gia. Với vai trò là phương tiện thông tin nhanh nhạy, kịp thời và rộng khắp, công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về đề tài bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa dân tộc được đẩy mạnh ở tất cả các loại hình báo chí của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương. Thông tin trên báo chí đã góp phần tạo sự chuyển biến về nhận thức, nâng cao trách nhiệm và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị và của mỗi người dân ở trong nước cũng như người Việt Nam ở nước ngoài trong việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa dân tộc. Báo chí là kênh thông tin phản ánh đa chiều về các sự kiện, các hoạt động liên quan đến việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa dân tộc, để từ đó giúp cho các cơ quan chức năng và những người làm công tác quản lý, nghiên cứu về văn hóa có thêm thông tin khoa học và thực tiễn. Mặt khác, báo chí còn chủ động đóng góp vào việc xây dựng, hoàn thiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực văn hóa ■